

NGUYỄN LANG

VĂN LANG
DI SỰ'



AN TIÊM

VĂN LANG DỊ SỬ

VĂN LANG DỊ SỬ

c ủa

Nguyễn Lang

bìa và phụ bản

Hồ Thành Đức

An Tiêm xuất bản

lần thứ nhất - 1974

Bản quyền của tác giả.

NGUYỄN LANG

VĂN LANG
DỊ SỬ

AN TIÊM

LỜI NHÀ XUẤT BẢN

DỊ SỬ là lịch sử thần dị, lạ thường, là thực tại mang tính chất thi ca và thần thoại, phản ảnh tâm hồn của những con người sống trong thiên nhiên và cuộc đời với một tấm lòng cởi mở, hòa hợp, những con người còn nghe hiểu được tiếng chim, tiếng suối, còn nói chuyện được với sóng biển và sao trời.

Văn lang ngày xưa cũng là Việt Nam ngày nay. Tuy là **Dị Sử** mà không khác mấy với lịch sử hiện đại. Cũng khung trời ấy, cũng những con người ấy, cũng những bài học ấy. Nguyễn Lang đưa chúng ta về thăm quê hương cũ sáng đẹp nét nguyên sơ, để ta chứng kiến được chính lòng ta, nhận định được chính hoàn cảnh ta, nhìn lại được chính bản thân ta. Tiếng sóng gào thét bên triền núi Tản viên hôm nay vẫn còn là hiện thực.

An Tiêm cảm ơn Nguyễn Lang về lời nhắn nhủ, và xin gửi lòng theo từng trang của Văn Lang **Dị Sử** để cùng được bay tới với các độc giả thân mến xa gần.

Thủ Đô Miền Nam, ngày Hạ Chí
năm Giáp Dần

An Tiêm Kính Khải

I

DÒNG SÔNG NƯỚC NGỌT

THƯỞ xưa, khi trời đất còn mịt mờ, chưa có ánh sáng, có một con chim lớn bay tới đậu trên mặt đất. Hai cánh của chim lớn như hai màn đêm, phủ trọn mặt đất. Trong một thời gian không biết mấy trăm triệu năm, chim Hồng Bàng nằm yên trong tư thế ấy. Rồi một lúc kia, chim đặt xuống trên đất hai chiếc trứng vĩ đại, và thong thả bay đi. Tiếng đập cánh của chim vun vút tạo thành gió, làm cho không gian rung chuyển.

Một vạn năm sau, có ánh sáng chiếu ra từ chiếc trứng lớn. Đây là một chiếc trứng màu đỏ hồng. Ánh sáng càng ngày càng tỏ, soi sáng hắt vạn dặm chung quanh và xua đuổi những đám sương mù dày đặc bao vây đồi núi trong vùng.

Dần dần, chiếc trứng thứ hai cũng phát ra ánh sáng. Đây là một chiếc trứng màu ngà, nhỏ hơn chiếc trứng thứ nhất. Ánh sáng do chiếc trứng này phát ra thì dịu dàng và êm mát hơn.

Chiếc trứng màu ngà nở trước chiếc trứng

màu đỏ hồng. Trước hết, chiếc trứng rung động. Rồi những tiếng rắc rắc vang lên trong không gian yên tĩnh. Vỏ trứng vỡ tan thành từng mảnh. Một con thiên nga lớn từ trong trứng bay ra, uyển chuyển, vượt lên, vượt lên cao. Ánh sáng của chim thiên nga trải xuống mặt đất, dịu dàng và hiền hậu.

Đột nhiên có tiếng nổ lớn như sấm sét : chiếc trứng màu đỏ hồng vừa nổ. Ánh sáng rực trời rực đất, chói chan, nóng bỏng. Một con quạ vàng sáng rực như lửa vỡ cánh bay lên, phát ra những tiếng kêu liên tiếp như sấm động. Quạ vàng không bay theo hướng chim thiên nga, lại bay về hướng ngược lại. Cả hai con chim vĩ đại tiếp tục đường bay của mình. Chim thiên nga vẫn uyển chuyển phát ra ánh sáng dịu dàng. Còn chim quạ vàng, suốt trên đường bay của nó, vẫn tiếp tục phát ra những tiếng kêu như sấm nổ. Đôi cánh lửa của nó, trong khi đập mạnh, làm tóe ra những đốm lửa sáng ngời bay tản mát trong không gian. Những đốm lửa này lơ lửng trên trời cao, không tắt, và long lanh như những hạt kim cương.

Mặt đất từ hàng triệu năm qua đã chịu cảnh lạnh lẽo u tịch. Ánh sáng đem lại sự ấm áp và vui tươi. Chiếc vỏ trứng vĩ đại của quạ vàng, sau khi chim nổ, đã bóc cnay dữ dội, và cháy trong bảy năm mới tắt. Mặt đất, trên

một diện tích mấy vạn dặm, đã cháy xém theo chiếc vỏ trứng. Lửa cháy trong bảy năm, khiến đất đá trong vùng cháy tan thành cát mịn, và cả vùng biến thành sa mạc.

Ánh sáng và sức nóng sưởi ấm mặt đất, và làm bốc hơi từ biển cả, sông hồ. Những đám mây dịu dàng bắt đầu xuất hiện, che bớt ánh nắng chói chan. Từ mặt đất, một mùi thơm dịu dịu bốc lên. Hương của đất nồng nồng, say say và làm cho cả không gian ngầy ngất.

Ánh sáng dọi tới từng trời thứ ba mươi sáu của Phạm Thiên. Một bầy tiên nữ vén mây nhìn xuống, thấy mặt đất hồng chói rạng hào quang, bỗng có ý muốn hay xuống khám phá đất mới. Tiên nữ trẻ nhất và xinh nhất trong bọn đề nghị cả bầy biến thành chim Lạc. Cả bọn tức thời biến thành một bầy chim Lạc trắng như tuyết, vỗ cánh bay sà xuống trên mặt đất màu hồng.

Thật là một cuộc khám phá diệu kỳ. Trước hết, bầy chim trắng bay qua đại dương xanh biếc. Thấy bóng mình rợp trên mặt biển, bầy chim tưởng là đại dương có ý trêu ghẹo ; có ngờ đâu đó chỉ là linh bóng của chính mình tạo ra do ánh nắng của quạ vàng chiếu xuống. Ánh nắng sào mà ấm áp dễ chịu lạ thường. Bầy chim say sưa lướt cánh trên những núi đồi màu hồng, và cuối cùng sà xuống đậu trên một cánh đồi đất mịn. Con chim đầu đàn vừa

đặt chân chạm đất đã nghiêng cánh biển thành một nàng tiên nữ. Lập tức tất cả bầy chim đều nhất loạt hiện hình tiên nữ. Trên mặt đất chưa bao giờ có sự hân hoan tươi vui đến thế. Các cô cười nói, nắm tay nhau đi dạo trên đất, hoặc sắp hàng với nhau cùng chạy trên dốc đồi thoải thoải. Đất dưới chân họ mềm dịu như bông. Một lát sau, bầy tiên nữ quy tụ lại một nơi. Các cô cùng nhảy múa. Lần đầu tiên, trên mặt đất được biểu diễn những vũ khúc tuyệt vời chỉ thấy ở từng trời thứ ba mươi sáu. Nàng tiên trẻ nhất và đẹp nhất bỗng ngừng nhảy múa : cô quỳ hai chân xuống đất, hai tay vốc một nắm đất đưa lên nhìn. Đất sao mà thơm ngạt ngào. Các cô khác cũng ngừng nhảy múa và cũng vốc đất đưa lên nhìn ngắm. Bỗng một cô la lớn :

— Cơ ! Âu Cơ ! Đừng làm thế !

Mọi người quay nhìn cô tiên nữ đẹp nhất và trẻ nhất có tên là Âu Cơ. Cô này thấy hương đất ngạt ngào quá đã đưa đất lên miệng nếm. Khi người chị tiên nhận thấy và kêu lên, thì đã trễ quá rồi. Âu Cơ đã nếm và ăn hết một nắm đất nhỏ thơm ngon ấy. Người tiên nữ có vẻ là chị ấy đưa tay vạch các bạn tiên ra và chạy tới, cầm tay nàng Âu Cơ trẻ tuổi :

— Em dại dột quá. Cối của chúng ta là cối Sắc, không phải cối Dục. Chị sợ em đã phạm vào một lỗi lầm không thể nào chuộc lại được.

Nghe nói vậy tất cả các tiên nữ đều đề rơi nắm đất hồng và phúi sạch những bàn tay xinh đẹp của họ. Rồi cả bảy tiên xúm quanh Âu Cơ.

— Bây giờ làm thế nào ? một cô hỏi.

— Thì lên trên ấy đừng nói cho một ai hay biết, một cô khác trả lời.

Nhưng ánh sáng trên mặt đất bỗng mờ nhạt hẳn đi. Bảy tiên giắt mình. Quạ vàng trên đỉnh núi xa sắp sửa bay khuất sau núi. Ánh sáng rồi sẽ bay mất theo quạ vàng.

— Chúng ta phải trở về trước khi quạ vàng xuống khuất sau núi. Một nàng tiên nói như vậy, và nghiêng mình biến thành chim Lạc. Cả bảy tiên còn lại cũng bắt chước theo, tất cả đều nghiêng mình biến thành những con chim trắng muốt, vỗ cánh bay lên. Những cánh chim vỗ nhanh trên trời cao như những bàn tay vẫy về mặt đất nuôi tiếc.

Ánh sáng tắt hẳn, vì quạ vàng đã bay khuất. Nhưng chẳng bao lâu, trên không, chim thiên nga đã bay về. Ánh sáng của thiên nga dội xuống, mát rượi và dịu dàng, thay cho ánh sáng chói lọi và đôi khi gay gắt của quạ vàng lúc trước. Ngày đầu tiên của mặt đất đã đi qua, dài khoảng bảy năm. Bây giờ là bắt đầu đêm đầu tiên trên mặt đất. Một đêm dịu hiền, có ánh sáng êm mát của thiên nga chiếu xuống.

Dưới ánh sáng ấy, một con chim Lạc bay bơ vơ. Con chim này đã không thể cùng bay lên trời với đồng bọn. Con chim này đã ở lại vì hồi chiều khi bay lên tới mây thì hai cánh trĩu nặng, chim không thể nào bay lên cao hơn nữa. Nàng Âu Cơ xinh đẹp, vì nếm phải hương vị đất mới, đã đánh mất thần túc. Nàng phải bay trở về mặt đất. Nàng ở lại trên mặt đất trong đêm đầu tiên, bơ vơ như chưa bao giờ từng bơ vơ. Hiện hình tiên nữ, nàng ngồi gục đầu trên một tảng đá và khóc.

Nước mắt nàng chảy thành một con sông dài.

Trong đêm, con sông nước mắt tìm ra tới biển, hòa vào nước biển. Dưới biển sâu có loài thủy tộc bỗng nếm phải những dòng nước mới này, những dòng nước có hương vị đất mới ngọt ngào và thơm tho. Hàng vạn loài cá tôm sò ốc chuyển nhau tin lạ. Hoàng tử con của Long Vương, vì đang đi chơi và không ở trong cung điện thủy phủ nên nhận được tin ấy rất sớm. Chàng hóa thân thành một con cá nhỏ, ngược theo một dòng nước ngọt để mong tìm ra nguồn gốc của nó. Chàng bơi rất nhanh, và khi tìm được đến cửa một dòng sông thì đêm đầu tiên trên mặt đất cũng đã chấm dứt — dù rằng cái đêm sâu khổ nhất của nàng tiên Âu Cơ ấy dài tới bảy năm.

Khi hoàng tử con của Long Vương ngồi



đầu lên mặt nước thì qua vầng đã bay trở lại trên hư không. Chưa bao giờ chàng thấy mặt biển đẹp như vậy. Màu xanh trên mặt biển thăm thiết hơn màu bích ngọc của cung điện phủ hoàng dưới đáy biển. Từng đợt sóng xô nhau tung tóe, bọt trắng như tuyết. Chàng nhảy lên, cao khỏi mặt biển, vào hẫ trong không khí. Không khí sao mà mềm nhẹ, trong trẻo và bao la quá. Bầu trời cũng xanh như nước biển. Xa xa thấp thoáng đất liền và núi đồi. Tất cả giống hệt như dưới đáy biển; chỉ khác là thế giới trên đất có vẻ rộng rãi hơn, nhẹ nhàng hơn, và trong suốt hơn,

Hoàng tử nhảy lên bờ cát và hiện thành một chàng trai tuấn tú, mắt sáng như sao, trán rộng, chân dài. Chàng dạo chơi trên bờ biển. Biết bao nhiêu cảnh đẹp làm chàng chú ý. Những ngọn núi cao chồm chồm, những ghềnh đá nối nhau soi mình xuống đại dương. Chàng rời bờ biển đi sâu vào lục địa, ngắm nhìn con sông nước chảy trong veo, thứ nước ngọt thơm mà lần đầu loài thủy tộc được nếm. Chàng men theo bờ giòng sông, đi ngược lên để tìm suối nước. Càng đi chàng càng thấy đẹp. Hai bên bờ sông rêu lên xanh mướt. Chàng thấy những bờ cỏ xanh rờn, thỉnh thoảng có điểm những bông hoa nhỏ màu vàng, màu tím. Chưa bao giờ chàng thấy một sự màu nhiệm như vậy. Dưới đáy biển tuy

rằng có thảo mộc lá lướn, và nhiều loại hoa cỏ thơm tho, nhiều loại san hô kỳ lạ, nhưng chưa bao giờ chàng thấy những tấm thảm xanh điểm những bông hoa đủ màu đủ sắc như vậy. Chàng chắc hẳn đây là phép lạ của dòng nước ngọt, bởi vì phía trên kia không có ngọn đồi nào cũng như trái núi nào có được màu xanh kỳ diệu như ở ven sông.

Đây là ngày thứ hai trên mặt đất.

Hoàng tử bỗng thấy đàn bướm nhỏ xuất hiện trên bờ cỏ xanh non. Những con bướm sắc sỡ như những cánh hoa, và nếu chúng không bay, có lẽ chàng đã tưởng chúng là những cánh hoa. Dưới thủy cung chàng chưa bao giờ thấy một loài sinh vật mong manh như thế. Những con bướm nhẹ nhàng như khi trời, chở đầy ánh nắng trên đôi cánh và cứ quanh quẩn bên các bông hoa. Có lẽ chúng tưởng các bông hoa kia cũng là đồng loại của chúng.

Hoàng tử bắt đầu leo lên một trái núi, bởi vì chàng nhận thấy dòng sông đã từ núi chảy xuống. Nước bây giờ róc rách kêu, mòn man từng tảng đá giữa lòng suối. Những đám rêu xanh bao quanh nhiều tảng đá; và ở hai bên bờ suối, cỏ non và các bụi cây cũng đã thấy xuất hiện. Bỗng hoàng tử ngạc nhiên dừng lại. Một cảnh tượng chưa từng có đang xảy ra trước mắt chàng.

Trên một tảng đá lớn phủ rêu xanh, một thiếu nữ đang gục đầu nằm khóc. Thiếu nữ không có xiêm y; thân hình nàng xinh đẹp như chưa có một sinh vật nào dưới thủy cung đã từng xinh đẹp. Nàng như một chiếc hoa mới nở. Cánh tay trắng nõn của nàng kê dưới trán; tóc nàng dài xanh buông xõa xuống suối, suối tóc xuôi theo dòng nước cuộn. Đó là Âu Cơ, người tiên nữ vì nếm phải đất thơm cho nên mất thần tức và phải ở lại hạ giới. Nàng đã khóc từ đầu hôm ngày hôm qua cho đến sáng hôm nay, nghĩa là trong khoảng thời gian mười mấy năm trời.

Hoàng tử không tiến thêm bước nào nữa. Chàng đứng nhìn một lát, rồi đọc một bài thơ đề thức nàng dậy :

Nắng reo trên đất mới
Trời xanh như nước xanh
Theo sông dài tìm tới
Thấy bướm hồng lượn quanh
Người đã từ đâu lại ?
Vì sao khóc một mình ?

Thức nàng dậy ? Không phải, vì tiên nữ không ngủ. Nàng đang gục đầu trên cánh tay mà khóc và chỉ ngừng lên nhìn khi nghe tiếng nói của hoàng tử thủy cung. Tiên nữ chớp mắt nhìn người con trai cao lớn. Nàng ngồi dậy và lau nước mắt bằng mớ tóc. Nàng trả lời hoàng tử, mắt nàng nhìn thẳng vào mắt chàng:

Qua vàng soi sáng
Đất mới thơm lừng
Một bầy chim Lạc
Lưng trời xuống thăm
Nắm nhả đất mới
Mất đi thần thông
Chị em về hết
Một mình ngồi trông
Bơ vơ cảnh lạ
Khóc thành dòng sông.

Rồi Âu Cơ kể cho hoàng tử nghe từng chi tiết cuộc khám phá táo bạo của bầy tiên nữ, từ lúc chị em vén mây nhìn xuống cho đến khi nàng không bay lên khỏi tầng mây thấp nhất và phải trở về mặt đất. Hoàng tử ngồi xuống một tảng đá bên cạnh và kể cho nàng nghe đời sống dưới thủy cung, nơi phụ vương chàng ngự trị, và duyên cớ nào chàng tìm tới được nơi đây. Chàng kể, giọng ấm áp và dịu dàng; mỗi khi nhắc tới ánh sáng, qua vàng, không gian xanh biếc và núi đồi thơm ngát, mắt chàng lại sáng lên. Hai người cùng nhìn lên trời xanh, cùng nhìn ra đất đỏ và cùng cúi xuống quan sát những cỏ cây rong rêu mọc trong lòng và bên bờ suối. Hoàng tử cố an ủi tiên nữ; chàng nói rằng có thể các chị em nàng sẽ xuống thăm nàng hôm nay hoặc ngày mai, rằng thế nào các tiên nữ cũng tìm được cách đưa nàng lên thượng giới. Hai người nói

chuyện rất lâu và nàng Âu Cơ, lấy cái vui của người hoàng tử thủy cung, đã nói cười trở lại như tai họa của nàng chưa bao giờ từng xảy tới. Họ nắm tay đi bên dòng suối, tìm xuống đồng bằng. Bỗng hoàng tử nhận thấy rằng nước sông đã gần cạn. Hai bên bờ, dưới gót chân họ, cỏ hoa đã héo úa. Đàn bướm đã biến mất. Đi một chặng nữa, họ nhận thấy cỏ dưới chân mình đã khô cháy. Trên đầu họ, qua vầng ném xuống những tia nắng nóng bỏng. Bóng của hai người rút ngắn lại : ngày đã trưa.

— Mặt đất chỉ xanh và đẹp khi được tưới bằng nước mắt nàng. Trên bờ biển, ta không thấy có cây cối và hoa cỏ như hai bên giòng sông này. Như vậy chắc chắn là nước biển không làm cho cây cỏ trên đất xanh tốt. Để ta dùng một ít nước còn lại dưới dòng kia để làm mưa.

Nàng Âu Cơ không biết làm mưa là gì, toan hỏi, thì người trai trẻ đã đi xuống gần lạch nước nhỏ còn chảy mong manh giữa lòng cát trắng. Chàng vốc nước trong tay và uống ba lần. Khi trở lên, chàng nói :

— Chúng ta hãy tạm ngồi xuống đây. Ta sẽ làm cho mặt đất tằm ướt thứ nước dịu ngọt và kỳ diệu này. Nàng hãy yên lặng và đừng nói lên một lời nào trước khi có mưa. Hãy nhìn trên mặt biển, và nếu thấy gì lạ đừng nên lấy

làm kinh quái. Nếu nàng là giống Tiên, thì ta là giống Rồng, không nên vì sự khác lạ mà khiếp đảm.

Nói xong từ triền đồi thoai thoải chàng chạy nhanh xuống bờ biển. Từ đồi cao, nàng trông thấy chàng hoảng tử chấp tay lại như một búp sen và chao mình một cái, biến mất vào trong biển cả.

Một lát sau, Âu Cơ thấy mây khói hiện ra trên mặt biển cuộn cuộn. Cuộn cuộn, từng đám mây bay lên trời cao, không ngớt. Đây là những đám mây màu xám, không phải những đám mây trắng tinh có sẵn trên những tầng trời cao. Phút chốc mây đen đã che kín trời xanh. Ánh sáng của quả vàng chiếu xuống chỉ còn mờ nhạt đủ để nàng trông thấy cảnh vật... Bỗng có tiếng ầm ầm dưới biển cả. Một con rồng lớn, dài hàng mấy mươi dặm, sắc vàng chói, từ biển cả tung mình bay lên trên không gian, thân hình rồng uốn lượn uyển chuyển và kỳ diệu. Phút chốc rồng đã bay khuất trong mây.

Đột nhiên có tiếng sấm nổ vang động. Một tia chớp lóe lên trên bầu trời đen kịt. Âu Cơ nghe tiếng rào rào bốn phía. Nàng hoảng hốt đứng dậy, nhìn, nhưng không thấy gì lạ. Bỗng nhiên nàng có cảm giác lạ trên da thịt mình : một cảm giác ướt, mịn, mát mẻ và dễ chịu. Nước rơi trên người nàng muôn ngàn giọt. Hoàng tử long cung đã làm mưa. Hoàng tử

long cung đã làm ra mưa !

Tiếng mưa rơi đều đều và êm êm như tiếng hát. Tiếng mưa vỗ về, an ủi như giọng nói ấm áp và chầm rãi của người trai trẻ ban nãy đã cùng nàng ngồi trên bờ suối nói chuyện. Nàng đưa hai cánh tay lên đón những giọt mưa mát rượi. Nàng đưa đầu, đưa tóc, đưa vai và đưa thân thể nàng ra đón những giọt mưa mát rượi. Bỗng nàng nhận ra rằng dưới chân nàng, cỏ non đã mọc trở lại. Nhìn xuống dòng sông nàng thấy nước đã ngập đầy. Mưa như thế không biết trong bao lâu. Đến khi hầu hết các đám mây đã tan, ánh sáng đã chan hòa đầy đủ trên mặt đất thì rừng vàng, còn ẩn trên một đám mây, đưa mắt nhìn xuống.

Đây đó, có rất nhiều dòng sông đã được khơi thành. Không những hai bên bờ các con sông cỏ xanh đã mọc lên tươi tốt, mà khắp nơi, trên núi đồi, dưới đồng bằng, cây cỏ cũng đã mọc lên xanh um. Những bông hoa tím, vàng, hồng, trắng... hiện ra khắp nơi. Mặt đất đẹp lên một cách diệu kỳ. Và kia, xuôi theo những nét đẹp uyển chuyển của những dòng sông, có hình dáng của Âu Cơ nằm duỗi chân dài bên bờ đại dương, tóc xõa lên cả một vùng núi đồi, hình dáng nàng nổi bật trên màu xanh của một vùng cỏ cây xanh tốt, mát và tươi như đất mới. Âu Cơ xinh đẹp, đầy đặn và đầy sinh lực như lòng đất.

Rồng vàng bay xuống và hiện lại thành người con trai tuấn tú, tay cầm một bông sen trắng. Chàng thao thức muốn gặp lại người con gái mà chàng đã đem lòng yêu từ phút đầu mới gặp.

Còn Âu Cơ, nàng cũng thao thức hồi hộp đợi chờ phút trở về của chàng hoàng tử thủy cung hùng dũng và xinh đẹp, có giọng nói như nắng sớm sưởi ấm lòng nàng.

II

TRĂM TRÚNG

LẠC Long ngồi trên một ghềnh đá cao, nhìn xuống biển. Chàng thấy một đoàn ngư dân đang kéo lưới trên bãi cát. Thân hình của họ rạm nắng, khỏe mạnh và xinh đẹp. Nghe lời chàng, họ đã vẽ hình giao Long trên người để mỗi khi lặn xuống nước, các loài thủy quái biết họ cũng có thân tộc với loài rồng mà không làm hại. Thật không còn gì đẹp bằng một buổi sáng trên bờ đại dương. Chân trời màu xanh lam nối tiếp với mặt biển màu xanh thẳm. Mặt trời đã lên tới một con sào. Ánh nắng rực rỡ đổ xuống mặt biển những vũng hào quang đỏ thắm, chói lọi. Vài ngư dân đang hạ thủy một chiếc thuyền đánh cá. Loài người quả thật là thông minh và quả cảm. Sự thông minh này họ đã thừa hưởng được của bên mẹ, vốn là dòng dõi tiên nữ. Sự quả cảm kia, họ đã thừa hưởng được của bên cha, vốn là dòng dõi loài rồng, dòng dõi của chàng.

Hoàng tử long cung được mọi người trong vương quốc Âu Lạc gọi là Lạc Long. Không biết theo năm tháng dưới thủy cung, thì chàng

đã vắng mặt dưới đó bao nhiêu lâu rồi. Chàng chỉ biết rằng từ khi cùng với tiên nữ Âu Cơ phối hợp, bảy ngàn năm đã đi qua trên mặt đất. Âu Cơ vẫn còn xinh đẹp như hồi nào vì nàng là tiên nữ, không chịu luật già chết như các sinh vật sinh trưởng trên mặt đất. Nhưng trong bảy ngàn năm, loài người đã sinh sôi nẩy nở và trở nên đông đảo.

Trong buổi đầu của đời sống văn minh loài người, Âu Cơ và chàng đã có mặt để dạy dỗ và che chở. Vương quốc nay đã đông đảo. Nhiều thế hệ người đã lớn lên và mất đi, nhưng dân chúng vẫn còn tiếp tục suy tôn tiên nữ Âu Cơ là nữ chúa và lấy hình chim Lạc của nàng làm biểu tượng giống nòi. Tất cả đều lấy chữ Lạc làm họ. Chính chàng, chàng cũng được dân chúng gọi là Lạc Long. Những lúc thân mật họ gọi chàng là Bố.

Bảy nghìn năm. Đối với đời sống dưới thủy cung, có lẽ thời gian đó chỉ dài chừng năm bảy tháng nhưng ở trên mặt đất xinh đẹp này, bao nhiêu biến chuyển và tiến bộ đã xảy ra trong khoảng thời gian đó. Chàng hồi tưởng lại ngày đầu tiên bước chân lên mặt đất, theo dòng sông ngọt tim tới Âu Cơ. Chàng nhớ tới trận mưa đầu tiên mà chàng đã làm rơi trên mặt đất bao la. Nước mắt của tiên nữ Âu Cơ là nguồn sống của cây cỏ và mọi sinh vật khác trên mặt đất. Đó là một chất nước ngọt ngào, uống vào

mát gan mát ruột. Có nhiều khi chàng nghĩ Âu Cơ chính là mặt đất tươi mát xanh rờn, chứa trong lòng nàng bao nhiêu con suối ngọt không bao giờ khô cạn.

Cuộc gặp gỡ giữa chàng và Âu Cơ là một cuộc gặp gỡ mẫu nhiệm. Âu Cơ là sự xinh đẹp. Âu Cơ là nguồn sống. Âu Cơ là đất mát đầy sinh lực mẫu nhiệm. Từ lúc hai người gặp nhau, chàng thấy tình yêu xuất hiện. Ăn ở với nhau không lâu, thì nàng hạ sanh được một bọc trứng.

Chàng nghĩ nếu cả hai người đều cùng chung là loài rồng thì chắc hẳn trứng rồng lại nở con rồng. Nhưng đây chắc không phải vậy. Đây là một cuộc phối hợp giữa rồng và tiên nữ. Cuộc phối hợp này sẽ đi đến kết quả nào, chàng đã phải chờ đợi nhiều ngày mới biết.

Họ ở với nhau trong một cái động ở trên một ngọn núi gọi là núi Long Trang. Đẻ đàn con sau này được hấp thụ tinh hoa của đất trời, họ đem bọc trứng ra đẻ ở ngoài đồng cỏ xanh mát.

Trong chín năm, ngày nào hai người cũng đi ra ngoài động thăm bọc trứng. Họ ngồi trên cỏ mượt, dưới ánh thiên nga, hoặc trong nắng ấm dưới bóng quạ vàng, lắng nghe tiếng cỏ cây, lắng nghe tiếng gió rì rào mẫu nhiệm. Ngôn ngữ của họ phần lớn được làm bằng sự yên lặng, nhưng sự thông cảm giữa hai người

luôn luôn được thiết lập dễ dàng. Chàng có thể đọc ý nàng khi nhìn vào hai mắt đẹp. Và những bàn tay chàng, khi đưa lên để diễn tả bằng hình tượng, đã là một thứ ngôn ngữ nhiệm màu, như hình tượng rồng vàng uốn khúc trên không trung. Một buổi sáng kia, gió hòa nhạc trong cây. Khi hai người ra tới đồng cỏ xanh thì bọc trứng đã nở lớn như một ngọn đồi. Bọc trứng nở ra : một trăm chiếc trứng trắng như tuyết nằm trên cỏ xanh. Khi nắng lên ấm, những chiếc trứng bắt đầu nở. Từ mỗi chiếc trứng, một hài nhi bu bẫm sinh ra.

Hai người ngạc nhiên và vui mừng hết sức. Họ tới ẵm những chú bé và cô bé hồng hào xinh đẹp trên tay. Một trăm đứa bé mà đứa nào cũng đưa hai tay về phía hai người. Lạc Long và Âu Cơ đem các con về động, dùng các loại cỏ cây mềm dịu như tơ để làm nôi cho các con, và săn sóc từng đứa. Tinh hoa của đất trời màu nhiệm quá, sinh lực của tiên và rồng phong phú quá, bầy trẻ thơ không cần bú mớm mà đứa nào cũng lớn mau như cỏ hoa ngoài đồng nội.

Âu Cơ đề gặt hết ngày giờ ra săn sóc một trăm đứa bé xinh xắn của nàng. Nàng niu từng đứa trong hai tay, nàng nhìn ngắm không chán kết quả của Tình Yêu. Nàng thấy được làm mẹ là một điểm phúc lớn. Nàng yêu mặt đất, yêu cây cỏ, yêu sự sống mới. Thỉnh thoảng

nàng vẫn nghĩ đến chị em tiên nữ của nàng, nhưng nỗi mong nhớ không còn mãnh liệt như trước. Các tiên nữ chưa bao giờ trở lại, có lẽ họ đã không được quyền trở lại trên mặt đất. Nàng nhớ chị em nhưng nàng chấp nhận sự sống trên mặt đất, xem mặt đất là quê hương của nàng.

Lạc Long không nghĩ đến chuyện về thủy phủ. Chàng ở lại trên mặt đất, xây cuộc sống êm đềm bên Âu Cơ. Bọn trẻ đã lớn, thân hình cũng như trí tuệ phát triển một cách mau chóng lạ thường. Chàng dạy cho con biết nói. Chàng phối hợp tiếng nói của trời Phạm Thiên và tiếng nói của nước Long Hải để làm thành ngôn ngữ dạy cho các con. Chàng dạy các con gọi mình là Bố. Và, cũng như ngón tay lớn trong một bàn tay được gọi là *ngón tay cái*, Hoàng tử dạy các con gọi Âu Cơ bằng một tên gọi rất đẹp : *Cái*. Các con gái của nàng, thường gọi nàng một cách nũng nịu : « *Cái ơi, cho chúng con lên đồi hái hoa, Cái nhé ?* »

Cùng với Âu Cơ, hoàng tử dùng ngôn ngữ mới đặt tên cho những sự vật trên mặt đất và những sự vật đã sinh trưởng trong rừng sâu hoặc dưới đồng nội. Họ gọi những vùng cây cao mọc chi chít sát nhau là rừng. Họ gọi những đồng đất đá vĩ đại ngất trời là núi. Họ gọi qua vầng là Mặt Trời, thiên nga là Mặt Trăng. Họ cũng lấy tên các hiện tượng thiên nhiên và các

loài hoa chim để đặt tên cho một trăm đứa con của họ : núi, nước, rừng, trắng, mai, lè, đào, lý... Một trăm đứa con, nhưng hai người vẫn nhớ được tên từng đứa.

Khi các con đã lớn, họ dạy cho các con biết vào rừng hái quả, biết đeo gọt những dụng cụ bằng đá để săn bắn trong rừng, biết đan những chiếc lưới thô sơ để bắt tôm cá trong sông. Chàng nhớ lại một đêm lạnh lẽo kia Âu Cơ nằm mộng thấy một thần nhân sáng ngời, trên tay cầm một con quạ vàng toé tung những lửa. Lửa cháy làm nàng cảm thấy ấm áp. Thần xưng là A Nhi. Thần chỉ vào những dụng cụ bằng đá và nói :

— Khi nào lạnh lẽo thì các người có thể gọi ta. Ta là con của Mặt Trời được gửi xuống giúp các người. Ta ở trong những tảng đá này.

Thức dậy, Âu Cơ đã kể cho chàng nghe giấc mộng. Cả hai người đến lật những dụng cụ bằng đá lên xem nhưng không thấy gì. Chợt nhớ ra rằng trong khi đeo gọt những dụng cụ này, chàng và các con trai chàng đã làm loé ra những tia sáng giống hệt như nàng đã thấy trong mộng, Âu Cơ bèn nhắc chàng. Hoàng tử đập những tảng đá vào nhau toé lửa. Họ dùng bụi nhùi để bắt lửa. Từ đó họ có lửa để nấu nướng và sưởi ấm.

Chàng dạy con đốn cây làm những chiếc nhà sàn để ở. Trời rét, chàng bảo Âu Cơ đi tước



vỏ cây, đập nát xe lại thành sợi và đan thành những tấm áo choàng. Các con gái của Âu Cơ đều giúp nàng, và trong một thời gian không lâu, mọi người đều có áo mặc. Họ bứt cỏ ống, phơi khô, dệt thành chiếu để lót trên sàn nhà nằm cho ấm. Cá tôm chài lưới được và cầm thú săn bắn được, nếu ăn không hết thì họ dạy đem phơi khô. Nhưng công việc mà Âu Cơ ưa thích hơn cả là trồng lúa nếp. Họ lấy dụng cụ bằng đá để cày cấy, gieo hạt lúa nếp. Ở những khu đất thấp, họ mở đường mương để lấy nước tưới ruộng. Hoàng tử dạy con bỏ gạo nếp trong ống tre, lấy bùn trát lại và quăng vào đồng lúa. Sau khi bùn đã cháy, chẻ ống tre ra, họ có cơm nếp rất thơm và rất ngon. Cứ như thế sự sống màu nhiệm diễn ra trên mặt đất. Hàng ngàn năm đã đi qua. Thế hệ các con đã lớn, thế hệ các cháu ra đời. Rồi thế hệ các cháu đã lớn, chuẩn bị cho những thế hệ kế tiếp. Loài người tuy là con Rồng cháu Tiên, nhưng mỗi con người chỉ sống trên mặt đất khoảng vài trăm năm. Có những con người tập phép trường sinh theo cha mẹ, cũng trở thành bất tử về sống ở thủy cung hoặc lên tiên dao trên những cảnh nước non thanh tú không có dấu vết sinh diệt. Phần đông đều sống cuộc đời vài trăm năm trên trái đất và khi chết thì linh hồn đi về cõi Âm, nơi đó thỉnh thoảng những người sống cũng được viếng thăm.

Những trẻ em khi lớn lên, được dựng vợ gả chồng. Mỗi khi có một cuộc gả cưới như thế, chú rể và cô dâu được các anh chị và xóm làng đem tặng rất nhiều cơm nếp. Nếu một gia đình nào muốn gả chồng cho con gái thì dùng muối để đến nhà trai làm lễ hỏi. Đến ngày cưới, chú rể được rước về nhà cô dâu và vĩnh viễn thuộc về gia đình này. Hai vợ chồng mới được ở một phòng riêng. Lễ hợp cẩn rất đơn giản : hai vợ chồng mới cùng ăn cơm nếp với nhau. Muối dùng trong lễ hỏi tượng trưng cho sự mặn mà, và *cơm nếp* ăn trong lễ hợp cẩn tượng trưng cho sự keo sơn bền chắc. Ở những đám cưới lớn, người ta còn đem tới tặng bánh làm bột cây quang lang và cây soa đồng. Tất cả những tập tục này, chàng nhớ, đều do Âu Cơ dạy bảo. Các cặp vợ chồng này không sinh ra những bọc trứng nữa. Họ sinh ra mỗi lần một hài nhi bé bỏng. Buổi đầu bà chúa Âu Cơ dạy họ lấy lá chuối tươi lột cho dứa bé nằm, và các cách thức nuôi dưỡng, bú mớm.

Trước kia, vì muối là một thứ hiếm, Âu Cơ dạy các con lấy rễ gừng để làm muối. Sau này, chàng đã dạy các con phơi nước biển cho khô để làm muối. Nhờ có muối, họ làm được đủ thứ mắm và nước mắm để dành. Trong buổi đầu Âu Cơ cũng đã dạy cho các con những khúc múa và những bài hát. Bây giờ có những đêm dân chúng trong vương quốc tổ chức

những cuộc múa hát sáng đêm. Những đêm múa hát thường được tổ chức tung bừng quanh một đồng lửa lớn. Nhạc khí đầu tiên được phát minh là trống, làm đơn sơ bằng gỗ và da thú vật. Những người tham dự, lớn hay bé, đều trang sức trên đầu bằng những chiếc lông chim trắng để tự nhận là giống giống chim Lạc. Đem theo tiếng trống tung bừng là tiếng chày đá giã gạo đều đều. Từng cặp hai người, một trai một gái, cầm những chiếc chày dài bằng đá cao tới vai, phía trên có trang sức lông chim. Họ giã chày vào một cối đá, tiếng giã thành thịch theo nhịp của những người đang múa hát xung quanh đồng lửa.

Các thế hệ sau đó đã khám phá ra chất đồng, và thay thế những chiếc trống gỗ đơn sơ bằng những chiếc trống đồng, âm thanh vang như sấm động.

Tiếng hát của dân chài từ bãi biển vọng lên, làm Lạc Long chú ý nhìn xuống. Trong lưới, hàng ngàn con cá bạc lấp loáng dưới ánh mặt trời. Ngư dân vừa đánh được một mẻ cá lớn. Bỗng nhiên, Lạc Long thấy cánh tay phải rung động. Chẳng giật mình. Đúng rồi, đây là dấu hiệu phu vương chàng, vua của loài rồng, từ

thủy phủ gọi. Chàng biết đã tới thời hạn phải về Thủy Cung đề lên ngôi Long Vương. Phụ vương chàng đã đến lúc muốn ăn cư tu luyện, và muốn trao ngôi báu cho chàng. Đã lâu quá, chàng không về thăm nơi cung điện. Lạc Long xao xuyến khi nghĩ đến lúc phải từ giã mặt đất để trở về dưới nước.

Có một bàn tay đặt nhẹ trên vai chàng. Lạc Long nhìn lên. Chàng thấy Âu Cơ đã đến và đứng tự bao giờ trên ghềnh đá. Nàng hỏi, tay vẫn đề trên vai Lạc Long :

— Chàng suy nghĩ gì vậy ?

Lạc Long đứng dậy, cầm tay nàng :

— Phụ vương dưới Thủy Cung gọi ta về, ta phải đi ngay. Nàng ở lại bảo vệ các con. Ta về Thủy Cung chịu lễ truyền ngôi, rồi sẽ trở lên sớm.

— Chàng cho em cùng về được không ?

— Trời tròn, đất vuông, nước và lửa tương khắc. Nàng là giống Tiên, ta là giống Rồng. Tuy cuộc phối hợp của chúng ta rất đẹp đẽ trên mặt đất này, nhưng ta không thể lên thăm cõi trời Phạm Thiên, cũng như nàng không thể xuống thăm Thủy Phủ. Ta ao ước được mời nàng xuống thăm cung điện dưới nước, chỉ tiếc là nàng không xuống được đấy thôi.

— Thiếp cũng biết điều đó. Nhưng sau này các con của chúng ta, loài người, có thể xuống Thủy Cung được không ?

— Các con chúng ta, tuy thuộc về giống Tiên, nhưng chúng cũng thuộc về giống Rồng, vì vậy có thể xuống thăm Thủy Cung. Tuy vậy nếu một trai một gái cùng đi sẽ dễ dàng, ít xung khắc hơn. Sau khi đã sắp đặt công việc dưới ấy xong xuôi, ta sẽ trở lên. Trong trường hợp cấp bách, muốn gọi ta, nàng hãy cho hai đứa xuống Thủy Cung tìm. Người nào cầm trong tay vật này là có thể đi tới cung điện của ta, không sợ gì nguy hiểm.

Nói xong, Lạc Long nhả ra trên tay một viên ngọc sáng ngời, trao cho Âu Cơ. Chàng nói tiếp :

— Phụ vương lại giục nữa rồi. Ta phải đi ngay mới được.

Từ ghềnh đá, chàng cầm tay Âu Cơ, đưa nàng xuống bãi cát trắng. Trời đã đứng bóng ; ngư dân đã về xóm. Lạc Long ngược nhìn bầu trời bao la. Trời xanh quá. Trưa im lặng. Trong chiều sâu của không gian, chàng thấy bảy ngàn năm qua mau như một giấc mộng. Chàng cầm hai tay Âu Cơ, nhìn nàng trong hai mắt một hồi lâu. Và bỗng chàng cúi xuống hôn trên hai má nàng, rồi nghiêng mình biến thành một con cá nhỏ, lội vào biển xanh. Âu Cơ đứng ngẩn ngơ một hồi. Bỗng nàng ngược mắt nhìn ra biển xanh và gọi lớn tên chàng :

— Nāga ! Nāgarāja !

Nhưng Lạc Long đã đi. Chàng đã đi xa. Đáp lại lời gọi của nàng, chỉ có tiếng sóng biển mỗi lúc mỗi trở thành rào rạt.

III

CHUYẾN ĐI (I)

CHƯA bao giờ, từ khi Âu Cơ và Lạc Long dựng nước, mà trời lại nắng khô lâu ngày đến như thế. Có hơn sáu tháng rồi trời không mưa. Các dòng sông và các dòng suối đã hầu cạn. Cỏ trên đồng cháy vàng. Lúa nếp thiếu nước không mọc được nữa. Lúa còn non mà đầu đầu cũng đã thấy cây lúa úa vàng như rơm rạ. Nắng thiêu đốt đến nỗi đó đây đất nứt nẻ ra trông rất thảm thương. Dân chúng phải chạy vào rừng trốn nắng vào những buổi trưa nóng bức nhất.

Gió cũng ít thổi. Trời im phăng phắc. Có một cái gì đè nặng trên không khí, ai cũng thấy ảm ức.

Ân cư tận trên đỉnh núi từ ngày Lạc Long bỏ về Thủy Phủ, bà Âu Cơ cũng đã tìm về đồng bằng vì nghe tiếng kêu khóc của dân chúng. Thấy con cháu rên siết vì nắng hạn, bà đau lòng. Bây giờ chỉ có một cách là cho người đi gọi Lạc Long. Hiện giờ chàng đã lên ngôi Long Vương rồi ; không biết vì sao mà lâu quá chàng chưa trở lại.

Là giống giống Tiên thuần túy bà không thể xuống Long Cung được, nhưng con cháu bà vì cũng là giống giống của Rồng, nên có thể đi xuống Thủy Phủ Viên ngọc quý mà Long Quân đã trao cho bà trước khi từ giã, bà đang còn giữ. Bà trao lại cho một người trai trẻ tên là Lạc Hùng, và dạy chàng tìm cách xuống Long Cung cầu Long Vương lên làm mưa cứu nạn. Hùng là người con trai can trường nhất và thông minh nhất của Thôn Hạc Trắng. Thôn Hạc Trắng nổi tiếng là miền văn nhã của vương quốc. Ở đây có nhiều trai thanh gái lịch. Ở đây lại có một cây chiên đàn sống đã bốn nghìn năm, cao tới ngàn tầm, ngọn cây thường lẫn vào mây trắng. Tàn lá rộng che phủ cả một vùng. Có rất nhiều chim hạc đậu và làm tổ trên cây. Bà chúa Âu Cơ mỗi lần từ núi cao về hay tới dưới gốc cây để gặp gỡ dân chúng.

Hùng được cả thôn yêu mến. Bà chúa đã giao chàng sứ mệnh xuống Thủy Cung, nhưng chàng chưa biết cách gì xuống được Thủy Cung. Bà Chúa cũng đã trao cho chàng một viên ngọc và dặn dò chàng nên cùng đi xuống thủy phủ với một người con gái.

Lạc Hùng có quen biết một cô con gái cùng tuổi. Nàng tên là My. Theo chàng, My là cô con gái duyên dáng nhất trong thôn. Hùng nghĩ rằng đi với một người con gái như My xuống thủy phủ là một niềm vui ; nàng thông minh và

lanh tri, có thể giúp chàng được trong lúc đi đường. Nhưng đi với một cô gái, dù là cô gái mình yêu mến nhất, cũng là một gánh nặng. Nếu gặp những hiểm nguy bất trắc, sức lực của một thiếu nữ làm sao chống cự được với các loài thủy quái hiểm độc ?

Trên con đường đến nhà My, Hùng băn khoăn không biết sẽ khởi hành cách nào. Đánh rằng bà Âu Cơ có bảo rằng mang viên ngọc quý trong mình thì có thể rẽ nước đi xuống biển ; nhưng đại dương bao la như thế, biết hướng nào mà đi, và đi bao lâu cho tới thủy cung ? Bỗng có người hỏi :

— Hùng suy nghĩ gì vậy ?

Hùng ngừng nhìn lên. My đón đường chàng, tươi cười. Nàng nói tiếp, dáng điệu có vẻ bí mật :

— My biết anh nghĩ gì rồi.

Rồi nàng hạ giọng :

— Có phải anh đang nghĩ cách tìm xuống thủy cung phải không ? Nếu thế thì em biết, em sẽ chỉ cho.

Hùng mở mắt lớn nhìn My :

— Làm sao cô biết được chuyện đi thủy cung ? Bà chúa mới giao cho anh việc đó hồi sáng đây mà. Ai bảo cho cô hay vậy ?

My cầm lấy tay Hùng và dắt chàng lên ngọn đồi gần đó :

— Lên trên này ngồi, em sẽ nói hết đầu đuôi

câu chuyện cho anh nghe.

Rồi nàng bắt đầu kể :

« Trưa hôm qua trời nắng quá em lội xuống sông, vốc nước rửa mặt. Anh biết không, nước sông đã gần cạn, chỉ còn một lạch nước nhỏ giữa dòng mà thôi. Nước cũng không được trong bởi vì đáy sông có bùn. Em vừa vốc nước trên hai tay, định đưa lên phả vào mặt thì bỗng thấy trong lòng bàn tay một chú cá nhỏ màu hồng, bằng nửa ngón tay út của em đấy mà thôi. Con cá thật đẹp, mình có vẩy óng ánh, hai mắt sáng như hai viên ngọc nhỏ. Em bèn không rửa mặt nữa, cứ bùm hai tay như thế mà đem chú cá vào nhà. Em bỏ cá vào một cái bát lớn, đổ đầy nước, rồi đi dệt vải. Một lát sau nghe tiếng quấy mạnh, em đi tới nhìn thì cái bát đã nghiêng đổ, và Bố ơi, em thấy con cá đã lớn lên gấp trăm lần, to bằng bắp tay của anh đấy. Em ngạc nhiên quá nhưng cũng đem cá thả vào cái thạp nước trước nhà, nghĩ rằng như thế thì cá sẽ đủ nước để sống. Sáng nay thức dậy em ra thăm cá thì, anh ơi, cá đã lớn đến nỗi không còn chỗ trong thạp mà vẩy vùng. Em biết đây là một con cá thần nên nói : « Thôi để ta đem người thả xuống dòng sông trở lại ». Bỗng cá trả lời em : « Không, ta không thể biến thành nhỏ lại được nữa, vì thời hạn được phép lên đất chơi đã hết. Bây giờ ta chỉ có thể lớn dần dần cho

thành nguyên hình mã thời. Nếu người muốn cứu ta, thì xin thả ta xuống biển. Ta sẽ đền ơn người ». Em nghe nói, sợ quá, liền cầm cá chạy về phía biển. Hai cánh tay em thế này mà có lúc mang không nổi cá ; mỗi quả em phải ngồi nghỉ, đặt cá xuống cỏ trước khi có thể tiếp tục mang cá ra biển. Đến bờ biển, cá nói : « Em là công chúa Thủy Cung. Em cảm ơn chị đã cứu mệnh. Đáng lý em không nên liêu lĩnh lợi ngược một dòng nước cạn như vậy. Nhưng nay thì tai nạn đã qua. Đề đền ơn chị, em xin báo tin cho chị biết là vì trời nắng hạn như thế này, thế nào bà chúa Âu Cơ cũng gọi người xuống thủy phủ tìm đức Long Quân. Em không dám xen vào chuyện người lớn. Nhưng em có thể mách chị : Muốn xuống tới long cung, phải có một viên ngọc quý của Long Quân. Lại phải có hai người trẻ tuổi : một trai và một gái. Phải đi đường Đông Hải là đường ngắn nhất. Nhưng như vậy thì lại phải đi qua hang Ngư Tinh. Đức Long Quân chưa biết rằng ở Đông Hải, đã có một loại thủy quái hiện đang tàn phá giết chóc ngư dân cư trú gần đó. Bản lĩnh ngư tinh cao cường lắm, em cũng không có thể đối địch với nó, huống hồ một hai người chưa biết gì là pháp thuật. Tuy nhiên em sẽ dạy cho chị một bài linh chú, đi ngang qua hang ngư tinh mà chị đọc bài linh chú ấy lên thì ngư tinh sẽ sợ hãi để cho

chị đi qua mà không quấy phá. Bài linh chú này em học được của đức Long Quân. »

— Thế rồi cô có học thuộc bài linh chú ấy không ? Hùng vội hỏi.

My có học thuộc ; để lát nữa em sẽ dạy cho anh cùng học thuộc.

Bây giờ thì hãy để em kể tiếp những lời nói của công chúa thủy phủ đã. Cá thần nói : « Người được giao sứ mệnh xuống thủy cung là một chàng trai. Người ấy sẽ phải đi với một cô gái. Em biết chị có quen biết với người con trai kia. Vậy những điều em báo tin cho chị đây sẽ khiến cho chị trở thành người con gái duy nhất biết đường về thủy phủ. Những người đầu tiên được xuống thủy cung sẽ có tương lai rạng rỡ sau này trên mặt đất. Những điều em dặn đây chị hãy ghi nhớ cho kỹ. Vào buổi mai khi mặt trời mới mọc, hãy nhắm đúng hướng mặt trời mà đi xuống biển. Đưa viên ngọc quý của đức Long Vương ra cầm trên tay thì một con đường sẽ được tỏ ra dưới nước. Nhưng đi sâu xuống chừng năm trăm trượng thì sẽ không còn thấy ánh sáng mặt trời. Lúc bấy giờ viên ngọc sẽ chiếu ra ánh sáng soi đường. Đề ý cho rõ là dưới chân phải có cát vàng. Nếu bước lên trên một tảng đá, trên một thảm rêu hoặc trên bùn đất, đó là đã đi lạc đường. Những lúc thấy lạc đường phải dừng ngay lại, cầm bảo châu soi ra xung

quanh. Thấy hướng nào có màu vàng ánh tới thì đi về phía ấy. Phải tránh đi về phía có màu tím, màu xanh và màu đỏ ; nếu không sẽ đi lạc vào những hang động thủy quái. Đi chừng một ngày đường sẽ bắt đầu thấy ánh sáng. Đó là ánh sáng từ các cung điện bằng pha lê chiếu ra. Sau đó, sẽ gặp rất nhiều loại thủy tộc, tất cả đều dưới quyền thống lãnh của đức Long Quân. Nếu gặp những sinh vật cổ quái dữ tợn thì đừng sợ hãi. Hãy nói lớn : « Đây là sứ giả đưa tin cho Nagarāja ! » Nạt như thế thì sẽ không bị chúng cản đường hay xâm phạm tới. Nội cung của Phụ Hoàng không có ai canh giữ, vì người không muốn ai đến phiền nhiễu người trong giờ tĩnh tâm và làm việc. Cứ tìm vào, và xưng danh hiệu. Nếu đức Long Quân muốn tiếp kiến thì người tự hiện hình. »

Mỵ ngừng lại một lát để thở, rồi tiếp :

« Chưa hết. Công chúa thủy cung còn nói : « Trước khi đi, phải tìm cho ra nước suối trong và ngọt để mức một bình đem theo. Phụ hoàng cần có nước ấy mới làm mưa được. Kho mây ở ngay dưới thủy cung ; chìa khóa do phụ hoàng giữ. Nhưng có nước trong thì mới có mưa tốt. Nước các dòng sông đã vẩn đục. Em biết có một cái giếng sâu cách bờ Đông Hải bảy dặm. Giếng nước ấy đã cạn. Nhưng dưới đáy giếng có một đường đi thông ra một dòng suối trong lòng đất. Suối này còn giữ được

nhieu nước ngọt rất trong ở một hốc đá lớn. Theo lòng suối cạn mà đi thì tới Đông Hải, khỏi phải leo lên miệng giếng. »

Hùng nghĩ bụng : sáng sớm mai ta phải khởi hành, và phải cùng đi với My. Chàng nhắc lại những điều chàng vừa nghe cho My, để chắc rằng chàng đã ghi nhớ được hết mọi chi tiết. Trong khi nói chàng nhìn My như dò hỏi xem coi những điều chàng nhắc lại có đúng hay không và luôn luôn hai con mắt của My chứng tỏ là chàng đã ghi nhận rất đúng.

— Bây giờ đến câu linh chú, hãy đọc lên để anh cùng học thuộc. Sợ chỉ một người biết thì có thể quên, và người kia không thể nhắc được.

— Bài linh chú ấy như thế này :

Thủy tộc vạn loài thống lãnh
Quyền oai vang động dưới trên
Chúa tể Nāga dũng mãnh
Đại dương nép phục mọi miền
Giây phút Long Vương xuất hiện
Độc long yêu quái nằm yên
Gate ! Paragate !

Cả hai người cùng đọc linh chú với nhau cho đến khi Hùng chắc chắn là mình đã thuộc. Họ hẹn sáng ngày mai lúc tờ mờ sương sẽ gặp nhau ở đầu ngõ để cùng khởi hành.

Đêm hôm ấy, My đem câu chuyện ra thưa với mẹ nàng. Bà chăm chỉ nghe, thỉnh thoảng



chắc lưỡi tỏ vẻ lo ngại. Nghe xong, bà đứng dậy đi vào chỗ cất chứa những vật dụng quý giá của gia đình, và lấy ra một chiếc bình nhỏ, trong đó có chừng mười mấy hạt trắng như hạt đậu. Bà nói :

— Đây là bình thuốc tiên mà ngày xưa bà Chúa đã cho ngoại. Bà đã hái và luyện thuốc này trên núi một mình. Trong thời ấy bà còn lên xuống thế gian rất thường, không ăn binh hấn trên cảnh tiên non cao như bây giờ. Ngoại đã đem tiên dược này cho mẹ uống một lần, hồi mẹ ốm nặng gần chết. Thuốc rất hay. Con đi chuyến này với công tử, tuy là hiểm nguy nhưng đây là một việc làm cứu dân cứu nước; con hãy mang theo bình linh dược này, cất chặt trong túi áo. Có thể công tử và con sẽ phải dùng tới nó.

Hai mẹ con thức cho tới khuya để tâm sự. Cuối cùng My nghe lời mẹ đi nghỉ để sáng mai có sức lên đường.

Sáng hôm sau, lúc My gặp Hùng ở đầu ngõ, lời đầu tiên nàng hỏi là chàng còn thuộc lời linh chú không. Hùng gật đầu. Chàng giắt theo bên lưng một cái bình làm bằng trái bầu khô. Vai chàng vác một cuộn giấy thường lớn.

Hai người yên lặng đi trong sương sớm. Lá khô xao xác kêu dưới chân họ. Trời còn mát. Hùng đưa mắt nhìn những đám ruộng khô cháy bên đường và thở dài. Nếu chuyến đi này bắt

thành thì thiên hạ sẽ thoát không khỏi một cơn đói khát cùng cực. Nhiều gia đình đã bỏ làng, tản cư lên miền Bắc, mong tìm được một địa phương mát mẻ hơn, ít bị hạn hán hơn. Chính gia đình My cũng đã sửa soạn đi di cư lên miền Bắc. Chàng không chắc di cư lên miền Bắc thì sự tình sẽ khá hơn. Bởi vì hy vọng tìm được những hồ chứa nước lớn có thể dùng để tưới tẩm cho hoa mầu là một hy vọng mong manh. Gia đình chàng nhất định không đi, quyết ở lại sống chết với mảnh đất này. Nếu gia đình My đi thì My sẽ phải đi theo, và như vậy trời đất đất mông mênh, biết đâu mà tìm My sau này. Chắc hẳn là nếu trường hợp đó xảy ra, chàng sẽ mất My. Bởi My yêu chàng và chàng đã nói riêng với My là nếu gia đình My có ý muốn cưới chàng về với My, thì chàng sẽ bằng lòng.

Nhưng hai người đã tìm ra được tới giếng nước. Nhìn xuống giếng thăm thăm sâu, My chẳng trông thấy gì. Hùng cũng lắc đầu tỏ vẻ e ngại. Nhưng chàng vẫn thản nhiên tháo cuộn giây thừng, buộc một đầu thừng vào thân cây to lớn bên thành giếng, và buông thòng đầu giây kia vào giếng. Chàng níu vào giây nhảy xuống. Trong chớp lát chàng đã biến mất vào lòng giếng đen ngòm.

My chờ một lát không thấy gì, nóng ruột. Nàng chờ thêm một hồi lâu nữa vẫn không

thấy động tĩnh gì. Nàng cúi xuống giếng, hốt hoảng gọi :

— Hùng ơi ! Hùng ơi !

Âm thanh vang vào thành giếng dội ngược trở lại. Nàng không nghe tiếng trả lời của Hùng. Mãi một lúc sau mới có tiếng Hùng, nhưng âm thanh không rõ lắm. Rồi Hùng trở lên, leo ngồi ở thành giếng. Chàng nói :

— Giếng sâu lắm. Tối om om. Nhưng nhờ có viên bảo châu ta có thể thấy đường được. Bây giờ anh phải tìm cách đưa My xuống.

Chàng bảo My ôm choàng lấy cổ chàng. Rồi chàng tháo một sợi dây vải trên người buộc My vào thắt lưng lớn của chàng. Chàng bảo My ôm cổ chàng thật vững và đừng sợ, nếu cần thì nhắm mắt lại. Lần theo sợi dây, chàng leo xuống giếng. My nhắm mắt lại, nhưng vẫn biết là hai người đang tuột dần xuống giếng. Hai cánh tay vững mạnh của Hùng bám chắc vào sợi dây lớn, chận chàng lần vào từng hốc đá của thành giếng, từ từ leo xuống.

Giếng sâu thăm thẳm như không bao giờ có đáy. My mở mắt ra nhìn thử. Nàng ngạc nhiên thấy ánh sáng tỏa ra từ viên ngọc mang ngang lưng Hùng. Hai tay nàng ôm chặt xung quanh cổ Hùng.

Cuối cùng hai người xuống tới đáy giếng.

Hùng đặt My đứng xuống. Chàng nghỉ một vài giây để thở. Không khí đáy giếng nặng nề

và ẩm mục. Chàng đưa viên ngọc ra soi quanh thành giếng. Quả có một cửa hang rộng. Chàng cúi xuống, chui vào hang. Qua khỏi cửa hang, chàng nhận thấy đây là một cái động khá lớn, trần động cao hơn đầu người. Lấy viên ngọc soi lên trần, chàng thấy vô số thạch nhũ trắng tinh.

Chàng gọi My, bảo nàng chui qua cửa hang. Hai người đi theo thạch động một lát quả thấy có một dòng suối khô cạn đi ngang. Hùng và My theo lời dẫn của cá thần, hướng về phía trên suối mà đi. Chân hai người đạp trên cát mịn. Đi một hồi dưới chân thấy mát. Họ trèo qua những tảng đá lớn. Bỗng họ nghe tiếng nước róc rách chảy. Nhìn lên trần chỉ thấy thạch nhũ rủ xuống như từng lớp màn buông. Phía trước từng tảng đá xanh chồng lên nhau che lấp cửa suối. Dưới chân họ là cát ướt. Nước rỉ ra dưới chân thành đá.

Hùng bảo My đứng đợi. Chàng leo thoăn thoắt lên tường đá rồi cúi mình dưới muôn ngàn giọt thạch nhũ, trườn vào phía trong. « Nước », chàng la lên như thế, và trở lại đỡ My cùng leo lên. Chui qua được trần thạch nhũ, My thấy một cảnh tượng diệu kỳ. Một hồ nước bao la lặng im không một gợn sóng. Nhờ ánh sáng của viên ngọc, nàng thấy bốn phía thạch nhũ rủ xuống mặt hồ, và đâu đó có tiếng nước chảy róc rách êm ái. Yên lặng quá. Nàng

có cảm tưởng dù trên mặt đất có cháy khô thì ở dưới này nước vẫn còn được cất chứa. Và nàng nghĩ tới bà Chúa Âu Cơ. My tháo trái bẻ khô nơi lưng của Hùng và cúi xuống dìm nhẹ chiếc bình xuống nước. Khi nước đã tràn đầy, nàng rút lên, đập chặt nút, và đeo bình trở lại vào lưng của Hùng như cũ. Hai người leo xuống thành đá, theo lối cũ trở ra, và tự nhiên trong lòng thấy yêu thương tràn ngập. Họ thoăn thoắt chạy trên cát ; không mấy chốc mà đã đi ngang qua chỗ đường hầm thông qua đáy giếng. Thay vì trở lui về giếng, họ tiếp tục đi xuống và tin chắc rằng mình đang hướng dần về phía biển Đông.

Đường đi là lòng suối, có cát, dễ đi. Nhưng một lát sau, có những tảng đá hiện ra giữa lòng suối và hai bên suối. Rồi bỗng nhiên đá hiện ra rất nhiều và cuối cùng chắn mất lối đi. Hai người phải leo qua nhiều tảng đá để tiến bước.

My bỗng ngửi thấy một mùi xú uế. Nàng đưa mắt nhìn Hùng định hỏi xem chàng có ngửi thấy gì không, thì mùi hôi trở nên nồng nặc, và Hùng đã nói :

— Hôi quá.

Hai người chợt phát giác dưới chân mình một bộ xương người. Đây là lần đầu tiên họ thấy một bộ xương người. My rú lên. Nàng thấy rải rác đây đó những bộ xương người khác. Hùng bỗng ngừng bước, nắm tay My :

— Hang ngư tinh. Em hãy coi chừng. Hãy định tâm và bình tĩnh. Nhớ lại câu linh chú.

My nhắm đọc trong đầu câu linh chú. Nàng hồi hộp lo sợ. Nhưng nàng vững tâm thấy mình còn thuộc lòng bài kệ mà cá thần đã dạy.

Hai người rón rén tìm đường tiến tới phía trước. Họ đi tới một hầm đá rộng, trần rất cao, có ánh sáng tờ mờ từ trên ấy chiếu xuống. Có tiếng sóng chạm vào ghềnh đá ầm ầm. Họ biết họ đã tới bờ Đông Hải, và gần sát động của ngư tinh.

Đột nhiên từ một hốc đá lớn đen ngòm phía trước, Ngư Tinh xuất hiện, miệng ngậm một con người. Đó là một con quái ngư đầu lớn bằng đồng rơm cao ngất trước sân nhà của My ; thân hình nó dài tới hàng chục trượng có nhiều khoang trắng và đen. Đuôi của yêu quái, toàn một màu trắng, quật vào vách động như muốn làm vỡ tan thành đá. Hùng buông My; đẩy nàng về tường động phía sau và xông tới. Với tất cả sức lực của mình, chàng nhảy lên đưa cả hai chân đá vào cổ họng của yêu quái. Đòn của chàng có hiệu quả lập tức : ngư tinh nhả ngay thân người đang ngậm.

Nó quật đuôi lần thứ hai đánh rầm vào thành đá và hướng đến Hùng. Miệng của yêu tinh bá rộng, hai hàm răng trông như hai hàng gươm giáo. My hét lên , nhưng Hùng đã nhảy lên

phía hông của ngư tinh, tránh thoát đòn đầu tiên của quái vật. Chàng la lớn :

— My bình tĩnh đọc linh chú.

Chàng biết sức mình không địch nổi ngư tinh nên chỉ cố lách tránh những đòn hiểm độc của nó. Sau khi tránh xong đòn thứ tư của ngư tinh, chàng mới nghe tiếng My, vững mạnh, vang lên trong hang đá :

Thủy tộc vạn loài thống lãnh
Quyền oai vang động dưới trên
Chúa tể Naga dũng mãnh
Đại dương khép phục mọi miền

Tiếng My vừa đọc đến đó, đột nhiên ngư tinh dừng lại, ngơ ngác nhìn. Thấy vậy, Hùng cất cao giọng đọc tiếp những câu cuối cùng của linh chú. Giọng chàng uy mãnh lạ thường :

Giây phút Long Vương xuất hiện
Độc long yêu quái nằm yên
Gate ! Paragate !

Những tiếng Gate ! Paragate ! vọng lên như sấm được vách đá chuyển đi vang động cả trong ngoài... Ngư tinh bỗng quay đầu lại phía bắc đá, và nhanh như chớp, luồn ra khỏi hang động. Linh chú đã có hiệu nghiệm.

Khi Hùng và My quay lại để nhìn người vừa làm nạn nhân cho ngư tinh thì đã thấy người này bò dậy. Họ vui mừng nhận thấy người đó còn sống. Đây là một người đàn ông làm nghề đánh cá. Trên thân hình ông ta có vết hình

rồng, nhưng thủy quái đã vẫn cứ làm hại. Hùng và My xem xét thân hình của người ngư phủ thấy có những dấu răng cắm phủng vào. Ông ta rên xiết đau đớn. Hùng đặt ông ta nằm xuống, bảo nằm nghỉ một lát. My tháo bình tiên được. Một mùi thơm lan ra ngát cả hang động làm cả ba người sảng khoái. Nàng bỏ vào miệng ngư phủ một viên thuốc tiên, bảo người này nuốt. Một lát sau, mọi thương tích tự nhiên lành lặn, và người ngư phủ vùng đứng ngay dậy. Ông ta mở miệng định nói mấy lời đề tạ ơn, nhưng không làm sao nói được một lời.

Hùng nói :

— Chúng cháu không phải là tiên thánh gì mà chỉ là người thường như Bác đấy thôi. Xin Bác đừng tạ ơn mà tội. Chúng cháu được bà Chúa phái về Thủy Cung cầu đức Long Vương làm mưa và mời Ngài về lo việc nước. Đi ngang đây, chúng cháu biết thế nào cũng phải đối phó với ngư tinh. May mà cứu được Bác, chúng cháu rất mừng.

Ba người tìm lối ra khỏi cửa động. Tìm mãi chỉ thấy một lối ra duy nhất, đó là lối ngư tinh vừa tẩu thoát. Họ can đảm đi ra bằng phía ấy, và cuối cùng tìm cách trèo lên được một ghềnh đá. Hùng và My sung sướng thở không khí mát lạnh của buổi sáng trên bờ Đông Hải. Mặt trời đã lên tới một con sào, trễ hơn thì giờ dự

định. Chàng dặn bác ngư phủ :

— Xin Bác về báo tin với đồng bào miền duyên hải ngừng công việc chài lưới gần động ngư tinh. Cũng xin báo cho họ biết là đã có sứ giả đi xuống Long Cung cầu cứu đức Long Vương. Thế nào khi đức Long Vương trở lên, ngài cũng trừ khử được yêu nạn này. Bác cứ yên tâm tìm đường về xóm ; cháu chắc yêu tinh còn sợ thần lực của linh chú, chưa dám trở lại ngay đâu.

Hai người chào bác ngư phủ và leo xuống bờ cát. Họ đứng hướng về phía mặt trời, chân họ chấm nước biển. Người con trai đưa ra phía trước một viên ngọc sáng ngời. Bỗng nhiên, nước biển trước mặt hai người, rẽ ra một đường rộng. Hai người đi xuống, nước bèn khép lại phía trên.

Chứng kiến cảnh tượng diệu kỳ đó, bác ngư phủ đứng trên ghềnh đá há miệng kinh ngạc. Từ lúc được ngư tinh nhả ra, được cô gái cho uống linh dược, cho đến khi từ biệt hai người, ông đã không nói được một lời nào. Kinh hoàng và cảm động đã làm cho ông không thể mở miệng. Ông rời ghềnh đá và im lặng tìm về ngư thôn, nao nức biết mình còn sống.

IV

CHUYỀN ĐI (II)

HÙNG và **My** đi chưa đầy vài mươi dặm thì ánh sáng mặt trời đã trở nên mờ tối. Hùng và **My** nương theo ánh sáng của viên ngọc tỏa chiếu mà đi. Thật là một viên ngọc dị thường. Nước hai bên trong như pha lê, thông suốt tới hàng mấy trượng nhờ có ánh sáng của nó. Phía trước, nước tiếp tục rẽ ra trước bước chân của hai người, màu cát vàng luôn luôn ánh chiếu. Trên đầu họ, nước ở cao chừng một sải tay, xanh biếc. Còn ở hai bên, màu sắc biển ảo rất dị kỳ : khi thì đen ngòm, lúc thì đỏ chói như máu ; có lúc tím, lại có lúc trắng nhờ. Đường rất dễ đi ; Hùng và **My** không sợ lạc, bởi vì màu vàng dẫn đạo phía trước rất rõ. Với lại hai người rất cẩn thận, không dám đề lạc đường, sợ phải đối đầu với những thủy quái hiểm độc như ngư tinh hồi sáng. Nhưng **My** đã cảm thấy mệt ; bước chân nàng không mạnh dạn như trước. Một hồi sau, nàng phải vịn vào Hùng mà đi. Bước chân của hai người chậm lại. Cuối cùng Hùng phải dừng lại cho **My** nghỉ. Hai người ngồi trên cát.

Một lát sau hai người lại đứng dậy đi. Sức My đã yếu, nên My thấy mệt mau chóng. Hùng bèn ôm xốc My đề trên vai chàng, và mạnh dạn đi tới. Đi một khoảng khá xa, Hùng cũng bắt đầu thấy mệt. Trên vai chàng, My nói chuyện đề cho chàng vui bước quên mệt... Họ nói chuyện về bà ngoại của My và do đó My nhớ tới binh tiên được nhỏ xiu. Nàng bảo Hùng dừng bước. Nàng lần áo lấy ra binh tiên được, mở nắp. Hương thơm kỳ diệu của tiên được làm cho hai người cảm thấy khỏe khoắn. Nàng lấy cho nàng một viên và Hùng một viên. Viên thuốc vừa ngậm vào miệng, cả hai đều thấy khỏe khoắn lạ thường ; bao nhiêu mệt nhọc tan biến hết. Sức khỏe của họ còn như được gia tăng. Hai người hăng hái chỗi dậy, tiến bước.

Họ đi rất mau, một phần vì khỏe, một phần vì con đường dốc đi xuống. Màu vàng càng lúc càng lớn, rồi đột nhiên đổi sang màu bích ngọc. Hai người dừng lại, thấy như lạc đường. Bốn phía đều là màu bích ngọc. Họ chưa biết đi về đâu thì bỗng nghe tiếng của một người con gái vắng vắng bên tai :

— Hãy đi theo em.

Cả hai ngơ ngác nhìn quanh nhưng không thấy bóng người. Hai người lại nghe có tiếng cười khúc khích, rồi giọng nói trong trẻo của thiếu nữ lại vắng lên :

— Em ở ngay trước mặt mà chị không nhận ra được sao, chị My ?

My định thần nhìn kỹ thì thấy trước mặt nàng có một con cá hồng lớn bằng nửa ngón tay, tung tăng bơi lội. Nhân ra cá thần, nàng mừng rỡ. My nói :

— Chúng em lạc đường, nhờ thần ngư đưa lối hộ.

— Anh và chị cứ đi theo em.

Cá thần trả lời rồi tung tăng lội đi trước. Hai người theo sau. Nước chung quanh hai người trong suốt như pha lê. Ánh sáng trong suốt như ban ngày. Hùng và My không cần tới ánh sáng của viên ngọc nữa. Ánh sáng của cung điện Thủy Phủ đủ để soi sáng hàng chục dặm quanh đó. Cảnh tượng màu nhiệm lạ lùng. Hai người không ngờ dưới Thủy Cung mà cảnh tượng lại đẹp đến thế. Hàng vạn cây san hô đủ màu đủ sắc, trình bày thiên hình vạn trạng. Có những loại cây giăng ra những màn lưới màu sữa bằng hàng triệu cánh lá vươn dài như những cánh tay nhỏ xiu của chúng, 'vuốt ve những đàn cá đủ màu bơi lội ra vào trong lòng cây. Có những loại cỏ rong xanh mượt cao tới năm bảy trượng uốn éo linh động trong nước giống hệt những cành tơ liễu phất phơ trong gió. Có cả những bông hồng, những bông hồng không giống lắm với những bông hồng trên đất, nhưng màu sắc tươi sáng lạ kỳ. My

nghĩ rằng trong những chặng đường vừa qua sở dĩ hai người không trông thấy cảnh đẹp nào chung quanh có lẽ là tại vì ánh sáng viên ngọc của hai người chỉ đủ để soi đường, và có lẽ cũng vì hai người đã sợ lạc đường quá nên không dám nhìn kỹ hai bên. Bây giờ đây chân hai người đã bước trên một con đường lát bằng pha lê. Hai bên con đường pha lê là sạn trắng. Khúc đường nào cũng có kỳ hoa dị thảo.

— Tội nghiệp cho anh và chị ! Đi xuống thủy cung mà vẫn phải mang theo một năm không gian để thở. Đều vào gần tới cung, em cho mỗi người một viên thuốc lọc không khí ra khỏi nước.

Hai người đi qua những cung điện pha lê có các loài kinh ngư canh gác. Có công chúa thủy cung đi trước, nên không ai xét hỏi cản ngăn. Bộ hạ của Long Vương có những dị tướng mới trông ai cũng có thể chết khiếp : những loài có hàng chục cánh tay dài vươn ra trong nước, mỗi cánh tay có mang nhiều vũ khí ; những loài cá có trang bị một thanh gươm dài hơn ba trượng phía trước mồm. Gươm vừa nhọn vừa có răng cưa. Những loài kỳ dị như thế, tuy vậy, chỉ là thiểu số. Hùng và My thấy biết bao nhiêu loài tôm cá đẹp dễ, thân hình duyên dáng và đủ hết màu sắc. Nhiều loài trông rất hiền hòa, không có ý muốn làm hại ai. Khi gặp nhau họ ngừng lại, những chiếc vây thông thả



bơi. Họ còn kể miệng trao đổi ý kiến với nhau. Âm thanh của những câu chuyện này hai người nghe được nhưng lại không hiểu gì hết. Lại có những con rồng có chân và có vảy, sắc bạc, sắc xanh, sắc trắng, tung mình lượn quanh, dáng điệu uyển chuyển xinh đẹp lạ thường. Thấy hai người, nhất là thấy Hùng trên ngực có vẽ hình rồng, những con rồng trẻ kia có vẻ tò mò hướng về chàng, và sau đó lại quẫy đuôi đi xa. Hai người có cảm tưởng là những con rồng kia mỗi khi quẫy đuôi đi xa như thế hình như có nhướn miệng mỉm cười,

My nói :

— Họ cười chúng mình đó, anh Hùng.

Hùng cười :

— Không phải đâu, cái miệng của loài rồng ngậm lại trông giống như cười : chắc đâu họ đã cười.

Thực ra chỉ có công chúa thủy cung đi trước là đang cười khúc khích khi nghe câu chuyện ngộ nghĩnh của hai người.

Bồng cá thần dừng lại. Cá nói :

— Đã đến cung điện của đức Long Vương. Anh chị nhìn xem : qua khỏi tòa kiến trúc pha lê có ba cửa lớn, anh chị sẽ đến một chiếc sân rộng bao la, trên sân có nhiều khoảng trồng kỳ hoa dị thảo, những loại cây cỏ quý nhất có thể tìm được dưới nước. Đi khỏi sân này là tới cung điện. Em không dám vào, bởi em

không được phép vào cung nếu không có thánh chỉ gọi. Em sẽ chờ ở ngoài này.

Cá thần bỗng biến thành một thiếu nữ diễm tuyệt, tóc xỏa rộng, phất phơ theo dòng nước. Màu trắng trên thân hình ảnh chiếu màu xanh của tòa lâu đài bằng pha lê ; phía dưới thân hình nàng là một đuôi cá đang quẫy đi quẫy lại dịu dàng như một cây quạt. My thấy công chúa thủy cung đẹp quá. Ban đầu nàng hơi e ngại vì có mặt người yêu tại đó ; nhưng sau đó nàng lại yên tâm khi thấy công chúa không có hai chân như loài người. Công chúa hình như thấu rõ tư tưởng ấy. Nàng nhìn My mỉm cười. My thẹn quá ; máu người nàng dâng lên nóng bừng cả mặt. Nhưng công chúa đã cười hiền dịu :

— Cái đuôi của em cũng có thể biến thành hai chân được, nhưng biến thành chân thì khó đi trong nước lắm. Anh và chị mỗi người ngậm một viên thuốc này thì sẽ không còn cần đến cái bầu không khí chung quanh nữa. Và mỗi người sẽ có một cái đuôi như em để dùng tạm. Khi muốn có chân trở lại thì chỉ việc lấy viên ngọc của phụ vương ra, tự khắc đuôi biến đi, và bầu không gian xung quanh hiện ra trở lại. Thôi em chúc hai người may mắn.

My và Hùng nhận thuốc bỏ vào miệng. Bầu không khí bao quanh hai người biến mất và hai người thấy đuôi mình đang ve vẩy trong

nước một cách tự nhiên. Mũi hai người thở tự nhiên trong nước không khác gì trong không gian vậy.

Họ gật đầu đáp lễ đáng chào thanh tao của công chúa và hướng về phía cổng tòa pha lê. Họ ngạc nhiên thấy mình quen thuộc với cái đuôi cá, và đi rất mau. Chẳng mấy chốc họ vượt khỏi lâu đài, đi qua chiếc sân bao la có trồng hoa cỏ đủ màu đủ sắc. Phút chốc họ đã vào trong cung điện trang nghiêm và mỹ lệ của Long Vương.

My nhìn lên cao : nàng không thấy trần nhà ở đâu, chỉ thấy phía trên thăm thẳm cao như bầu trời có sương mờ bao phủ. Những dãy cột lớn bằng cẩm thạch chạm trổ hình rồng cũng cao vút lẫn trong mây khói như thế, không thấy được ngọn. Gian phòng mà Hùng và My đang đứng quấy đuôi là một gian phòng rộng thênh thang, trần thiết bằng san hô, xa cừ, mã não, trân châu, hồ phách, nghĩa là tất cả mọi thứ khoáng sản đẹp đẽ nhất có thể tìm ra dưới đáy biển và trong lòng đất đá. Sát cạnh những bức tường pha lê, các loại cây rong lá dài vươn cao uốn éo xanh rờn trông rất mỹ lệ. Cung điện hoàn toàn lạnh ngắt. Hai người đi sang những gian phòng lớn khác, nhưng ở đâu cũng im lặng như tờ, ở đâu cũng trang trí cực kỳ diễm lệ. Tới gian phòng rộng rãi và mỹ lệ nhất, có lẽ nằm giữa cung điện, hai người thấy một

chiếc ngai lớn — lớn bằng cả một căn nhà của ngoại My — bằng cẩm thạch, trang trí rất hoa mỹ nhưng trên ngai cũng không có người.

My nhìn Hùng, không nói. Chàng hội ý, ra đứng đối diện trước ngai, cung kính nói lớn :

Đất quặn quai rên siết
 Nguồn sống đã cạn dần
 Con cháu về trước điện
 Xin Long Phụ hiện thân

Giọng của chàng vang lên từng âm một dội rõ vang vào vách pha lê ; dư âm vang dội suốt mấy tòa cung điện. Thoáng nghe có tiếng thì trào như gió thoảng. Nhưng rồi đầu đầy lại trở thành yên lặng. Hùng đưa mắt nhìn My ; Nàng ra đứng trước ngai, bên cạnh Hùng. Nhìn chú mục vào phía trước nàng cất cao giọng ; đọc rành mạch những ý nghĩ của nàng :

Lạc Long Quân uy dũng
 Xin lắng lời cháu con
 Chúa Âu Cơ mong đợi
 Dòng Lạc Long chờ trông
 Chúng con tuân lệnh Cái
 Mời Bổ về cứu dân.

Bỗng nhiên hai người nghe có tiếng thở dài. Tiếng thở dài kéo dài thêm mãi, rồi biến thành tiếng gió thổi ù ù. Tiếp theo là những tiếng động lớn không biết từ phương nào đưa lại. Rồi thoạt nhiên Hùng và My thấy Lạc Long Quân hiện ra đứng sững trước mặt. Ngài có râu dài,

mặt hồng hồng, hai mắt sáng quắc, mặc vương phục Long Cung thêu rồng, ngực đính toàn bằng ngọc mã não và hồ phách. Ngài đứng thẳng trước mặt hai người trẻ tuổi, cao lớn, uy phong lẫm liệt. Nhưng hai người không sợ hãi, vì khi nhìn lên họ thấy Ngài có vẻ hiền lành và độ lượng. Thấy cái nhìn của Ngài hơi ngỡ ngẫm, My nhìn Hùng, gợi ý. Chàng con trai liền lấy trong túi viên bảo châu đưa ra. Lập tức hai người trở lại hình hài cũ, bao bọc bởi một bầu không gian. Một nụ cười nở trên miệng Lạc Long Quân. Ngài bảo hai người trẻ tuổi, giọng dịu dàng :

— Ta nghe tiếng của hai con thì đã biết hai con từ trên đất xuống. Ta hơi ngỡ ngẫm vì thấy các con bơi lội được như loài thủy tộc. Viên ngọc kia, đúng rồi, ta đã có lần đưa cho mẹ. Các con có chuyện gì cần đến ta ?

Tức thì Hùng và My kể hết mọi sự tình đã xảy ra trên đất, những đau khổ mà dân chúng phải chịu đựng về hạn hán và về yêu quái, những khổ đau ly biệt đã gây ra do sự thiếu ăn mà phải tản cư lên miền Bắc, cuộc hành trình của hai người từ trên đất xuống thủy phủ, và những viên thuốc mà công chúa thủy phủ đã cho để có thể bơi lội dễ dàng dưới nước. Nghe đến đây, Long Vương cười :

— Lại con bé tinh nghịch ấy nữa.

Vua cầm tay hai người và dắt vào nội cung.

Họ đi qua nhiều lớp cửa, đi ngang qua nhiều hành lang rộng, và cuối cùng đến một nơi có vẻ như là một sảnh đường dùng để tụ họp và tiếp khách. Ở đây có kê rất nhiều bàn đơn, giường và sập ngự. Vua cầm lấy một bình ngọc rót ra một thứ nước hồng, đưa cho mỗi người một ly nhỏ và bảo hai người ngồi xuống bên giường ngự, gần Ngai :

— Uống đi các con ; đây là thứ thần tửu chế tạo bằng những hoa trái quý nhất dưới biển. Rượu này sẽ làm cho các con tỉnh táo lại.

Hai người cung kính nâng cốc uống, và cảm thấy sảng khoái lạ kỳ. Rượu này hương vị và thần hiệu không thua gì tiên dược của bà Chúa Âu Cơ.

— Công việc của ta dưới này bề bộn ; thời gian trên đất lại đi mau hơn trước nhiều quá. Ta đã không ngờ. Các con đã thuộc về thế hệ thứ bảy mươi hai của giống người Lạc Long. Tiên nữ Âu Cơ là loài tiên, còn ta là loài rồng, cho nên trường sinh bất tử. Ta hận là đã không sắp đặt thật chu đáo trước khi ta về đây khiến cho thiên hạ bàng dân trên đó đã chịu bao nhiêu đau đớn khổ sở. Ta mệt vừa thiếp đi một giấc, ai dè là giấc ngủ của ta đã dài hơn sáu tháng trên mặt đất. Ta đã dặn đừng ai đánh thức ta dậy trừ con gái ta khi có chuyện cần thiết lắm. Các con đã gặp mặt Long Nữ Sita rồi phải không ? Tại sao nó không vào đánh

thức ta cho mau lẹ ?

Rồi Ngài lớn tiếng gọi :

— Sitā, con !

Công chúa thủy cung không đợi gọi đến lần thứ hai. Cô hiện hình thiếu nữ, có đủ hai chân như loài người và ngồi xuống một cầm đôn đối diện với My, mắt nhìn My tinh nghịch. My cũng cười.

— Còn không vào đánh thức Long Phụ, bởi vì Ngài đã dặn chỉ đánh thức khi có việc cấp bách xảy ra giữa các loài thủy tộc. Với lại con biết có chị My. Chị có thể đánh thức phụ vương bằng giọng nữ, như đã dự định.

— Các con nghe đây. Bây giờ việc cấp bách là phải làm mưa trước đã. Nhưng ta chưa có một giọt nước ngọt nào thành ra trước hết phải trở lên đất tìm. Thế nào cũng còn nước ngọt ở những con suối ẩn dưới mặt đất.

My vội đưa bình nước suối bằng trái bầu khô ra. Long Vương gật đầu, và tỏ ý hài lòng. Ngài uống một hớp nước trong bình, và uống như vậy đến ba lần, rồi bảo mọi người :

— Các con hãy theo ta vào cung mây.

Bốn người bước sang cung mây. Đây là một gian rộng, cột cầm thạch rất nhiều và cao, cao khuất trong một lớp sương dày đặc. Long Vương niệm chú lâm thâm, từ miệng Ngài một tia nước phóng thẳng lên trên trần mây thăm thăm ấy. Bỗng nghe tiếng lao xao nổi dậy, mây

cuộn trên cao từng lớp dày đặc. Long Vương đưa tay vẫy nhẹ. Từng đám mây lớn thoát và lách qua khỏi cung mây ra ngoài. Cứ như thế, mây đen tuôn ra không ngớt từ cung điện.

Long Vương đưa cánh tay dài thẳng phía trước, bảo ba người mỗi người vịn một tay lên cánh tay Ngài. Ngài đưa ba người bay khỏi thủy cung. Phút chốc họ đã trời lên mặt biển. Long Vương rút một chiếc giày thả xuống nước. Giày biến thành một chiếc thuyền rộng. Cả bốn người bước lên thuyền. Mặt trời khuất đầu đỏ dưới màn mây đen ngịt. Trời chuyển động. Có tiếng sấm nổ ; có tia chớp loé lên... Trên thuyền, Long Vương đã biến mất, nhưng trên mây có sự chuyển động dòn dập. Một tiếng sét lớn, mưa bắt đầu rơi xuống xối xả.

Một lúc sau, My thấy Long Vương hiện trở lại ngồi trên thuyền. Rồi thuyền đi rất nhanh dưới cơn mưa lớn. Bốn người ai cũng để cho mưa rơi ướt áo, ướt đầu. Long Vương cũng vậy. Hiện giờ Ngài đã hiện ra thân hình bình thường, với y phục đơn giản của một ngư dân trên mặt đất...

Khi thuyền của bốn người đi tới gần bờ biển thì mưa đã tạnh. Long Vương bảo ba người rằng mưa như thế là đã quá đầy đủ. Thuyền đi tới gần hang ngư tinh, thì bỗng nhiên sóng gió nổi dậy, mùi xú uế nổi lên kinh khiếp. Long Vương niệm chú, bảo Thủy Dọa Xoa làm

cho sóng lặng. Thuyền của bốn người thần nhiên vượt tới.

Hùng nhận thấy cảnh vật ở đây có thay đổi lớn, không giống như hồi sáng. Nhiều tảng đá lớn bằng nóc nhà trên ghềnh đã được tháo ra chồng lên trên núi từ bao giờ. Một con kinh núp bão đang thực hiện lỗ dở, gần hoàn thành. Nếu con kinh này hoàn thành, ngư dân sẽ có đường đi tắt, vừa tránh được gió bão, vừa khỏi phải đi ngang hang ngư tinh. Bàn tay của ai mà hùng mạnh đến có thể tháo gỡ được những tảng đá lớn như thế kia mà chồng lên núi trong vòng một buổi sáng ? Chàng còn đương suy nghĩ thì bỗng thấy ngư tinh xuất hiện. Lần này ngư tinh hiện ra rất lớn, mình dài hơn năm mươi trượng, hai bên mình có nhiều chân giống như một loài rết, miệng há ra với những hàm răng nhọn hoắc kinh khiếp. Ngư tinh vùng vẫy khiến cho sóng gió nổi dậy ầm ầm, nhưng chiếc thuyền của bốn người vẫn bình thản từ từ đi tới.

Đến gần ngư tinh, Lạc Long Quân, trong hình dáng ngư dân, bình thản đứng dậy. Ngài ôm ngang hông long nữ Sĩta, và làm như sắp liệng nàng vào miệng yêu quái đang mở rộng. Công chúa Long Cung không hề sợ hãi và không hét lên tiếng nào hết. Bỗng một khối sắt nung đỏ lớn như cái trống đồng từ tay Long Vương được liệng ngay vào miệng cá tinh. Cá vùng

vẩy nhảy đến định lật úp thuyền. Long Vương hiện hình to lớn, cầm gươm thần chém ngang lưng cá. Một khúc đuôi dài tới khoảng mười trượng bị chặt đứt. Yêu tinh trông thấy Long Vương thì không còn dám chống cự. Nó biến thành một con hải cầu chạy trốn xuống vũng sâu. Long Vương dùng tay gỡ từng tảng đá lớn ném xuống vũng sâu... Ngư tinh phải trời lên. Long Vương chém đứt đầu chó biển. Trừ xong yêu quái, Long Vương vớt khúc đuôi dựng trên đỉnh núi, cầm khúc đầu liệng vào ghềnh đá. Khúc mình của yêu quái đã trôi từ từ vào vịnh Man Cầu

Bốn người lên bộ.

Mặt trời chiếu rạng rõ trên cảnh vật. Mưa đã tạnh. Đồng lúa đã lên xanh. Cỏ non trên đồi đã xanh um như lá mạ. Có tiếng trống nhịp từng hồi rộn rã xen trong tiếng kèn, tiếng sáo, tiếng giã gạo và tiếng reo hò. Bốn người tìm tới phía những tiếng vui nhộn đó. Khắp ngư thôn, nam phụ lão ấu ra đứng đầy đường. Trẻ con mặc toàn áo mới. Những hương án được đặt ra rải rác trên đường, trầm đốt xông lên thơm ngát. My dừng lại hỏi một bà mẹ đang nhìn hai đứa bé của mình tung tăng nhảy bên bờ cỏ mượt :

— Hôm nay là ngày gì mà vui vậy thưa bác ?

Thiếu phụ tỏ vẻ ngạc nhiên nhìn nàng :

— Cháu không biết hay sao ? Cháu ở đâu

mới đến đây ? Hôm nay thế nào đức Lạc Long cũng về nên dân chúng họp nhau nhảy múa, ca hát và đặt hương án trên đường chào đón Ngài. Hồi sáng sớm tinh sương, có sứ giả bà Chúa Âu Cơ gọi về Thủy Phủ. Trưa hôm nay đức Long Quân đã làm mưa. Ngài chắc chắn sẽ về ngang qua đây. Các cháu hãy lên đồi mà xem múa hát.

Vừa nói thiếu phụ vừa chỉ tay lên ngọn đồi gần đó. Bốn người thấy dân chúng tụ họp đông đảo trên đồi. Tiếng hò tiếng hát cùng tiếng kèn tiếng trống vang lại từ trên ấy.

My cảm ơn thiếu phụ. Bốn người thông thả theo con đường đưa lên đồi. Long nữ Sità có dáng mừng rỡ của một đứa bé được đi xem hội. Nàng nói :

— Trên đất vui quá đi thôi !

Long Vương bảo :

— Chúng ta không nên ở lâu nơi đây sợ bác ngư phủ hồi sáng sẽ nhận ra Hùng và My và như vậy sẽ phải ở lại đây suốt đêm hôm nay với dân làng. Phải về làng Hạc Trắng sớm. Các con hãy xem hội sơ qua rồi đi. Hùng với My hóa trang lại một chút.

Ngài đưa tay vuốt tóc ba người. Hùng, My và Sità thoát biến thành những đứa bé nhà quê. Nhưng đứa bé nhà quê đi theo theo một người Bồ ngư dân lên đồi dự hội. Họ đi xuyên qua đám người hân hoan. Tiếng trống đồng

vang dội. Những vũ công mang những chiếc vòng đồng sáng loáng ở cổ tay và cổ chân, đầu đội mũ có trang điểm những chiếc lông chim hạc trắng toát. Những vò rượu nếp có cần dài được đặt nơi hàng ghế danh dự của các hàng bộ lão. Sân khấu dựng ở trung tâm, trang trí bằng lá dừa, bằng những giấy bông đã quấn thành hình rồng, và bằng lông chim kết thành hình chim Lạc. Tới đâu, long nữ Sità cũng xuýt xoa.

Bốn người lên đường đi Bạch Hạc khi trời đã xế chiều. Sau trận mưa lớn, mọi loài đều được thấm nhuần ơn đức. Đất nước đẹp quá. Hùng và My nhìn mà thấy lòng tràn ngập hân hoan. Long Vương nhìn cảnh vật, nhìn đàn con trẻ và mỉm cười. Ngài khoác trên mình một mảnh áo vải đơn sơ như mảnh áo vải của những ngư dân mà ngài vừa gặp.

V

VĂN LANG

KHẮP nơi trong xứ, dân chúng treo đèn kết hoa để chuẩn bị đón mừng vương quốc mới và hoàng đế mới. Người ta biết vương quốc mới sẽ lấy tên là Văn Lang và vị hoàng đế chính thức đầu tiên của họ là Hùng Vương, do toàn dân suy tôn.

Lễ đăng quang của vua Hùng sẽ được chứng kiến bởi cả tiên mẫu Âu Cơ và Long phu Nāgajāra.

Khắp nơi, dân chúng mở hội từ mười hôm trước lễ đăng quang. Tiếng trống đồng và tiếng múa hát vang dậy. Dân chúng được mùa, thóc lúa đầy bồ, cá tôm đầy thuyền ăn không hết. Rượu nếp đã được cất rất nhiều để dành cho những ngày đại hội.

Ngày đăng quang của vua Hùng còn đánh dấu một sự thay đổi lớn trong chế độ gia tộc : chế độ mẫu hệ được chuyển thành chế độ phụ hệ. Từ nay con sẽ lấy họ cha, và người con gái sau đám cưới thì về ở với nhà chồng. Người mẹ Tiên nữ và người cha Long vương của dân tộc đã đề ra mẫu mực cho sinh hoạt toàn dân :

nước Văn Lang cũng như người Văn Lang phải đẹp và hiền. Đẹp tức là sáng tỏ, bỏ thói thô bạo, tạo nên nếp sống thuần nhĩ, tươi sáng, văn minh. Như vậy gọi là *Văn*. Còn *Lang* có nghĩa là hiền hậu, nhân từ, bỏ những hành vi cường bạo, độc ác. Văn Lang, Văn Lang, cái tên vương quốc mới lạ và đầy đủ ý nghĩa làm sao !

Vì chế độ mẫu hệ đã đổi ra phụ hệ, nên vua sẽ được gọi là Hùng Vương chứ không phải là Lạc Vương. Nghe đâu Hùng Vương hồi còn trẻ đã từng đi xuống Thủy Cung để đón đực Long Vương về làm mưa cho thế gian. Ai cũng từng nghe tiếng con người quả cảm và thông minh này. Đó là người lãnh đạo vương quốc của họ, là người giòng giống chính thống con rồng cháu tiên, được cả Long Phụ, Tiên Mẫu và cả dân chúng Phong Châu tin cậy. Hoàng hậu, vốn là một cô gái nhà nghèo tên My, đã từng giúp vua trong chuyến đi về Thủy Phủ. Bây giờ lên làm hoàng hậu, mọi người đều gọi nàng là nương My. Có người lại gọi nàng là nàng My, hay là My Nương, để tỏ vẻ tôn quý.

Từ nay, con cháu sẽ lấy tên của cha. Ngày xưa Âu Cơ đã thường hay lấy tên hoa cỏ, sông núi để đặt tên cho một trăm đứa con đầu : Sơn, Thủy, Mai, Lê, Đào, Lý, vân vân ; một trăm con thoát thai từ trăm trứng đã có một



trăm tên khác nhau. Bây giờ đây, những tên đó trở thành họ, tiêu biểu cho phụ hệ, và ở nước Văn Lang có tới trăm họ truyền nối đời đời. Thành Phong Châu xây ngay ở thôn Bạch Hạc, quê hương của Hùng và My, nơi có cây chiên đàn cao tới ngàn tầm, đọt lá khuất trong mây. Ở phía nam ngoại ô thành, có một nhà trí thức họ Lưu. Ông là một trong những người sốt sắng muốn làm sáng tỏ chủ trương văn hóa của Long Vương và Âu Cơ. Họ Lưu là người giao thiệp rộng, biết nói và biết viết tới bốn thứ tiếng. Đó là tiếng của người phương Bắc sống phía bên kia bờ biển hồ Động Đình, tiếng người phương Nam ở nước Hồ Tôn Tinh, tiếng người phương Tây ở nước Lão Qua và tiếng Phạm của những người từ nước Tây Vực sang buôn bán bằng thuyền buồm. Họ Lưu cũng là giáo sư của trẻ em trong châu quận. Khách khứa và học trò của ông thường nhìn ông và tỏ vẻ khâm phục, mỗi khi nghe ông ngồi nói chuyện bằng tiếng ngoại quốc với những người tới từ phương xa. Họ đồn ông có viên ngọc quý của vua Hùng ban cho nên có thể nghe, hiểu và nói được tiếng người nước ngoài.

Trước lễ đăng quang một hôm, giáo sư họ Lưu tiếp một người khách quý. Đó là một vị Quan Lang con nuôi của vua Hùng, được vua ban cho họ Cao.

Họ Cao có hai người con trai tuấn tú, tên là Cao Tân và Cao Lang, là anh em sinh đôi, giống hệt nhau, chỉ có cha mẹ hai người mới phân biệt được dễ dàng. Hai chàng đã lên mười bốn tuổi, và họ Cao rất muốn hai con được theo dõi văn học. Hai chàng cùng theo cha đến trình diện giáo sư họ Lưu ngày hôm ấy, và đã được nghe câu chuyện rất say mê giữa những người lớn.

Tân nghe giáo sư Lưu nói với cha mình như sau :

« Chuyển sang chế độ phụ hệ cũng hay. Người đàn ông nhiều sức lực, tháo vát và thường hay bình tĩnh, nên có nhiều khả năng bảo vệ gia đình hơn. Ngài Quan Lang hãy xét xem, bà Chúa Âu Cơ tuy rằng trong mấy trăm năm qua là chúa tể của vương quốc, nhưng sự thực bà đã trao hầu hết trách nhiệm cho những người nam nhi tuấn tú xem sóc bảo vệ nhân dân. Thiếu mặt đức Lạc Long Quân, là một sự thiếu thốn quá lớn, nếu trong vương quốc không có một vị hoàng đế như vua Hùng. Mà đức Long Quân đâu có thể ở mãi trên đất; lãnh thổ của Ngài là ở dưới biển. Biết bao nhiêu công việc còn chờ đợi Ngài dưới đó.

« Chính đức bà Âu Cơ cũng không thể ở mãi trong xã hội nhiều tiếng động và bụi bặm của nhân quần. Bà là cốt tiên, cho nên bà cứ có khuynh hướng trở lên ẩn cư trên những

đỉnh núi nơi cảnh trí nước non mỹ lệ điều kỳ không kém cảnh trời quê hương của bà là mấy. Trên những đỉnh núi thanh tịnh, có hoa, có tuyết, có suối, có động ấy, bà ưa tiêu dao với những người con cháu đã có cùng một khuynh hướng siêu thoát. Bà chỉ về Bạch Hạc khi có những chuyện cần thiết nhất. Tồi được nghe kể lại là có một đêm kia, nghe tin ngư dân bên bờ Đông Hải bị một con yêu quái sát hại, Bà đã xuống tới bờ biển cùng với năm bảy người tiên mà bà đã cầu được từ thượng giới. Bảy tiên theo sự yêu cầu của bà, đã ra tay tháo những tảng đá lớn to bằng nóc nhà ở đầu gành, chồng lên đỉnh núi, mở một con kinh để cho thuyền ngư dân tránh sóng gió và khỏi đi ngang qua hang yêu tinh. Công việc sắp xong thì ngư tinh biết. Nó hóa thành một con gà trắng, gáy lên. Chư tiên nghe tiếng gà gáy tưởng là trời đã sáng, liền bay lên trời hết, bởi họ không được phép lưu lại hạ giới ban ngày. Nghe nói thuở khai thiên lập địa, một lần chư tiên có xuống ban ngày ; nhưng từ khi bà Âu Cơ bị dọa vì ăn nhầm đất mới, chư thiên chỉ có thể xuống len ban đêm. Con kinh được khai thông nửa chừng phải bỏ dở. May thay, sau đó đức Long Quân đã trở lên, giết được yêu quái. Nay con kinh vẫn còn đó và được gọi là « kinh Tiên Đào ».

« Đây, Ngài Quan Lang hãy nghĩ xem. Dân

minh phải tự lập lấy, không thể ỷ lại nơi cha mẹ tiên rồng mãi. Các vị là những kẻ bất tử, còn chúng ta thì lại có sinh có diệt. Ngày Quan Lang thường thân cận đức vua Hùng, có nghe Ngài nói gì về chuyện này hay không ? »

Vị Quan Lang họ Cao gật đầu :

— Tôi nghe nói về chuyện này rất rõ. Đầu đuôi cũng do phụ vương Hùng tôi kể lại. Ngài nói rằng, một hôm đức bà Âu Cơ và đức ông Lạc Long ngồi bàn việc nước, ngài có được tham dự. Đức bà nói : Long Quân xin hãy ở lại thường với chúng dân, đừng về thủy phủ hoài để mẹ con ta trông nhớ. » Đức Long Vương trả lời : « Ta thuộc loài rồng, ở chốn thủy cung ; nàng là giống tiên, ở nơi thiên cung ; nguồn gốc chúng ta rất là khác biệt, nhưng kết quả của tình yêu chúng ta thì rất là đẹp đẽ. Tuy nhiên vì nguồn gốc khác nhau đó, ta và nàng không thể ở chung hoài hoài được, điều đó, lâu nay đã thường thấy rõ. Nàng có cốt tiên cho nên ít chịu đời sống náo nhiệt bụi bặm, thường ưa chọn cảnh sơn lâm, tạo nên non Bồng nước Nhục mà tiêu dao tự tại. Còn ta vì có cốt rồng cho nên phải trở về thủy giới lo công việc của người chăn dân. Vậy nên chúng ta phải khuyên cháu con tự lo lấy vận mệnh chúng ; còn chúng ta, chúng ta chỉ có thể thỉnh thoảng tới lui để giúp đỡ và bảo vệ mà thôi. » Một hồi sau, đức Long Vương nói

tiếp : « Các con cháu của chúng ta, vì nhận chịu hai nguồn gốc tiên và rồng, nên tính khí của chúng cũng không đồng... Có đứa thì ưa ở miền núi non cao nguyên ít náo động ; có đứa lại chuộng miền sông biển, hoạt động không ngừng. Vậy ta nghĩ rằng trong giòng họ của trăm đứa, những ai có tính khí chuộng yên tĩnh thì trấn cư miền núi non và cao nguyên ; còn những ai có tính khí chuộng hoạt động sông hồ thì về ở miền sông biển và hạ nguyên. Nàng đề mắt phía núi, ta đề mắt phía biển. Tuy tạm phân ra như thế nhưng không phải là chia rẽ ; ai muốn lên núi hay xuống nước tùy ý, có việc phải cùng nghe nhau, bàn chung với nhau, giải quyết cùng nhau, nhất thiết không được bỏ nhau ».

Vị Quan Lang nói tiếp :

— Chính vì quyết định ấy nên mới có sự thành lập vương quốc mới mà kinh đô đặt tại Phong Châu, có thể gọi là nơi mối giới của hai miền núi nước, và vua Hùng mới được nhân dân suy tôn lãnh đạo vương quốc. Tôi rất am tường cách thức vua Hùng tổ chức triều đình. Vua nói rằng dù đã tổ chức theo phụ hệ, nhưng phải giữ mãi dấu hiệu chim Lạc đề nhớ đến nguồn gốc tiên bên mẹ. Do đó, những tướng văn đều được gọi là Lạc Hầu, chọn trong những người anh em thông minh nhất. Còn võ thì được gọi là Lạc Tướng, chọn trong số

những anh em vũ dũng nhất. Tôi không hiểu sao vua Hùng chưa mời bác vào hàng những Lạc Hầu của triều đình nhĩ, bởi vì bác cũng thuộc về hạng tài ba lỗi lạc nhất nước...»

Vị giáo sư họ Lưu khiêm nhượng :

— Vua Hùng không mời tôi là phải đấy, thưa ngài Quan Lang. Bởi tính tôi lười, chỉ biết dạy học, không ham trị nước. Với lại tôi nghĩ dạy học cũng là một cách dựng nước, thưa ngài.

— Thì cố nhiên công việc giáo dục con em quan trọng lắm rồi. Nếu không tôi đâu có dám đường đột tìm tới hôm nay. Để tôi nói tiếp chuyện tổ chức triều đình hầu ngài nghe.

Tôi kể đến đâu rồi nhĩ ? Phải rồi, quan văn thì gọi là Lạc Hầu, quan võ thì gọi là Lạc Tướng. Những hoàng tử con trai của vua thì gọi là Quan Lang ; tôi là con nuôi nhưng cũng được làm nhận danh nghĩa ấy — các công chúa con gái của vua đều được gọi là My Nương ; đó là theo ý muốn của hoàng hậu. Còn các quan làm việc ở Hữu ty thì được gọi là *bổ chính*. Vua gọi chức vụ thần tử là *khôi*, một cách thân mật, lấy cớ là tất cả đều anh em trong một nhà.

— Tôi thấy hai thánh và vua Hùng sắp đặt như vậy thật hoàn hảo. Tôi hâm mộ tiêu chuẩn Văn Lang, và muốn góp sức phần nào xây dựng kỷ cương của vương quốc mới. Nay hai cháu, con của ngài Quan Lang, ở ngay trong

thành Phong Châu này thì cũng gần, khỏi cần phải ở lại học xá. Hai cháu cứ sáng đến chiều về cũng đủ theo học được rồi. Ngài Quan Lang đừng lo ngại. Tôi có một cháu gái cũng trạc tuổi hai cháu, tôi cũng muốn cho cháu học chữ nghĩa. Biết đâu sau này nó lại không giúp nước giúp dân được. Để tôi gọi nó lên chào ngài Quan Lang. Thảo ơi, lên rót nước mời khách quý của bố đi con. »

Từ phía sau rèm, một thiếu nữ đoan trang và thùy my bước ra. Tóc nàng đen huyền buông xuống quá vai. Dáng người nàng thanh nhã ; da nàng trắng như tuyết, hai mắt đen lay láy. Thiếu nữ cúi chào mọi người rồi thoăn thoắt đi soạn ra trước khách những cái chén uống nước màu đất hồng. Thấy hai người con trai thanh tú giống nhau, trang phục cũng y hệt như nhau, nàng ngạc nhiên ngừng lại nhìn lâu một chút. Khi mắt nàng chạm mắt của hai người, nàng e lệ nhìn xuống.

— Con gái của bác đây, phải không ? Thật là xinh quá đi mất. Không hổ tí nào với cái nguồn gốc tiên rồng của cháu. Vị Quan Lang nói thế rồi nàng tách trà lên uống, trong khi nàng thiếu nữ then thò đứng nhìn xuống đất, bên cạnh cha nàng. Ông giáo sư họ Lưu âu yếm nhìn con :

— Ngày mai, thế nào con cũng được đi xem lễ đăng quang của vua Hùng. Nước có vua,

như nhà có nóc ! Thế nào mà ngày mai thiên hạ khắp nước lại không mở hội suốt cả ngày đêm ! Tôi rất mong được thấy giờ phút vua Hùng ngồi lên ngai vàng, sau khi đã được hai Thánh đội cho chiếc vương miện có đỉnh hình chim Lạc.

Vị Quan Lang đứng dậy cáo từ :

— Rồi bác sẽ thấy chiếc ngai vàng chạm rồng. Thật là đẹp hết chỗ nói. Nhưng mà trong một cái lễ đăng quang như thế, nếu đức Long Vương hiện hình rồng vàng phía trên cao thì dân chúng mới thật là hả hê đấy, có phải không ông giáo sư ? Thôi chúng tôi xin cáo từ. Chào giáo sư đi hai con ! Chúng ta còn phải về sửa soạn đề ngày mai đi dự hội nữa chứ !

Sau khi tiễn khách ra khỏi cổng trúc, giáo sư họ Lưu trở vào, nét mặt tươi như hoa. Ông lầm bầm ; « Đức Long Quân hiện hình rồng vàng trên trời, ngay trên ngai vàng của hoàng đế ! Tại sao lại không có chuyện đó được ? Mình muốn gì thì mình cứ nói, nói lớn lên, thế nào cũng được toại nguyện, chứ sao? »

Thấy bố hân hoan như một đứa trẻ con, nàng thiếu nữ có tên là Thiên Thảo mỉm cười một mình.

VI

NÔNG MẠN

Đã hơn bảy ngày nay, Thiên Thảo đi tìm chồng. Tân đã đi biệt tích từ hai tuần lễ.

Trời nắng chang chang. Đôi dép cỏ của nàng đi đã rách nát không còn dùng được nữa. Đôi chân nàng đi trên con đường nhiều sỏi đá đã sưng vù lên. Mỗi bước chân đi trở nên một cực hình. Mồ hôi nàng vã ra như tắm. Tóc nàng bết xuống mặt. Hành trang của nàng gồm có một tay nải xách thức ăn và một chiếc nón lá. Không buồn ăn uống, nàng đã liệng chiếc tay nải. Bây giờ nàng chỉ còn lại mỗi một chiếc nón lá để che đầu.

Thiên Thảo ghé vào bên đường, dưới bóng một cây sung già, ngồi nghỉ trên một tảng đá. Nàng thở hào hển. Thân thể nàng rã rời, nàng không còn đủ sức lực để phe phẩy chiếc nón trên mặt cho bớt nóng.

Linh tinh báo cho nàng biết rằng tất cả những gì nàng đã nghĩ sẽ xảy ra giống in như hệt. Những gì đã xảy ra cho Tân chồng nàng, và những gì đã xảy ra cho Lang, người em trai của chồng mà cả hai vợ chồng đều yêu mến.

Lang đã bỏ nhà ra đi trước. Sau đó mười hôm, Tân cũng bỏ nhà đi tìm. Và bây giờ đây, đến lượt Thiên Thảo bỏ nhà đi tìm chồng, cũng mười ngày sau khi chồng ra đi. Nàng nhớ lại những ngày Tân và Lang còn là học trò thường đến học ở nhà nàng. Cha nàng là ông giáo sư họ Lưu. Ông giáo dạy một lớp hai mươi bốn người, trong đó chỉ có nàng là gái. Tân và Lang là anh em, giống nhau như hai giọt nước, dù Tân lớn hơn Lang một tuổi. Hồi đó, giữa nàng và hai chàng chỉ có tình bạn học dầm thắm. Họ học hành, đàm luận và cười nói với nhau tự nhiên như con một nhà. Lúc đầu, thật khó mà phân biệt được ai là Tân và ai là Lang. Hai anh chàng luôn luôn mặc một thứ áo, cắt một kiểu tóc. Một hôm trời mưa, Tân và Lang lại không về, Thiên Thảo dọn cháo cho hai bạn. Nàng múc cháo ra hai bát, nhưng nghịch ngợm chỉ mang ra một bát và một đôi đũa trên mâm. Nàng đặt mâm xuống bàn, và đi vào bếp nhìn qua khe cửa lên nhà trên. Nàng thấy một chàng nhường cho chàng kia ăn trước. Nàng biết người ăn trước là anh, liền mang thêm ra một bát cháo và một đôi đũa nữa cho người em. Nhân dịp đó, nàng quan sát kỹ lưỡng, và nhận thấy một dấu hiệu khác nhau giữa hai người. Chỉ có Lang, người em, mới có một nút ruồi nhỏ xíu nơi trái tai bên phải. Ngoài ra, nàng không tìm ra được điểm khác

nhau nào nữa về hình thức.

Thiên Thảo bằng lòng với sự khám phá của mình. Nàng thường hay làm cho cha và các bạn học phục lẫn vì tài phân biệt của nàng. Cuốn vở làm văn của Tân, không bao giờ nàng phát cho Lang. Mỗi khi Tân hoặc Lang vào lớp nàng chào họ bằng tên, trong khi ai cũng còn bỡ ngỡ không biết đây là người anh hay người em thuộc cặp anh em ngộ nghĩnh đó. Dần dần Thiên Thảo khám phá thêm được rằng Tân thì vui cười hoạt động còn Lang thì hơi dăm chiêu và mơ mộng. Lúc khám phá ra điều này, nàng có thể nhìn vào mắt mà đoán ra được ai là anh, ai là em, không cần phải nhìn vào trái tai bên phải nữa. Cả đến trong những buổi chạng vạng tối trời, lúc nhà chưa thắp đèn, nghe giọng nàng cũng có thể phân biệt được. Thật ra, giọng hai người rất giống nhau ; sở dĩ Thiên Thảo phân biệt được đó là nhờ nàng đọc được tánh tình của mỗi người trong giọng nói.

Cuộc đời học trò đi tới với bao nhiêu trao đổi, mơ mộng và dự đoán. Cho đến một hôm, nàng nhớ đó là một ngày đầu năm, khi Tân và Lang theo lệ đến mừng tuổi giáo sư Lưu, thì nàng biết Tân yêu nàng. Làm sao mà biết ? Nàng không thể cắt nghĩa được. Duy có một điều chắc chắn là hôm đó nhìn vào mắt Tân nàng biết chắc người con trai ấy đã đem lòng

yêu dấu nàng. Còn Lang ? Nàng đã choáng váng vì cái nhìn của Tân nên không còn bình tĩnh để nhận xét phản ứng của Lang nữa.

Rồi một hôm thân phụ và thân mẫu Tân đem muối đến làm lễ hỏi nàng cho Tân. Cha mẹ nàng nhận lời. Nàng tiếc gia đình không còn theo chế độ mẫu hệ để Tân đến ở luôn nhà nàng và để nàng khỏi phải xa lìa cha mẹ. Ngày đón dâu, nàng khóc hết nước mắt. Lang đi làm phù rề bên Tân, chàng mặc một chiếc áo màu khác với màu đọt chuối của Tân. Chàng mặc một chiếc áo màu tím nhạt.

Thảo về ở nhà chồng. Nàng nhận thấy hai anh em thương quý nhau rất mực. Điều này làm cho nàng càng quý chuộng Tân và Lang. Ít khi nào có một cuộc vui như du ngoạn, thưởng trăng, uống trà, đi ngựa hay đánh cờ mà Tân chỉ đi riêng với nàng. Luôn luôn chàng mời em cùng đi. Còn Lang thì nhiều khi vì muốn cho hai vợ chồng có những phút riêng tư, nên chàng hay từ chối. Tuy nhiên, với Tân, ít khi nào Lang từ chối được. Lang chiều ý anh, và cố tình làm ra vẻ say mê những cuộc vui trong đó có mình tham dự. Nhưng lắm khi chàng ao ước được ngồi riêng một mình; chàng ao ước có sự cô đơn, một sự cô đơn bề ngoài có thể xét ra là trống lạnh nhưng thật ra rất ấm áp với chàng. Chính sự cô đơn ấy mà chàng cần có ; nhưng Tân vì thương em

lại không bao giờ muốn cho em cô đơn. Thành ra nhiều khi cuộc vui trở thành giả tạo. Thiên Thảo rất tinh ý về điều này. Nàng nhận thấy có một chút gì bất ổn. Nàng bàn riêng với chồng nên để cho Lang có những giây phút cô đơn của chàng. Nhưng Tân ít tế nhị hơn; chàng ngắt lời nàng, và cho rằng tình huynh đệ sâu sắc của hai chàng bảo đảm sẽ không có chuyện gì xảy ra một cách đáng lo ngại. Thảo không đồng ý với chồng, nhưng nàng không dám ép quá. Điều làm nàng lo sợ hơn hết là một sự khám phá mới : Lang cũng yêu nàng. Một tình yêu âm thầm chứa trong lòng nó sức nóng của một trái núi lửa, nhưng bên ngoài thì có vẻ lạnh nhạt. Không ai hay biết điều này. Chỉ trừ một người có nhận thức tinh tế không ai có được. Người ấy là Thảo.

Một hôm Lang cười nói với anh là muốn làm nhà riêng trên núi, tiêu diêu thoát tục, trồng rau trồng hoa, và làm thơ cả tụng cuộc đời. Nhận thấy tất cả sự tinh, Thảo mong ước chồng tán thành ý kiến đó. Nhưng lại vì tình thương gần bó, Tân không muốn rời em, không cho phép em đi. Một buổi chiều nhá nhem, khi anh em đi thăm đồng ruộng trở về, vì không may mà Thảo đã vô tình phạm một lỗi lầm tai hại. Trong bóng chiều, thấy Lang bước vào nàng tưởng là chồng, đưa hai tay ôm lấy chàng. Lang tháo gỡ ra khỏi vòng tay Thảo.

Trong lúc đó thì Tân về tới.

Sáng ngày mai, sau khi ăn cháo sớm, Lang nhìn anh và nhìn Thảo, nói rằng sẽ đi chơi một mình một ngày dài cho thỏa chí. Chàng cười trong khi nói câu ấy. Nhưng Thảo thấy nụ cười kia buồn bã làm sao. Nàng đã trao hết tình yêu cho Tân, nàng là người vợ trọn vẹn của Tân, nhưng nàng xót xa cho Lang quá, bởi tình bạn hữu của nàng đối với Lang cũng thâm thiết quá.

Lang đi, rồi Lang không về. Mười ngày trôi qua. Mười ngày trôi qua không có tin tức. Đến lượt Tân bỏ nhà đi tìm em. Chàng bắt đầu thoáng thấy một sự thực mà chưa bao giờ chàng ngỡ tới. Chàng lấy làm lo sợ.

Tân đi, và mười ngày nữa lại trôi qua. Không có tin tức. Mười ngày trôi qua trong nỗi khoắc khoải và lo sợ của Thảo. Đến lượt nàng khăn gói đi tìm chồng.

Nàng đã theo con đường mà chồng nàng đi hôm trước, con đường đưa đi tới cửa Nam thành Phong Châu. Khi ra khỏi thành, nàng thấy con đường rẽ làm hai chiều, một chiều lên núi, một chiều xuống biển. Nàng lưỡng lự rồi chọn con đường lên cao nguyên.

Ngồi nghỉ một lát trên phiến đá, nàng lại đi. Đi mãi cho đến khi trời ngã hẳn về chiều. Hai chân nàng rướm máu. Nàng có linh cảm rằng chính trên con đường này Tân và Lang đã đi



qua, và nàng can đảm xé vạt áo buộc bàn chân lại để đi cho bớt đau.

Nhưng kia, trước mặt lại là một con sông chảy ngang, nước xoáy cuồn cuộn. Trời chiều ; màu trời tím ngắt ; nước sông cũng tím thẫm. Có lẽ vì hoàng hôn đã xuống nên không còn thấy bóng một chiếc đò ngang nào. Nhìn qua bên kia xa tắp, nàng chỉ thấy mịt mờ sương khói. Bên này bờ, lá cành xào xạc. Chim bay trên đầu nàng, kêu rối rít. Trời đã sắp tối. Đêm nay có lẽ nàng phải ngủ bờ ngủ bụi bên giòng sông.

Bỗng nàng thấy thấp thoáng qua cành lá một ngôi nhà sàn nhỏ cách chỗ nàng chừng vài ba trăm trượng, đứng bên này bờ sông. Nàng đứng dậy, lần đi tới căn nhà đó để cầu xin ở lại một đêm.

Gió bỗng nhiên thổi mạnh. Lá khô và bụi đất bay rất rào và mịt mù bốn phía. Nhìn lên, nàng thấy mây đã phủ đen ngịt. Một làn chớp giật. Trời sắp có cơn giông bão lớn.

Nàng leo lên chiếc cầu thang, gọi cửa. Người mở cửa cho nàng là một thiếu phụ chừng bốn mươi. Người đàn bà này nhìn nàng bằng một cái nhìn kỳ lạ, nàng không thể nào hiểu nổi. Thiếu phụ dắt tay nàng vào trong, cất nón cho nàng, và bảo nàng ngồi nghỉ trên chiếc chõng tre dài. Gia đình thiếu phụ đang ăn bữa cơm chiều trên sàn nhà có trải chiếu cỏ. Nàng

nghiêng đầu làm lễ người nông dân miền cao nguyên rồi ngồi xuống chổng tre, nhìn đứa bé kháu khỉnh đang há miệng chờ bố nó gấp thức ăn dứt cho nó.

Thiếu phụ lấy thêm một cái bát và một đĩa. Nhưng Thảo thấy mệt quá không thể nào ăn được, liền lễ phép từ khước. Tuy nhiên nàng nhận bát nước vối còn nóng của thiếu phụ đưa ra và thông thả nâng bát uống từng ngụm nhỏ.

Mưa đã tuôn xuống rào rạt bên ngoài và gió tiếp tục thổi mạnh. Nàng nghe tiếng gầm thét của đất trời, lắng nghe điệu nhạc uy hùng của mưa bão, thấy rằng cơn vũ bão của thiên nhiên làm dịu được cơn vũ bão của lòng mình, diễn tả được những đau xót khôn cùng của lòng mình. Nhà đã tắt đèn. Đĩa đèn dầu phụng hai bắc soi quanh căn nhà một cách yếu ớt. Đứa bé đã được mẹ nó đưa vào nôi. Một giọng rừ rừ dịu dịu, khuất trong tiếng mưa gió.

Thiếu phụ trở ra. Ba người ngồi bên đĩa đèn dầu, nói chuyện :

— Hai anh chị có thấy cách đây chừng mười hôm một người đàn ông giảng học trò, mình mặc áo xanh, đi ngang qua vùng này không ? Em đang đi tìm người ấy.

Vợ chồng bác nông dân trẻ không ai vội trả lời. Bác trai nhìn Thảo — ôi, cái nhìn giống hệt cái nhìn kỳ lạ hồi nãy của người vợ — Thảo cảm thấy hoảng sợ. Nàng hỏi dồn dập :

— Sao, anh chị có thấy không ? thấy không ?
Bác nông phu chậm rãi :

— Có, chúng tôi có thấy. Không những chúng tôi thấy người đàn ông mặc áo xanh, mà trước đó chúng tôi đã thấy một người đàn ông khác, cũng dáng người y như thế, nhưng lại mặc áo trắng. Trời mưa gió lắm, thím cứ ở lại đây nghỉ ; sáng mai sớm nên quay về thì hơn, chúng tôi chắc thím chẳng tìm được hai người đâu.

Nghe những câu nói này, Thiên Thảo thấy một luồng khí lạnh chạy theo giọc xương sống. Nàng bàng hoàng, nàng có cảm giác hình như đã thấy rõ được mọi chuyện.

Nhưng người thiếu phụ đã bắt đầu ôn tồn kể lại câu chuyện :

— Thím ngồi gần lại đây chút nữa kéo bên đó có gió lọt vào khe cửa lạnh. Để tôi kể đầu đuôi những gì chúng tôi biết cho thím nghe. Chiều hôm ấy, cách đây cũng đã gần một tháng, chúng tôi thấy người áo trắng từ xa đi đến. Ông ta không có nón, cũng không có áo tơi. Ông ta đi hai tay không. Nhà tôi đi rầy chưa về, tôi muốn chạy ra cho ông ta biết là giờ ấy không còn đồ ngang nữa, nhưng bạn cháu thành không đi xuống được. Tôi thấy ông ta đứng thờ thần nhìn trời, nhìn đất, hết nhìn phía trước lại nhìn đằng sau. Ông ta ngồi xuống trên bờ cỏ một lúc lâu. Chợt tôi trông thấy ông

ta lấy hai tay che mặt, cả người cả vai rung lên. Ông ta khóc. Tôi ái ngại quá, thầm mong bố cháu về để đưa ông ta lên nhà nghỉ. Rồi trời mưa. Mới đầu thì mưa giăng giăng thôi, ông ta cũng ngừng đầu lên nhìn nhưng lại cúi xuống nức nở. Trời mưa còn nhẹ hạt cho nên tôi còn trông thấy hình dáng ông ta. Tôi thấy ông ta đứng dậy ngược nhìn trong mưa như là vừa trông thấy bóng ai đang đi tới. Ông ta đưa hai tay ra ôm lấy một cái bóng người tưởng tượng. Rồi ông ta té nhào trên bờ đất. Mưa càng lúc càng lớn, tôi không trông thấy rõ ràng nữa. Chỉ thấy ông ta còn đứng trần trần giữa mưa như một cái tượng đá mà thôi. Rồi giông bão nổi dậy. Trong lúc đó thì bố nó đội mưa chạy về. Tôi đưa hai chiếc tờ cá cho bố nó, bảo ra đón ông khách lỡ bộ đường kia vào. Bố nó sốt sắng đi ngay. Nhưng lát sau bố nó trở về một mình.

Bác nông dân đưa bát nước lên uống một hơi, rồi đặt bát nước xuống nói :

— Tôi ra thì thấy ông ta đang ngồi bó gối bên bờ sông, bắt chấp cả gió mưa. Tôi mời ông ấy vào, nhưng ông ấy lắc đầu. Tôi năn nỉ ông ta vẫn lắc đầu. Tôi đưa chiếc áo tôi cho ông ta, ông ta cũng không nhận. Tôi liền bỏ chiếc áo tôi lại và trở lên, bởi vì trời mưa gió lớn quá.

— Đêm ấy mưa gió suốt đêm, trời giông bão

ăm ăm, cũng như đêm nay vậy — người thiếu phụ nói tiếp. Chúng tôi nằm trong nhà, cứ nghĩ mãi đến cái ông khách đi đường kỳ lạ kia mà chẳng chợp đi được. Cứ mong ông ta mang tôi vào rồi trở về đường cũ. Chờ suốt đêm dưới mưa bão thì chắc là ốm to phải không thím. Cuối cùng tôi cũng ngủ thiếp đi. Sáng ra, trời hết gió nhưng vẫn còn mưa. Tôi ra cửa nhìn thì vẫn thấy ông ta ngồi một đống trong màn mưa dày đặc. Cháu còn ngủ. Tôi lấy tôi nón, buộc giải cần thận, ra ngoài. Tôi gần ông kia, tôi mới biết cái đống trắng lù lù hồi nãy không phải là ông ta, mà là một tảng đá vôi trắng toát. Bên cạnh, còn thấy chiếc áo tôi cá của nhà tôi để lại hòm qua lẩn lóc. Trong khi đó, trời vẫn mưa.

Bác nông phu đỡ lời vợ :

— Lạ quá thím ạ. Tảng đá vôi trắng tinh đó, trước kia có bao giờ tôi trông thấy nằm ở đó đâu. Bên bờ này vốn không có hòn đá lớn nào, nhất là loại đá trắng đẹp như vậy. Không có lý mà trong đêm khuya, cái ông khách đi đường kỳ lạ kia lại đi khuôn ở đâu tới để đặt vào chỗ đó một tảng đá lớn như thế. Tảng đá đó, thím à, tôi tưởng bốn người lực lưỡng như tôi với quang gánh đầy đủ chưa chắc đã khiêng nổi.. Không lý tự nó dưới đất trời lên trong giữa khuya. Còn ông khách, có lẽ ông ta đã trở về đường cũ ; hoặc có thể đã trầm

minh trong dòng sông rồi. Mẹ thẳng cu cũng nghĩ như thế đó, nhưng tôi thì không nghĩ rằng sự tình lại bi thảm quá đến vậy.

Nói xong câu đó, người nông phu trầm ngâm lấy thuốc nhét vào điếu cày, châm lửa hút. Vợ bác kể tiếp :

— Cách mười ngày sau, thì cái ông áo xanh đến. Ông áo xanh đến nhìn ngó ngác một hồi, rồi tìm tới leo lên nhà chúng tôi. Ông áo xanh hỏi thăm chúng tôi về ông áo trắng. Trong khi bố nó kể cho ông ta nghe câu chuyện tôi vừa kể, ông ấy ôm mặt khóc nức nở. Đến khi bố nó kể chuyện tảng đá, ông ta la lớn lên « em tôi hóa thành đá rồi ! em tôi hóa thành đá rồi ! » và ông ta bỏ chạy ra ngoài bờ sông, tìm tới tảng đá. Trong khi đó thì trời lại nổi cơn mưa. Mưa lớn dần và cũng có giống bão nữa, y như kỳ trước. Bố nó cũng chạy ra, cũng đem tới nón mời ông ta trở vào. Ông ta cũng không trở vào, cứ ngồi gục đầu bên cạnh tảng đá mà gào thét. Rốt cuộc bố nó cũng đành phải trở lên lại một mình. Rồi giông bão tiếp tục mãi ; chúng tôi nằm trong nhà mà trong dạ lại cũng không yên. Sáng hôm sau trời tạnh ; khi chúng tôi ra tới thì ông khách áo xanh không còn nữa. Bên cạnh tảng đá chúng tôi thấy mọc lên một cây mới, cao bằng một em bé lên mười, thân cây và lá cây xanh rờn. Cây gì mà mọc lên mau quá như thế không biết ! Tôi nói :

chắc cái ông áo xanh đã chết lúc nửa đêm, và đã biến thành cái cây xanh mới này. Đây chắc là hai anh em một nhà nào đó và có lẽ là thương yêu nhau lắm. Nhưng không biết vì duyên cớ gì mà cơ sự lại xảy ra như vậy. Bố nó cũng bắt đầu nghĩ như tôi. Còn thím, thím có bà con gì với hai người ấy không mà lại đi tìm ? Tối nay trời lại giông bão nữa, giông hệt như hai lần trước. Tôi sợ lắm. Tôi van thím hãy cứ ở trong nhà, đừng có đi ra ngoài. Đợi sáng mai đã rồi có đi hãy đi ; bây giờ thì nhất thiết là thím phải ngủ lại đây với chúng tôi đã.

Thiên Thảo ngược nhìn thiếu phụ, mắt nàng ướm đầm. Nhưng để an lòng hai người, nàng lấy áo lau nước mắt, gượng cười. Nàng nói nhỏ nhẹ làm như thể sự việc xảy ra không có gì là quan trọng đối với nàng :

— Không sao đâu thưa anh chị. Em là nội trợ của người áo xanh, em đi tìm anh ấy. Còn người áo trắng là chú Lang, em ruột của nhà em. Có lẽ chú ấy và cả anh ấy đều đã sang sông trong buổi sáng sớm ; anh chị không biết đấy mà thôi. Sáng mai, em cũng sẽ sang sông đi tìm, và thế nào cũng gặp được hai người. Anh chị nghĩ xem, đi đâu thì cũng quanh quẩn trong xứ mình. Không đi tìm thì thôi chứ đi tìm thì thế nào cũng tìm ra được. Em xin anh chị đừng lo. Em sẽ không đi ra ngoài trời giông bão đâu. Em sẽ xin ngủ một đêm tại

đây, đề sáng mai còn sang sông sớm.

Thế rồi Thiên Thảo xin một chiếc chiếu trải ra sàn để ngủ, và một chiếc khác để đắp. Hai vợ chồng người nông phu cũng trở vào phòng trong nghỉ ngơi, trong khi mưa gió bên ngoài tiếp tục thét gào dữ dội.

Thiên Thảo cuộn mình trong một lớp chiếu, lắng nghe tất cả mọi âm thanh dồn dập trong trận mưa bão dữ dội. Rồi nàng yên lặng khóc. Nước mắt của nàng chảy ướt cả mấy lần chiếu. Vợ chồng bác nông phu có lẽ đã ngủ say. Ngọn đèn dầu lạc chỉ còn lại một bắc, leo lét trong gian phòng ; ngọn lửa sáng chao qua chao lại dưới ảnh hưởng của những cơn gió tạt qua khe cửa hở. Có lúc sét nổ lớn quá, rung chuyển cả đất trời. Thảo tưởng như cả đất trời bên ngoài đều đã tan thành tro bụi. Rồi sấm rền như một chiếc xe chuyển đi rầm rộ trên mây, lăn mãi tới phương trời xa. Gió tạt ào ào vào vách gỗ. Mưa xối xả như cả bầu trời đều tan thành nước trút xuống mặt đất.

Lâu lắm, lâu lắm, vào khoảng giữa khuya, mưa gió dịu dần, rồi cuối cùng tắt hẳn. Bên ngoài, sự yên lặng, gần như tuyệt đối, đã trở về. Nhè nhẹ, Thiên Thảo dỡ chiếu, ngồi dậy. Nàng se sẽ rút then chốt cửa, hé liếp thoát ra ngoài, leo từng nấc thang xuống đất.

Khi chân nàng chấm đất, nàng thấy ánh trăng soi chiếu rõ ràng cảnh vật bên bờ sông.

Nhìn lên, nàng thấy mảnh trăng khuya nằm trên một khung trời rải rác những đám mây nhẹ. Phía trước mặt là tảng đá trắng mà vợ chồng bác nông phu đã nói tới hồi hôm. Nàng thông thả bước về phía ấy.

Quả như lời của hai vợ chồng bác nông phu hiền hậu, tảng đá trắng nằm yên lặng và thanh thản bên một gốc cây lên xanh, phía trên những bẹ lá xòe ra như tỏ ý chở che đùm bọc. Nàng quỳ xuống đất bên cạnh tảng đá trắng, hai tay ôm lấy thân cây tròn trĩnh, đầu tóc nép vào những cuống lá thuôn dài. Nước mắt nàng nhỏ xuống tảng đá. Những giọt nước mắt nóng cho đến nỗi mỗi khi rơi xuống chỗ nào trên mặt đá thì chỗ ấy sồi lên và sủi bọt trắng xóa. Nàng khóc cho đến khi quỳ hẳn xuống, hai đầu gối lún sâu vào lòng đất mềm, hai tay vẫn còn quấn lấy thân cây và tảng đá.

Sáng ra, vợ chồng nông phu thấy thiếu phụ không còn trong nhà mình nữa. Họ ra bến thì vừa lúc ông lái đò ngang vừa đưa đò cặp bến. Họ hỏi thăm có phải bác vừa chở một thiếu phụ áo xanh sang sông không ; bác lái đò trả lời :

— Đây là chuyến đầu, tôi chưa chở được người khách nào hết.

Hỏi vào khoảng mười hôm về trước có chở một anh chàng áo xanh không có hành lý nào không, ông ta cũng nói không. Hai vợ chồng

trở lại quan sát tảng đá vôi trắng và cái cây xanh đứng thẳng có tán lá xoè rộng phía trên. Họ thấy cây đã lên cao quá đầu họ. Họ lại thấy từ dưới đất, một giây leo cũng đã mọc lên từ bao giờ. Rễ của giây leo bắt sâu từ dưới chân tảng đá, giây leo bám lấy thành đá leo lên, cuốn quanh lấy thân cây, những lá cây xanh mượt và duyên dáng ôm ấp lấy thân cây đứng thẳng. Họ ngắt thử một cọng lá nhỏ và đưa lên mũi ngửi : một hương vị nồng nồng cay cay mà đậm đà làm cho họ buâng khuâng nghĩ tới người thiếu phụ có cái nhìn sâu thẳm tối qua.

Một buổi trưa tháng bảy trời nắng chang chang ; trên bờ sông, một đàn người ngựa có vẻ sang quý dừng bước. Vua Hùng Vương đệ nhị cùng đàn tùy tùng nhìn quanh tìm một nơi có bóng mát để nghỉ ngơi, trước khi tiếp tục cuộc hành trình. Họ thấy cách đó không xa có một ngôi đền xinh xắn núp dưới bóng mấy cây đại thụ. Đoàn người ngựa tiến về phía ngôi đền.

Sau khi giải khát, vua Hùng ngồi nghỉ trên một phiến đá trắng, phe phẩy chiếc quạt nan. Một người cận vệ đến gần tỏ ý muốn hầu quạt cho vua, nhưng Hùng Vương mỉm cười khoát tay bảo thôi. Ngài chỉ mấy cây cau đứng thẳng

tắp gần đó, hỏi người cận vệ : « cây gì mà có nhiều trái thế, chú nhỉ ? » Người cận vệ tâu rằng không biết. Vua Hùng muốn biết hương vị của những trái cây treo lủng lẳng trên buồng cao. Người cận vệ đi tìm một sợi dây để kiếm cách leo lên cây, hái một vài quả cho vua nếm thử.

Vua Hùng nhìn quanh, một lát sau lại hỏi một vị cận thần : « khanh có biết đền thờ ai đây không ? ». Vị cận thần vừa mới mở miệng tâu vua rằng không, thì người cận vệ vừa từ trên cây tuột xuống. Anh ta dâng vua hai trái vừa hái được trên cây, tâu rằng trái này là trái mới, ít ai biết, nên không biết gọi là gì. Nhưng anh cũng tâu vua rằng anh biết đền thờ này là đền thờ ai, và giữa ngôi đền kia với trái cây này, có những liên hệ mật thiết nào. Nghe nói thế, vua chưa cần vào trái cây vội. Ngài bảo người cận vệ ngồi xuống một tảng đá thấp hơn bên cạnh, và kể hết câu chuyện cho ngài nghe. Người cận vệ kể chuyện anh em Tân, Lang cùng chuyện Thiên Thảo một cách rành mạch như là ông ta đã được vợ chồng bác nông phu ngày xưa kể lại cho nghe đủ mọi chi tiết :

« Tâu đức vua kính mến, hòn đá trắng mà chính đức vua đang ngồi đây là thuộc loại với hòn đá vôi trắng mà ngày xưa người con trai họ Cao tên Lang đã biến thành, sau khi chết. Còn những trái cây mà đức vua kính

mến đang cầm trên tay, là trái của cái cây mà ngày xưa người con trai họ Cao tên Tân đã hóa thân. Còn những giầy leo xanh tốt có những lá hình trái tim đang leo quanh cây, là chính hiện thân của Lưu Thị, sau khi đi tìm chồng thấy chồng đã hóa thành cây và em chồng đã hóa thành đá. Người ta nói phiến đá trắng như lòng trong trắng của người em; thân cây cao thẳng mọc gần tảng đá có những tàu lá dài vươn ra là người anh, một lòng muốn gần gũi thương yêu, bao bọc và che chở cho em. Còn giầy leo xanh tốt kia là người vợ, trinh thuận và khả ái, sau khi chết vẫn nương tựa quán quít bên chồng. Sau khi ba người đã hóa thân, nhà họ Cao và họ Lưu cũng tìm tới được chỗ này, và nhờ vợ chồng bác nông phu mà hỏi ra được cơ sự. Hai gia đình mới cùng nhau lập nên ngôi đền này để thờ ba người. Nhân dân vùng này, từ đó, không bao giờ ngưng việc hương khói. »

Hùng Vương nghe nói, bết nhìn hai trái cây trong tay, lại ngược nhìn thân cây cao vút và những giầy lá cuốn quanh thân cây có những ngọn lá hình trái tim đuôi thuôn dài xinh xắn. Rồi ngài đứng dậy nhìn tảng đá, lấy tay vỗ vào tảng đá nhẹ nhàng như vỗ vai một trẻ thơ. Vua có vẻ cảm động. Cuối cùng ngài đưa một trái cây trong tay và bảo nhỏ người cận vệ :

— Ta thấy nhạt miệng ; khanh thử bỏ trái này cho ta nếm thử.

Người cận vệ lấy dao gọt vỏ, cắt chừa, và bỏ trái cây ra làm tám miếng nhỏ đem dâng vua. Bèn trong là sắc trắng ; mỗi miếng mang theo một phần hạt hơi ánh màu hồng. Vua nếm thử một chút, thấy hơi giòn ngọt và chan chát. Vua bỏ hẳn một miếng vào miệng nhai, và thấy tuy không ngọt sắc như trái cam trái ổi, nhưng trái cây mới này có một chất chát làm cho cảm giác nhai nhặt trong miệng vua biến tan mất. Vua đứng lại gần cây leo, ngắt một mảnh lá bỏ vào miệng để nhai chung, thì thấy mùi vị cay thơm bốc lên mũi rất là dễ chịu. Nhai một lát, ngài thấy vui miệng ; và vì thấy ngon miệng, nước miếng ngài ứa ra. Ngài nhổ bọt nước bọt xuống đất, bèn cạnh tảng đá... Bỗng ngài nhận thấy một vài giọt vương trên tảng đá biến thành màu đỏ.

Đức vua cúi xuống để quan sát, quả thấy đó là những giọt đỏ như những giọt máu. Ngài nhìn xuống đất thì đám nước bọt ngài vừa nhổ chỉ có màu đen thẫm; đưa ngón tay chấm vào miệng để nhìn thử, ngài cũng không thấy có màu đỏ. Ngài liền bảo người tùy tùng lấy lưới gươm cạo cho ngài một chút bọt đá, và lấy chút bọt đá đó bỏ vào miệng nhai. Phút chốc môi ngài đỏ tươi, hồng đẹp như môi của

một thiếu nữ.

Ngạc nhiên với khám phá mới, đức vua mời mọi người nhai thử một phần tám trái cây, một phần ba cuốn lá và một chút bột đá vôi trắng. Người nào cũng vui vẻ bắt chước đức vua và ai cũng đồng ý rằng nhai những thứ này thấy vui và măn miệng, ai cũng có đôi môi hồng đỏ. Đức vua nghiêm trang nói :

— Tình anh em và nghĩa vợ chồng của ba người trẻ tuổi này quả là thấm thiết và nồng đượm. Nồng đượm như hương vị của cây lá mà ta đang nhai, thấm thiết như màu son mà ta thấy trên môi quý vị. Thôi, ta quyết định thế này : ta đặt tên cây này là cây Cao, lá này là lá Lưu, và mỗi khi có lễ cưới hỏi, dân ta sẽ dùng trái Cao và lá Lưu để thay thế cho tục dùng muối. Muối thì mặn-mà thật, nhưng chưa mặn mà, thấm thiết và nồng đượm như hương vị của trái cây và giây lá này, nhất là khi ăn với một chút đá vôi. Tình vợ chồng và tình anh em của ba người trẻ tuổi họ Cao và họ Lưu sẽ là một hình ảnh đẹp để còn mãi trong đời sống tình cảm của dân tộc này.

Mọi người cúi đầu lãnh mệnh. Cây Cao và giây Lưu được dân Văn Lang đem gieo giống khắp nơi trong nước ; sau này có người đọc trại tiếng Cao ra tiếng Cau và tiếng Lưu ra tiếng Trầu. Cao Lưu hay Cau Trầu gì cũng là

đề gọi những cây có hương vị đậm đà thơm cay mà vua Hùng đệ nhị là người thứ nhất đã được nếm đến. Còn đá vôi thì, ở đâu có cau trầu, ở đấy cũng có đá vôi.



VII

BÁNH CHUNG

NGÀY Tết đã đến. Các Lạc Hầu, Lạc Tướng, Quan Lang và My Nương hôm nay được mời vào hoàng cung cùng với thân thích của họ để xem vua Hùng gói bánh chưng và làm bánh dày cúng Tết. Ngày mai là ngày mừng một.

Vua Hùng Vương đệ nhị là một ông vua rất vui tính. Sở dĩ vua có được nhiều người hiền tài ra giúp vua làm việc nước cũng nhờ đức tính hoan hỷ ấy. Vua cũng rất là độ lượng nữa : rất nhiều người lầm lỗi đã nhờ đức độ lượng ấy mà cải hóa và trở nên những người dân tốt. Vua sửa sang pháp độ, thiết lập nhiều thuần phong mỹ tục, làm cho nếp sống người Văn Lang càng ngày càng thanh nhã, sáng đẹp và nhân hậu thêm. Ai cũng biết là chính do quyết định của vua mà dân Văn Lang biết ăn cau trầu và dùng cau trầu trong các lễ cưới xin và thù tạc. Miếng trầu trở nên quan trọng và cần thiết ; miếng trầu khiến cho không khí giao tiếp giữa mọi người trở nên vui tươi, đầm thắm và mặn mà hơn lên. Câu chuyện của hai người nhờ có miếng trầu càng thêm đậm đà ;

thiếu miếng trầu hình như là thiếu sự đầm thắm : câu chuyện có thể trở nên lạt lẽo. Vì vậy người ta nói « miếng trầu là đầu câu chuyện » và ngạc nhiên thấy những tục lệ mới được vua Hùng đặt ra làm cho cuộc sống tươi thắm và đáng yêu hơn lên.

Đã năm sáu năm nay, dân chúng bắt chước vua Hùng làm bánh Chưng và bánh Dầy mỗi năm để cúng tổ tiên Lạc Long. Tục lệ này đã phổ biến khắp xứ. Nhà nào cũng đã biết làm bánh Chưng và bánh Dầy. Nhưng người ta đồn : bánh chưng do chính tay vua Hùng gói mới thật là bánh chưng đẹp. Các Lạc Hầu và Lạc Tướng tâu lại với nhà vua lời đồn đãi ấy của dân chúng. Vua Hùng cười. Ngài mời các Quan Lang, các My Nương, các Lạc Hầu và Lạc Tướng cùng thân quyến họ tới dự một cuộc vui trong cung và chính ngài sẽ gói và nấu bánh Chưng trước mặt mọi người. Nhưng ngài ra điều kiện : những người tham dự phải ở lại cho đến khi bánh làm xong và nấu chín. Mọi người được yêu cầu có mặt trong cung từ giờ tan châu buổi chiều để cùng ăn cơm với vua trước khi dự vào cuộc vui.

Các em bé được tham dự rất lấy làm sung sướng. Chính những cháu nhỏ còn được ẩm trên tay cũng được phép đến dự cuộc vui. Những em bé đã lớn đều mặc áo đẹp và đi hài cỏ mới.

Khi những người khách đầu tiên đến thì hoàng hậu và my nương Thanh Dung cũng đã sắp đặt xong mọi việc. My Nương Thanh Dung là công chúa yêu nhất của Hùng Vương. Dung nhan nàng diễm lệ không kém gì dung nhan của một tiên nữ. Cùng với mẹ, nàng đã trang hoàng cung điện rất tráng lệ trong dịp lễ đầu năm này. Tay nàng ôm một quả trầu sơn đỏ ; khách nào tới nàng cũng mở nắp quả để mời trầu. Còn với các em bé nàng đem kẹo dừa và bánh chuối của nàng làm ra để đãi các em. Bọn trẻ tíu tít quanh nàng như một bầy chim.

Khách đã đến đông đủ, mỗi người đều có ghế ngồi. Mọi người đều ăn trầu. Ai nấy mặt mày rất tươi và câu chuyện nở như bắp rang. Đáy đó trong sảnh đường có những chiếc ống nhỏ xòe miệng bằng đồng sáng loáng. Các ông các bà thỉnh thoảng lại kê miệng nhỏ nước cốt trầu vào những ống nhỏ cao lớn ấy.

Bỗng có tiếng của cận vệ vọng lên :

— Đức vua Hùng ngự giá.

Mọi người đều đứng dậy. Trẻ em cũng im phăng phắc. Từ cửa ngoài, Hùng Vương bước vào phòng, theo sau là một vị Lạc Hầu phụ tá. Vua mặc áo đại triều rất đẹp, trên ngực có thêu rồng. Chiếc mũ của vua lóng lánh châu ngọc kết thành hình chim Lạc. Áo vua màu vàng, chân vua đi hài đỏ. Vua đưa hai tay mời mọi người :

— Xin mời các vị ngồi xuống, cứ tiếp tục chuyện trò vui vẻ như thường.

Mọi người tuân lệnh. Không khí trong sảnh đường vui nhộn trở lại, nhưng có một vài người đưa mắt theo dõi cử chỉ của vua Hùng. Ngài đi khắp sảnh đường, hỏi thăm từng lạc hầu, lạc tướng, nói chuyện với từng phu nhân, vuốt tóc từng em bé. Giọng ngài ôn tồn và hòa nhã. Cuối cùng ngài đến ngồi ở ghế dành cho ngài nơi giữa sảnh đường. Thức ăn được quân hầu mang ra từ nhà bếp ngự. Đây là một bữa ăn đơn giản chỉ gồm có một món xoi đậu phụng và một món cháo. Đức vua cũng dùng cùng một món ăn như tất cả mọi người.

Cơm xong, thị vệ dọn ra giữa sảnh đường một bàn dài, trên đó các vật dụng làm bánh được trình bày sẵn sàng. Khách đến quan sát thì cũng chỉ thấy những vật liệu thông thường : lá dong và lá chuối rất xanh, gạo nếp còn nguyên những hạt dài vút sạch và để ráo nước, nhân bánh bằng các thứ đậu màu vàng đã được làm sẵn. Những vật liệu này, ai cũng đã biết, là để dùng làm bánh chưng cúng Tết ; ai cũng chỉ thao thức muốn học cách gói bánh khéo của vua mà thôi.

Bỗng thấy thị vệ khiêng ra giữa sảnh đường một chiếc thùng lớn, và thiết lập một bếp lửa ngay tại giữa gian phòng rộng bao la. Hối ra mới biết vua Hùng định luộc bánh chưng ngay

tại giữa sảnh đường. Bếp lửa đốt lên ; không khí càng trở nên ấm áp tươi vui. Mùa đông ở Phong Châu khá lạnh.

Vua Hùng xuất hiện bên cạnh bếp lửa, lần này ngài đã thay áo, gọn gàng và giản dị. Mọi người yên lặng khi ngài mở lời :

— Các lạc hầu, lạc tướng, các vị phụ nhân, các anh, chị, em, các con và các cháu : hôm nay ta mời quý vị đến đây để kể lại một câu chuyện xưa, câu chuyện đã làm cho ta và quý vị trở nên thân thiết như ngày hôm nay. Làm thức ăn để cúng giỗ tổ tiên, việc đó người nội trợ nào cũng biết làm, cũng có thể làm ; cho đến làm bánh Chung và bánh Dầy, quý vị cũng đã biết. Ta biết có thể ta không làm bánh đẹp và ngon được bằng các bà nội trợ ngày nào cũng quen tay với việc bếp núc ; sở dĩ hôm nay ta mời quý vị là cốt để bày tỏ một tình cảm mà ta tin rằng đất nước chúng ta và dân tộc chúng ta cần phải bồi đắp và duy trì : đó là sự yêu thương.

« Hồi ta còn bé, vì mẹ ta nghèo, nên tuy là con vua mà ta chẳng được sống đầy đủ về mặt vật chất như các anh các chị khác. Mẹ ta lại không cần đến sự giàu sang nên không hề than nghèo với vua cha... Bà lại còn dạy ta nên sống đơn giản để có thì giờ tìm học những gì hay và đẹp trong cuộc đời.

« Một hôm vua cha ra lệnh cho tất cả Quan

Lang là người nào cũng phải biến ra những phẩm vật để đem đến hoàng cung cúng giỗ tổ tiên, dặn rằng phẩm vật phải được chế biến và soạn sửa rất chu đáo để tỏ lòng hiếu kính và biết ơn những vị đã khai sáng ra trăm họ. Phẩm vật phải được mang tới hoàng cung sáng mùng một Tết,

« Có cả thảy hai mươi hai vị Quan Lang, con trai của vua, mà có một vài vị hiện đang có mặt hôm nay trong sảnh đường này, dự vào hàng lạc hầu và lạc tướng, đang cùng góp sức với ta để giữ gìn việc nước.

« Ta là người Quan Lang nghèo nhất, lại không ở gần cung điện, cho nên được lệnh rất trễ. Thêm nữa, mẹ ta vừa mới mất, nên ta không có ai để thưa hỏi về những việc liên hệ tới triều đình.

« Ta nghĩ : vua cha ra lệnh này giống như là bắt con cháu dự vào một cuộc thi ; hễ ai biến được phẩm vật giá quý nhất và ngon lành nhất để dâng cúng tổ tiên là người ấy được ban khen, chưa chừng còn được truyền ngôi báu cho nữa. Ta hơi buồn cười, tự bảo mình chẳng nên dự vào cuộc thi này, một cuộc thi có tinh chất khoe khoang sự sang giàu và sự khéo léo về nghề nấu nướng. Quốc gia có đẹp dễ và hùng mạnh hay không là nhờ những người có lòng, có đức, có hiểu biết, chứ không phải là nhờ ở những người có nhiều tiền bạc

có thể sắm đủ các thứ trên cam mỹ vị và có tài làm bếp khéo. Nghĩ vậy ta bèn bỏ đi chơi, rồi chiều về nhìn đôi mà ngủ, trong lòng hơi buồn vì cuộc thi mà vua cha đã đặt ra. Ta nghĩ dù ta có tiền bạc rất nhiều có thể sắm được những món sơn hào hải vị quý giá vào bậc nhất, ta cũng sẽ chẳng tham dự vào cuộc thi đầu năm tại triều đình.

« Nhưng đêm ấy trong giấc mộng, ta thấy mẹ ta. Mẹ ta cười rất hiền, và nói với ta : « Này Liệu, con đã hiểu lầm ý phụ vương. Cha con không đòi hỏi sự giàu sang, cũng không đòi hỏi một tài nấu bếp khéo. Cha con chỉ đòi hỏi một tấm lòng, và con thì mẹ biết con có tấm lòng đó. »

« Ta định hỏi thêm ý mẹ, nhưng mẹ chỉ mỉm cười, một tay chỉ vào đồng lúa, và một tay chỉ lên trời xanh, không nói thêm gì. Rồi ta tỉnh dậy.

« Ta suy nghĩ lại lời mẹ, và thấy rằng mẹ ta có lý. Một ông vua thông minh và hiền đức như cha ta, há lại không có chủ tâm sâu xa trong cuộc thi tài mà bề ngoài có vẻ tầm thường như thế ? Ta liền nghĩ : mở nước, dựng nước là công trình của tổ tiên, làm sao để có thể tỏ bày lòng biết ơn đó đối với tổ tiên, đồng thời biểu lộ ý chí muốn gìn giữ bảo vệ đất nước mà tổ tiên đã gây dựng ra ? Không lẽ bỏ tiền mua sơn hào hải vị là có thể làm được

việc đó ?

« Ta bỗng nhớ lại dáng điệu của mẹ ta, một tay trở vào đồng lúa nếp xanh rờn, một tay trở vào bầu trời xanh ngắt. Đứng rồi, đồng lúa vuông vắn kia là biểu hiệu của đất; vòm xanh kia là biểu hiệu của trời. Trời thì che, đất thì chở ; đó là vốn liếng của tổ tiên để lại. Ta phải chứng tỏ được là ta có khả năng tiếp nhận và bảo vệ gia sản đó của cha ông.

« Ta ngồi bên bờ ruộng, trầm ngâm hết buổi sáng. Đến giữa trưa ta bỗng thấy tâm tư bừng sáng. Ta đứng dậy, đi về nhà, đem gạo nếp ra chọn lấy toàn những hạt nếp còn nguyên vẹn và ngâm nước. Ta cũng đi ngâm các thứ đậu. Và ta đi ra rừng, hái rất nhiều ngọn lá rong to bản, thật xanh. Ta muốn làm một thứ bánh hình vuông, tượng trưng cho đất, gói bằng lá xanh, tượng trưng cho màu cây cỏ xanh tươi trên mặt đất. Bánh làm bằng gạo nếp, là thứ thực phẩm quý nhất, nhưng cũng là phổ thông nhất trong dân gian, ai cũng có và nghèo đến mấy cũng có. Ở giữa bánh, ta để nhân đậu và các thứ hành thơm, tượng trưng cho những sản phẩm mà đất mẹ cung hiến cho con người. Ta gói bánh lại rất vuông, rồi dùng lạt tre để cột bánh. Xong, ta bỏ vào nồi lớn và luộc cho chín.

« Trong khi nồi bánh đang sôi, ta đi nấu cơm nếp. Nấu chín, ta bỏ cơm vào cối gỗ, lấy

chày gỗ giã thật nát, thật nhuyễn. Sau đó ta lấy com nếp ra, nắn thành bánh hình tròn đẹp, tượng trưng cho trời. Ta cắt lá tròn để lót ở dưới cho xinh đẹp. Cả hai thứ bánh đều làm bằng những vật liệu không tốn kém, những vật liệu cần thiết nhất cho sự sống của dân chúng Văn Lang.

« Khi bánh chín, ta bóc thử một chiếc để xem. Màu xanh của lá đã in một lớp xanh trên màu trắng của nếp. Tét bánh ra bằng một sợi lạt tước nhỏ, ta thấy nếp và nhân bánh đưa lên một mùi thơm rất quen thuộc và ngon lành. Ta biết cái bánh này có thể tượng trưng cho đất mẹ một cách xứng đáng, và rất hài lòng. Khi cầm đến chiếc bánh tròn màu trắng, ta thấy nó đã cứng chắc lại. Màu trắng tinh tuyền của nếp và hình thái tròn trịa của bánh làm cho bánh có tính cách tinh khiết tròn đầy của bầu trời. Ta chọn mỗi thứ mười chiếc, để riêng ra rồi đi ngủ.

« Đêm ấy, ta lại nằm mơ thấy mẹ ta. Bà không nói gì, chỉ nhìn ta mỉm cười, có vẻ bằng lòng.

« Sáng hôm sau, ngày mùng một Tết, ta mặc áo chỉnh tề, bỏ bánh vào hai chiếc rổ, và gánh vào triều chào vua cha. Ta thấy các anh ta nhiều vị đã đến trước, và trình bày lên nhiều loại phẩm vật rất là tinh tươm. Ta nghĩ ta là đồ khùng, đã đem đến những phẩm vật có

thề làm cho mọi người phì cười khi trông thấy.

« Nhưng giờ cúng giỗ đầu năm đã đến. Ta cũng liêu dàng các thứ bánh của ta lên bàn thờ và lui xuống để cho Phụ Hoàng bắt đầu mở đầu cuộc hành lễ.

« Sau buổi lễ, người ta mang xuống từng phẩm vật để cho Vua Cha thăm xét, như đã định trước. Đức Phụ Hoàng đã dừng lại tỷ mỉ hỏi về lai lịch của từng phẩm vật một. Có thứ chỉ có thể tìm ra trong rừng sâu núi cao ; có thứ chỉ có thể kiếm được dưới lòng sông đáy biển. Khi phụ vương thấy những chiếc bánh, ngài hỏi của ai, và ta thưa là do chính tay ta làm lấy. Ngài hỏi tỷ mỉ về những chi tiết, cách làm ý nghĩa của hình vuông, hình tròn, và ngài nhìn ta rất lâu, khiến ta phát thẹn. Ta ăn mặc chẳng được tươm tất lắm, có đầu được như các vị Quan Lang khác. Ngài bảo cắt hai thứ bánh cho ngài nếm thử, và gật đầu khen ngon. Thế rồi ngài tiếp tục đi khảo sát các phẩm vật khác, tới đâu cũng hỏi thăm tỷ mỉ.

« Sau đó một tháng, ta được chiếu chỉ của ngài triệu vào cung. Ngài bảo ta là người có lòng, có hiếu, và có khả năng giữ gìn đất nước nổi nghiệp tổ tiên, và sẽ được ngài truyền ngôi giữ nước. Ta ngạc nhiên hỏi lại vì sao. Ngài bảo chính những chiếc bánh Chung và bánh Dầy mà ta làm và đem dâng cúng hôm Tết đã giúp cho ngài đi đến quyết định chọn lựa ta

đề trao truyền ngôi báu. Ngay chiều hôm ấy, ngài ban chiếu cho thần dân biết về quyết định truyền ngôi. Trong các hàng Quan Lang, không có vị nào tỏ ý gì ganh ghét.

«Bây giờ đây, trong lúc chúng ta có mặt giữa chốn cung điện thì trên khắp nước Văn Lang nhà nào nhà ấy đang chuẩn bị cúng lễ tổ tiên. Ta biết nhà nào cũng bắt chước nấu bánh Chung và làm bánh Dầy để sáng mai này dâng cúng. Ta đã ban chiếu về việc bánh Chung và bánh Dầy, cũng như ta đã ban chiếu về việc dùng cau trầu trong các hôn lễ. Mấy năm nay, việc dâng cúng bánh Chung bánh Dầy đã trở nên tập tục.

«Tuy nhiên ta muốn các khanh hiểu rằng chính lòng hiếu kính, niềm tin tưởng, sự yêu thương đất nước và ý nguyện bảo vệ đất nước mới chính là những phẩm vật quý giá nhất mà ta có thể dâng cúng lên tổ tiên. Làm bánh Chung và bánh Dầy dù đẹp hoặc ngon đến mấy nhưng nếu không đủ lòng hiếu kính, niềm tin tưởng, sự yêu thương và ý bảo vệ thì cũng vẫn chưa đẹp và chưa ngon như ta mong ước.

«Vậy tối nay, các lạc hầu, lạc tướng, các anh chị, các con và các cháu hãy cùng ta, đem lòng yêu thương mà gói bánh chung, giã bánh Dầy để sáng mai này có phẩm vật xứng đáng dâng lên tổ tiên của giống nòi. Ta tin rằng chúng ta sẽ làm được những chiếc bánh rất đẹp».

Vua Hùng nói xong, mời mọi người đến gói bánh. Ai cũng cảm động, ai cũng thấy mình cùng chung một giống nòi, một đất nước. Vua tôi đều cười vang trong không khí cởi mở của một gia đình lớn.

Năm ấy, tất cả các lạc hầu, lạc tướng, Quan Lang, Mỹ Nương và thân quyến đã ở lại trong hoàng cung suốt đêm. Họ đã đợi cho bánh Chung chín, vớt đem lên bàn thờ để dâng cúng một lần với bánh Dầy. Mọi người đã cùng với đức Vua thân yêu của họ cúng lễ giao thừa trong niềm hân hoan và tin tưởng ở tương lai đất nước...

VIII

HẠT GIEO NGÀY TRƯỚC



AN Tiêm nắm tay con trai là bé Hảo chạy chơi trên bãi cát mịn. Hảo mới lên sáu tuổi. Hai cha con còn chờ mẹ của Hảo từ trên chòi xuống để cùng đi thăm vườn dừa.

Chạy một lát mệt, Hảo bắt bố ngồi xuống trên cát. Đưa bé hỏi bố :

— Chừng nào thuyền của người ta mới trở lại nữa, hả bố ?

Thuyền đây là thuyền buôn ngoại quốc. Từ ngày hai vợ chồng An Tiêm và đưa con ra ở đảo này, cách đây đã một năm, chỉ mới có một chiếc thuyền buôn ghé đảo. Lúc đó, Hảo được gặp thật nhiều người ; những người khách buôn nói tiếng nói rất lạ chỉ có bố nó mới hiểu được, còn má nó và nó chẳng hiểu được trời đất gì hết. Tuy vậy nó rất mong có thuyền ghé lại đảo để trông thấy nhiều người. Ở đảo chẳng có ma nào hết, chỉ trừ bố mẹ nó và nó.

Đây là một chiếc đảo nhỏ cách cửa biển Nga Sơn khoảng ba trăm hải lý. Trước khi vợ chồng An Tiêm tới hải đảo, không có ai đặt chân tới đây làm gì, bởi trên đảo đã không có nguồn

lợi gì mà cũng không có dân cư sinh hoạt. Hơn một tháng trước đây có một thuyền buôn ngoại quốc ghé tới để sửa chữa cột buồm bị gãy, vì thế mà gia đình nhà An Tiêm mới có dịp được thấy mặt người trên đất liền.

An Tiêm không trả lời con vì chàng đang nghĩ tới mẹ của đứa bé mà hai cha con đang trông đợi. Nàng đang may nốt những đường chỉ cuối cùng để hoàn tất chiếc áo của Hảo, trước khi xuống bãi cùng hai cha con đi thăm vườn dừa say trái. Nàng là con nuôi của vua Hùng Vương thứ ba. Nàng tên là Oanh và cũng được tước hiệu My Nương của các công chúa con vua. Vậy mà bây giờ nàng phải gánh chịu một cuộc đời vất vả cơ cực vì chàng, vì sự « cứng cổ cứng đầu » của chàng. Thế nhưng chưa bao giờ nàng tỏ ý trách móc chồng. Nàng khuyến khích và an ủi An Tiêm khiến chàng cảm thấy có thể chịu đựng hết mọi gian lao để có thể đi tới thành công. Hai vợ chồng đã bị vua Hùng đày ra đảo này sống trợ trợ với đứa con sáu tuổi. An Tiêm nhớ lại quãng đời thơ ấu của chàng, và cảm thấy tâm hồn nhẹ nhàng, không trách cứ ai, giận dữ ai. Đối với vua Hùng, người đã đày gia đình chàng ra hải đảo này, chàng cũng không thấy có niềm oán hận.

Hồi bảy tuổi, nghĩa là vào tuổi con chàng bây giờ, An Tiêm đã mất cả cha lẫn mẹ. Chàng

được cho đi theo thuyền buôn để học nghề thủy thủ. Chàng thông minh, lanh lợi nên được mọi người yêu mến. Thuyền buôn thường đem theo vải, lụa, thuốc men, đường, v.v... đến bán tại các cửa biển nước Văn Lang và mua trầm, quế, đại hồi, hạt tiêu, vân vân... để mang về. An Tiêm được đi theo những người chủ thuyền lên ra mắt vua Hùng. Vua thấy An Tiêm diện mạo đoan chính, lại nghe nói chàng mồ côi cha mẹ, nên đem lòng thương yêu, nuôi làm con nuôi. Lớn lên, An Tiêm được vua đem Oanh gả cho làm vợ. Chàng nói tiếng Văn Lang giỏi như người Văn Lang. An Tiêm được vua tin dùng trong công việc giao tiếp với những nhà buôn ngoại quốc thành thạo. Chàng giao thiệp rộng rãi, lại có địa vị trong triều, nên trở nên giàu có rất mau chóng. Tuy vậy chàng không bao giờ nhận những tiền của phi nghĩa, chỉ muốn phát triển cơ nghiệp trên khả năng và sức làm việc của mình mà thôi. Vậy mà cũng có người ganh ghét chàng, cho rằng sở dĩ chàng làm nên cơ nghiệp đó là hoàn toàn nhờ dựa vào vua, chứ riêng chàng, thì chẳng có tài cán gì hết.

Một hôm vua Hùng triệu chàng vào cung hỏi :

— An Tiêm, có người nói với ta rằng con là một người vô ơn bạc nghĩa, bởi vì con đã từng nói với họ : con có địa vị ngày hôm nay không

phải là do ta giúp đỡ và gây dựng. Có phải vậy chăng ?

An Tiêm tâu vua :

— Thưa vua cha, con của cha không phải vô ơn bạc nghĩa. Con biết con đã nhờ ơn đức của cha mẹ nuôi mới có được ngày nay. Nhưng con nói rằng : những gì con hưởng trong kiếp này cũng là do những việc làm của con trong kiếp trước. Con nhớ hồi còn nhỏ đã được đọc bài kệ như sau bằng tiếng Phạn :

Muốn biết hạt đời trước

Thì xem trái đời này

Muốn biết trái đời sau

Thì xem hạt đời này

Con còn nhớ mãi bài kệ đó và hiện giờ con vẫn còn tin ở luật nhân quả.

— Vậy con có tin rằng sở dĩ con gặp được ta và được ta nuôi nấng trong đời này là vì con đã gây hạt giống tốt trong đời trước của con chăng ?

— Tâu Vua Cha, con nghĩ như vậy.

Vua Hùng suy nghĩ một lát rồi nói :

— Vậy giả sử ta cho con ra một cái đảo vắng ngoài khơi mà ở với vợ con, lại không cho con mang theo một người giúp việc nào, thì con nghĩ con có thể sống được hay không ? Nếu quả đời trước con có gieo hạt tốt thì đời này, dù ở ngoài đảo hoang một mình, con cũng có thể gặt hái những trái đẹp có phải vậy không ?

— Tàu Vua Cha, con nghĩ như vậy.

— Vậy thì ta cho con, vợ con và con con ra ở ngoài đảo Sa Châu, ngoài khơi cửa biển Nga Sơn trong một thời gian một năm, thử xem con có chứng minh được cái thuyết « hạt trái » của con hay không.

An Tiêm cương quyết thưa :

— Con xin vâng mệnh.

Thế là vợ chồng chàng bị đẩy ra hoang đảo. Vua Hùng ra lệnh cho chắt khởi hành trong ngày kế đó. Ngày mai, khi An Tiêm cùng vợ con lên thuyền đi đày, chàng nhận thấy trên thuyền có một số lương khô đủ để gia đình chàng sống trong vòng bốn tháng ngoài đảo hoang. Thuyền đưa gia đình chàng lên tới bến cát mỡm đảo. Sau khi thủy thủ khiêng xuống những thùng lương khô của vua ban, thuyền lập tức lên buồm chạy trở lại đất liền.

Oanh đã khóc như mưa sau giờ phút ấy. Nhưng An Tiêm không nao núng. Chàng bảo nàng :

— Em chớ nên lo. Nếu chúng ta đã gieo hạt tốt thì chúng ta cũng sẽ gặt trái tốt. Còn nếu chúng ta đã gieo hạt xấu thì dù than khóc đến mấy chúng ta cũng không thay đổi được tình trạng. Chúng ta còn bàn tay và trí khôn ; thế nào chúng ta cũng sống. Với lại em không nghe người ta nói : « trời sinh voi, trời sinh cỏ » hay sao ?

Nhưng Oanh chỉ khóc có một lần ấy mà thôi. Nàng vốn có đức tin nơi chồng.

Hai người khuôn những thùng lương tìm chỗ cất dấu cho khỏi ướt, và chặt cây gác thành một túp lều để trú ngụ. Tối hôm ấy trời mưa, mái lều còn đơn sơ, nên mọi người bị ướt, nhưng ngày mai lại, An Tiêm cùng vợ đã chặt nhiều lá kê và lợp được hai mái lều rất kín đáo.

Họ ăn lương khô, và đi thám thính quanh đảo. Không có một loài cây trái nào có thể giúp cho gia đình sanh sống. Không có một loại rau nào, cũng không có một loại hạt nào có thể thay thế cho hạt lúa hạt đậu. Hai người vẫn kiên tâm tìm kiếm. Họ tìm ra được phương pháp chài lưới. Họ tìm được đá lửa. Họ tìm được cách phơi khô hoặc un khói những cá tôm đánh được. Điều họ ao ước nhất là có một ít hạt giống để có thể trồng tía và gặt hái.

Đến tháng tư, lương khô đem theo gần cạn, họ chỉ mới tạo được thêm một ít tôm và cá khô, bù lại được một phần nào cho sự tiêu thụ. Đang lo lắng thì bỗng một buổi trưa họ khám phá ra một đám giầy leo xanh lá to bản mọc trên bãi cát phía tây đảo hoang. Tới gần, họ nhận ra đấy là một loại dưa rất lạ. Họ khám phá thấy đám dưa đã có mấy mươi trái, trái nào cũng lớn bằng hai hoặc ba trái dưa. Mừng rỡ, họ bẻ thử một trái ra xem ;

ruột dừa đỏ như son, hạt dừa đen huyền.

Nếm thử, An Tiêm thấy mùi vị thơm tho ngọt ngào, ăn vào sảng khoái cả tinh thần. An Tiêm đưa cho Oanh và Hảo cùng nếm. Ba người ăn hết cả một trái dừa lớn. Trời nắng chang chang, nhưng ba người thấy mát mẻ khỏe khoắn lạ thường.

An Tiêm nhớ lại : cách đây mấy tháng, một hôm có mấy con chim hạc trắng từ phương Tây bay lại. Chúng kêu lên mấy tiếng khiến chàng và vợ chàng chú ý, và nhả xuống sáu bảy cái hạt đen đen xuống bãi cát. Ai ngờ đó là những hạt dừa quý báu, một loại dừa trước đây chưa bao giờ chàng được nếm qua, ở đất nước chàng sinh ra cũng như ở đất nước chàng nhận làm quà hương.

Chiều hôm đó, hai vợ chồng tìm một khoảng đất rộng có lẫn nhiều cát, và đi gieo những hạt dừa đen nhánh.

Thì vài hôm ngay sau đó, chiếc thuyền buôn Tây Vực ghé đảo để chữa lại cột buồm gãy. Một trận bão đã xảy ra lúc giữa đêm vào khi thuyền đi ngang qua đảo. Cột buồm gãy, thủy thủ tìm cách cho thuyền ghé bến. An Tiêm đã nói chuyện với những người ngoại quốc da ngăm ngăm đen. Chàng giúp họ vật liệu để sửa chữa cột buồm, giúp họ đề đầy nước ngọt các bình chứa nước trong thuyền. Chàng hái một trái dừa lạ, bỏ ra và cắt thành nhiều

khoanh để khoanh đãi các thủy thủ.

Người nào cũng tỏ vẻ ngạc nhiên khi được nếm dưa. Ai cũng công nhận đây là một thứ dưa thơm ngon lạ kỳ. Họ hỏi chàng còn nhiều dưa chẳng ? Chàng nói còn độ ba chục quả. Họ đề nghị đổi gạo, đậu, bột, muối, đường và các thứ khác để lấy dưa. Chàng vui mừng nhận lời ngay.

Chàng nói với họ rằng nếu bốn tháng sau họ ghé đến, chàng có thể giao cho họ ít ra là năm trăm quả dưa. Họ có thể đem ngũ cốc và các hóa phẩm khác tới đổi dưa để đem bán. Họ nhận lời. Chàng trân trọng dặn họ kỳ sau nhớ đem cho chàng hạt giống lúa nếp và đậu xanh. Sau khi nhận lời giao kết, họ căng buồm ra đi.

Giờ đây, ruộng dưa đã chín, đúng vào thời kỳ mà thuyền trở lại. Không những chàng đã trồng thêm dưa, chàng lại đã trồng thêm một ít lúa mạch và đậu đỏ, những thứ hạt mà chàng đã đánh đổi được trong chuyến ghé đầu tiên của chiếc thuyền buôn. Dù thuyền không trở lại thì gia đình chàng cũng đã nắm được tương lai sống còn trong tay rồi. Chàng lại có phương tiện đánh cá ; chàng đã có thể canh tác trồng lúa mạch và đậu đỏ ; chàng lại có bao nhiêu dưa trong ruộng. Chàng thấy tương lai mình đã được bảo đảm. Chàng nhìn con và mỉm cười nói với vợ :

Ta sẽ đặt tên cho thứ dưa lạ này. Ta sẽ lấy tên con để đặt cho dưa. Phải rồi, con ta là ngày mai, mà chính trái dưa này đã bảo đảm ngày mai cho chúng ta, nên ta sẽ đặt cho dưa này là « dưa Hảo ».

Qanh đồng ý với chồng. Nàng nhớ nhà, nhớ nước, nhớ người. Nhưng nàng tin tưởng nơi chồng. Nàng cũng tin như chàng là một ngày kia vợ chồng nàng và con nàng sẽ được trở về đoàn tụ với xã hội. Với cuộn vải dũi được của thuyền buôn, nàng may áo cho chồng, cho con và cho nàng.

— Bố ơi, chừng nào thuyền lại mới ghé nữa, hử bố ?

An Tiêm giật mình. Chàng vẫn chưa trả lời câu hỏi của con, vì nhìn ra biển, chàng thấy một chấm đen hiện ở chân trời. Chàng đứng dậy đưa tay che trán để nhìn cho rõ.

Trong khi đó, Oanh chạy như bay từ trên đồi xuống, tay cầm mảnh áo đang khâu dở của Hảo. Nàng kêu lên :

— Thuyền đến ! Thuyền đến !

Hảo cũng đứng dậy nhìn theo bố mẹ ra phía cửa biển. Chiếc thuyền càng lúc càng thấy lớn dần. Cả ba người đưa tay lên vây.

Chẳng mấy chốc chiếc thuyền ghé bến. An Tiêm gặp những người quen cũ. Chàng mời họ lên đảo, cùng đi thăm vườn dưa. Những trái dưa nằm khuất trong lá, tròn trĩnh trên

đất cát mịn, da xanh màu ngọc thạch. Họ hái dừa, sắp lại thành một đồng lớn và đếm được trên sáu trăm trái.

Kỳ ấy, An Tiêm đòi được hạt giống, nhiều loại thực phẩm và vật dụng cần thiết khác. Tất cả chàng đều khiêng vào cất chứa trong một động đá.

Những ruộng dừa trên đảo từ ngày đó trở đi càng ngày càng được mở rộng. Đất trên đảo rất thích hợp với loại dừa này. Thuyền buôn từ đây cứ mỗi tháng ghé một lần để mua dừa và bán hàng hóa. Dừa rất được ưa chuộng, có bao nhiêu bán hết bấy nhiêu.

Chẳng bao lâu, An Tiêm đã làm được nhà cửa to lớn, khai khẩn được nhiều đất đai để trồng lúa tía đậu, nuôi được nhiều loại gia súc và thuê được từ đất liền một vài người ra giúp việc. Một lần, chàng gởi theo thuyền buôn hai mươi quả dừa thật lớn, thật đẹp, để dâng lên vua Hùng, nhắn rằng đó là quà của con nuôi vua từ đảo gởi về tiến ngự.

Bận việc triều chính ngày này sang ngày khác, vua Hùng đã quên đi chuyện An Tiêm bị đày. Thấy những quả dừa màu xanh như ngọc và nghe nhắc tới An Tiêm, vua bỗng giật mình. Hơn bốn năm trời đã đi qua từ khi vua đày An Tiêm ra đảo Sa Châu. Lập tức ngài ra lệnh cho thuyền ra đảo để xem tình trạng của An Tiêm ra sao. Sau khi nghe nói An Tiêm đã

lập nên sự nghiệp phồn thịnh ngoài đảo, vua lâm bầm một mình :

— Những lời nó nói về hạt và trái ba đời quả là đúng. Đây không phải là sự vong ơn mà chỉ là một niềm tin của con người nơi trách nhiệm hành động của mình.

Vua bèn ra lệnh triệu gia đình An Tiêm về, phục cho chức cũ. Từ đó, giống dưa Hảo được gieo khắp xứ Văn Lang. Và câu chuyện về nhân quả tiền thân của An Tiêm được mọi người nhắc lại mỗi khi ăn dưa. Lâu ngày, người ta đọc dưa Hảo trại đi thành dưa Hấu.

Đảo hoang mà ngày xưa An Tiêm ở được gọi là đảo *Sa Châu An Tiêm*, và những người ngoại quốc lần đầu tiên được ăn dưa ở phía bãi Tây của đảo thì gọi dưa là dưa Tây, và gọi An Tiêm là « bố mẹ của dưa Tây » ; danh xưng của chàng được truyền tụng và tồn tại với giống dưa vỏ xanh, ruột đỏ thắm và hạt đen nhánh như răng mới nhuộm của các cô thiếu nữ.

IX

NÓN GẬY ẢO HÓA

HÀ Lỗa là một khu buôn bán rất phồn thịnh. Các nhà buôn nước ngoài thường hay ghé lại đây, không lúc nào là không có. Hà Lỗa không xa biển mấy, nhưng lại cách kinh đô Phong Châu rất xa.

Thuyền buôn nước ngoài ghé lại cửa biển có khi neo lại hàng năm sáu tháng. Khách buôn nước ngoài đi thẳng lên Hà Lỗa để cư trú và buôn bán trong những tháng ở lại Văn Lang. Ở đây có đủ mọi tiện nghi ; người ta muốn mua gì cũng có. Lại có nhiều người biết tiếng ngoại quốc, có thể thông dịch bất cứ tiếng nào. Vải vóc và thuốc men do thuyền buôn ngoại quốc đưa tới được bày bán giữa chợ và trong các gian hàng quanh chợ. Người từ xứ đến mua sắm để đem về địa phương bán lại cho dân chúng. Có một điều lạ là một thị trấn quan trọng như vậy mà không có quân lính canh giữ. Người ta chưa nghe nói đến một vụ trộm cướp hay giết người nào xảy ra tại đây... Ai cũng nói rằng sở dĩ dân chúng được an cư lạc nghiệp như vậy là do đức độ

của My Nương Tiên Dung và Đồng Tử Chử Xá.

My Nương Tiên Dung là con gái vua Hùng Vương thứ tư ; nàng cùng Đồng Tử họ Chử kết duyên sinh sống tại đây mà không về Phong Châu. Chính hai người đã làm cho Hà Lỗ từ một làng nhỏ lơ thơ mấy chục nóc tranh biến thành một thị trấn phồn thịnh như ngày nay. Cơ sở của hai người lớn lao hơn hết ở thị trấn : nhà cửa cao lớn, kho lẫm hàng hóa chất đầy, người tay chân ra vào tấp nập. Nhưng nay tất cả tài sản đó đã được họ hiến tặng cho dân nghèo. Bao nhiêu hàng hóa đều được đem bán ; tiền bạc thâu được đã đem chia cho hàng ngàn gia đình nghèo khổ để làm vốn kiếm ăn. Những nhà cửa đồ sộ kia cũng đã được bán đi để lấy tiền cấp dưỡng những người ốm đau tàn tật. My Nương và Đồng Tử không giữ lại một vật gì hết ngoài áo quần mà họ đang mặc trên người. Họ chỉ giữ lại một cây gậy, một chiếc nón, với một chiếc bát. Đi đâu họ cũng mang theo ba món ấy, và họ ăn dưới bóng cây, ngủ dưới gốc cây.

Sáng hôm nay, dân chúng Hà Lỗ xôn xao kinh khiếp vì một tin dữ vừa mới bay tới : triều đình gởi đại binh tới Hà Lỗ để chiếm cứ thị trấn, bởi vì có người báo cáo với vua Hùng là Tiên Dung và Đồng Tử đã lấy Hà Lỗ làm cứ điểm thành lập một nước mới để



đối chọi với Phong Châu. Chỉ trong một hôm nữa là binh đội của triều đình ập tới. Nhiều nhà đã sửa soạn đề rời khỏi Hà Lỗa. Tất cả thị trấn xôn xao như một đàn ong vỡ tổ.

My Nương Tiên Dung và Chử Đồng Tử tiếp nhận tin này một cách bình tĩnh. Hai người biết là dân chúng Hà Lỗa không thể di tản được hết trong vòng một ngày một đêm, mà nếu vậy thì nhiều người sẽ bị kẹt vào giữa vòng tên đạn, dù không ai có ý chống lại triều đình. Các bô lão của thị trấn đã đi khắp làng để tìm Tiên Dung và Đồng Tử. Họ gặp hai người ở đầu làng. Họ thấy Đồng Tử đang ngồi tĩnh tọa dưới gốc cây. Tiên Dung nói với họ là chàng đang định thần để tìm ra phương pháp tránh đổ máu cho dân chúng. Nàng đứng nói chuyện với các bô lão.

Ở Hà Lỗa ai cũng từng nghe nói chuyện về cuộc nhân duyên kỳ lạ giữa Tiên Dung và Đồng Tử làng Chử Xá. Ngày xưa khi đồng tử còn bé, ông ta ở với người bố tên là Chử Vi Văn ở làng Chử Xá. Mẹ của đồng tử mất sớm. Ông bố của chàng nuôi và dạy chàng. Thấy con trai thông minh, hiền lành, lại có hiếu, ông rất yêu mến. Nhà nghèo, ông phải đánh cá từ sáng đến chiều mới có đủ cá bán lấy tiền mua gạo, mắm và rau. Đồng tử lớn lên, và bắt đầu có thể giúp bố trong công việc chài lưới.

Một hôm trong khi hai cha con đang lặn lội dưới sông thì chiếc nhà lá của họ bốc cháy. Lúc trở lên thì căn nhà chỉ còn là một đống tro lớn : tất cả mọi vật dụng đều cháy hết. Đồng tử không có một mảnh vải che thân, còn cha chàng thì còn lại được trên thân hình một chiếc khố vải. Họ vội chặt lá che ngay một túp lều để nướng nấu. Chỉ những khi xuống sông gần ngay đó là hai cha con có thể đi cùng nhau, còn nếu muốn ra chợ hay vào xóm thì trong hai người chỉ có thể đi một người, bởi vì hai cha con chỉ còn một chiếc khố vải duy nhất. Khi người này mặc khố để đi ra chợ hay vào xóm thì người kia phải ở nhà.

Một hôm Chử Vi Vân bệnh nặng. Biết mình không thể sống thêm được, ông gọi Đồng Tử đến bên giường bệnh mà trời trần :

— Sau khi bố chết, con không nên chôn bố cùng với chiếc khố vải. Phải để khố lại mà dùng kéo ra vào xấu hổ với thiên hạ.

Nói xong, ông nhắm mắt lìa đời. Đồng tử thương quá, không nỡ chôn cha trần truồng, bèn cứ để xác cha mặc khố mà chôn. Từ đó, chàng không dám ra chợ và vào xóm nữa. Chàng chài lưới, nước ngập trên bụng. Khi nào có thuyền qua, chàng đứng dưới nước như thế để bán mớ cá tôm chàng chài lưới được.

Một hôm trong khi đang đào mồi cá cá trên bờ sông, chàng thấy mấy con thuyền sang trọng từ xa đi tới, trên thuyền vắng lại tiếng đàn địch và trống phách. Phía trên thuyền lại còn có cờ xí, nghi trượng. Những chiếc thuyền này mỗi lúc lại tiến lại gần và sắp ghé bến làng Chũ Xá. Hoảng kinh không biết trốn tránh vào đâu, chàng liền đào gắp một cái huyệt nơi bãi cát gần bên, có lờ thơ mấy gốc lau sậy. Chàng nằm vào huyệt lấy cát phủ mình lại, chỉ chừa một lỗ hở nơi mũi để thở.

Trong lúc đó thì đoàn thuyền ghé bến. My Nương Tiên Dung con vua Hùng Vương, thấy cảnh đẹp, muốn ghé thuyền lại chơi. Đây là đoàn thuyền của My Nương, có bao nhiêu thê nữ theo hầu. Cứ mỗi mùa xuân là nàng xin phép vua cha đi du hành bằng thuyền để thưởng thức vẻ đẹp mỗi nơi mỗi khác của đất nước mà cha nàng ngự trị.

Sau khi dạo chơi một hồi trên bến với các thê nữ, My Nương truyền vẫy màn một khoảng trên bến cho nàng tắm. Vô tình, các thê nữ lại vẫy màn xung quanh chỗ đồng tử họ Chũ đang ẩn nấp.

Tiên Dung vào màn, trút bỏ xiêm y, dội nước tắm ào ào. Cát chảy, một phần thân thê người con trai họ Chũ lộ ra. My Nương ngạc nhiên, nhưng nàng giữ được sự bình tĩnh, không đến nỗi hốt hoảng la lên. Người con

trai sợ hãi quá không dám ngồi dậy. Chàng nghiêng mình nằm sắp lại. Nhưng My Nương ôn tồn bảo : « Anh hãy ngồi dậy, lấy nước trong thùng mà tắm gội cho sạch sẽ, rồi ngồi đấy chờ tôi. »

Nàng mặc áo, và đi ra khỏi màn, dặn thị nữ đừng tháo màn vội, cũng đừng đi vào trong màn. Rồi nàng lên thuyền, thuyền lấy cho nàng một bộ áo quần con trai. Nàng đem áo quần vào cho đồng tử mặc, rồi cùng chàng đi ra khỏi màn. Mọi người thấy thế đều trở mắt kinh ngạc. My Nương mời Đồng Tử xuống thuyền. Nàng bảo thị nữ đem trà nóng và thức ăn cho hai người. Trong khi ăn, nàng bảo đồng tử kể chuyện cho nàng nghe. Đồng Tử liền kể hết mọi chuyện đã xảy ra cho chàng từ khi mẹ mất. Nghe chàng kể đến chuyện bố mất phải chôn luôn cả chiếc khố vải, rồi không có gì mặc, phải đứng dưới nước để buôn bán với thuyền bè qua lại, nàng nhìn đồng tử thương xót. Một người con trai có hiếu, thông minh và đẹp đẽ như thế lẽ ra không đáng ở trong một hoàn cảnh quá khổ sở như thế. Nàng nói :

— Việc ta gặp chàng trong một hoàn cảnh kỳ lạ như thế này chắc hẳn là do nhân duyên từ một kiếp trước. Đã từ lâu, phụ vương muốn ta lấy chồng, ta thường từ chối. Nhưng nay gặp chàng, ta thấy rằng giữa chúng ta có những mối duyên định trước. Vậy nếu chàng muốn,

chúng ta sẽ kết nghĩa vợ chồng.

Chàng con trai cố từ. Không phải chàng chê nhan sắc và địa vị của nàng My Nương, nhưng vì chàng không tin những gì vừa xảy ra trong hôm ấy là có thực. Nhưng sau khi My Nương giải thích tình trạng cho chàng nghe từng chi tiết một, chàng mới gật đầu. Đồng tử chưa từng nghĩ đến chuyện vợ chồng ; nhìn nàng công chúa dung nhan kiều diễm hơn tiên nga, chàng chỉ thấy nơi nàng một cô bạn gái rất hiền hậu, rất dễ thương. Chàng bằng lòng như là nhận chơi với nàng một trò chơi trẻ em vậy.

Nhưng nàng My Nương có cái tên rất xứng với nhan sắc kia lại thực tế hơn nhiều ; nàng biết những gì sẽ xảy ra cho hai người trong trò đùa rất quan trọng này. Nàng biết nếu đem người con trai này về triều và kể cho vua nghe đầu đuôi câu chuyện, triều thần sẽ ngăn cản cuộc tác hợp. Nàng là người ít có cảm tình với những lễ thói nặng nề và những sự cố chấp. Cho nên nàng quyết định làm lễ thành hôn với người đồng tử họ Chử ngay tại làng Chử Xá và cho người về thông báo với vua cha, đồng thời dâng biểu xin vua cha chấp thuận cho cuộc hôn nhân này. Trong lúc đó, nàng và đồng tử bán bớt những vật dụng trên thuyền để lấy tiền chi dụng. Đoàn thể nữ nàng cũng cho đi theo sứ giả trở về cung khuyết.

Hùng Vương được tin con gái tự ý làm lễ thành hôn với một người nàng gặp giữa đường trước khi có lệnh của mẹ cha, lấy làm phẫn nộ. Ngài nói :

— Đề cho nó đi đâu thì đi, ta chẳng cần biết đến nữa. Vua nói thế, một phần là vì giận, một phần là vì không biết nói năng làm sao với các lạc hầu lạc tướng về việc My Nương tự ý làm lễ thành hôn. Ngài thương con nhưng ngài không thể bênh vực con trước mặt quần thần nghiêm nghị như thế được.

Trong khi đó thuyền của cặp vợ chồng trẻ ghé tới bến Hà Lỗa. Thấy cảnh vật ở đây thanh tú, hai người định ở lại làm ăn. Họ bán chiếc thuyền và những vật dụng đắt tiền, lấy tiền làm nhà và lấy vốn buôn bán. Đồng tử không đi chài lưới nữa và cùng với My Nương Tiên. Dung mở một cửa hàng. Hai người thường mua lại trầm hương, tiêu, quế của những người đi rừng và của nông dân để đem bán cho những thuyền buôn ngoại quốc lâu lâu ghé đến cửa biển. Có khi mưa gió kéo dài, những người khách thương nước ngoài không thể dong thuyền đi tiếp tục, hai người mời họ về Hà Lỗa ở lại. Đồng Tử rất thông minh và có khiếu về sinh ngữ học. Chàng học nói ngôn ngữ của những người khách buôn ngoại quốc một cách mau chóng. Hai vợ chồng làm ăn rất khá. Thấy hai người làm ăn được dân tứ xứ có

nhều người cũng tới Hà Lỗa định cư. Tiên Dung vui vẻ đón tiếp mọi người và còn tìm cách giúp đỡ những nhà nghèo muốn đến Hà Lỗa sinh cơ lập nghiệp.

Khách buôn ngoại quốc ghe tới Hà Lỗa càng lúc càng nhiều. Dân cư làm ăn phát đạt, Hà Lỗa trở nên một trung tâm buôn bán lớn. Ở đây người ngoại quốc ưa tới nghỉ chân, có lúc năm ba tháng ; phần lớn đều có làm ăn với hai vợ chồng Tiên Dung và Đồng Tử. Bởi vì hai vợ chồng một mặt thì hiếu khách, một mặt thì buôn bán rất sòng phẳng. Thêm nữa, Đồng Tử có thể nói chuyện trực tiếp với họ, không cần nhờ người thông dịch. Dân chúng trong thị trấn và khách buôn từ xa lại, ai cũng yêu mến hai vợ chồng. Người ta nghe nói đến nguồn gốc vương giả của Tiên Dung, nhưng người ta thấy nàng hào hiệp, nhân đức và đối xử tử tế với mọi người, nhất là đối với những người nghèo túng nhất.

Mùa xuân năm ấy, có một người khách buôn Ấn Độ lưu trú trong nhà hai người có đến hơn tháng. Khi sắp sửa lên thuyền về nước, ông ta đề nghị Đồng Tử đi theo thuyền buôn của ông ta về Ấn Độ :

— Quý nhân chỉ cần xuất ra một thoi vàng, và theo thuyền của tôi về Ấn Độ. Ở đó, quý nhân sẽ trực tiếp mua vải lụa và các thứ khác, đồng thời lưu lại mười hôm xem chợ chợ biết

đất nước chúng tôi. Khi về lại quý quốc, tôi tin là quý nhân sẽ được một số lời gấp đôi sau khi bán xong hàng. Quý nhân đối với chúng tôi tử tế quá, chúng tôi muốn có dịp đền đáp tấm lòng quý hóa đó.

Đồng Tử còn đang ngần ngại thì Tiên Dung đã khuyến khích chàng :

— Lang quân hãy nhận lời đi chơi một chuyến cho biết. Công việc ở nhà em sẽ thay chàng liệu lý tất cả ; xin chàng đừng lo ngại. Sẵn nói được tiếng nước ngoài, chắc đi chuyến này chàng sẽ gặp được nhiều người và học biết thêm được bao nhiêu điều mới lạ.

Đồng Tử bèn nhận lời mời của ông khách ngoại quốc. Thuyền họ lênh đênh nhiều ngày đêm trên biển cả. Đi được chừng một tháng, thuyền ghé vào một bờ biển để lấy nước ngọt. Đồng tử cùng lên bộ với mấy người thủy thủ.

Cảnh vật trên bờ thành tú lạ thường. Trước mặt họ là một ngọn núi lớn. Người thủy thủ nói với chàng :

— Đây là ngọn núi Quỳnh Viên. Trên núi này có một ông thầy tu tên là Buddhabrabha, nghĩa là ánh sáng của Phật, đang tu trên một cái am dựng trên sườn núi. Kìa, ông nhìn xem : đấy, chiếc am của ông ấy đấy.

Theo tay chỉ của người thủy thủ, Đồng Tử thấy một chiếc am nhỏ dựng cheo leo trên sườn núi chen lẫn trong lá cành xanh mát.

Người thủy thủ nói tiếp :

— Thuyền nghỉ lại đây nửa ngày. Nếu ông muốn lên am chơi thì cứ lên. Tôi sẽ xuống khe lấy nước ngọt, ít ra cũng tới năm chuyển mới đầy.

Đồng Tử gật đầu, và leo lên núi chơi. Chàng tìm lên am. Vào tới trong am, chàng nhìn quanh không thấy ai. Đi quanh ra phía sau am, chàng thấy trên bệ đá, dưới gốc cây, có một người ngồi tĩnh tọa, thần sắc thư thái và thanh tịnh. Chàng đứng nhìn một hồi lâu không chán mắt, trong lòng thấy khỏe khoắn lạ thường. Một hồi sau, người đó mở mắt. Thấy Đồng Tử, ông ta mỉm cười nói :

— Ta đợi đã lâu. Tại sao bây giờ ngươi mới tới.

Đồng Tử ngạc nhiên hỏi lại bằng tiếng ngoại quốc tại sao lại có sự chờ đợi này ? Ông thầy tu trả lời :

— Giữa ta và ngươi có duyên từ kiếp trước. Đến kiếp này chúng ta lại gặp nhau, và ta có bổn phận chỉ cho ngươi con đường.

— Con đường để đi đâu ?

— Con đường để đi tìm sự an lạc của tâm hồn. Thế giới này có thể hưng thịnh hay sụp đổ, nhưng tâm hồn của người đạt đạo bao giờ cũng an nhiên tự tại. Ngươi là kẻ có đạo tâm, có thể thành được đạo nghiệp. Hãy ngưng sự tìm kiếm giàu có mà bắt đầu sự tìm kiếm tự tâm.

Nghe những lời nói của ông Đạo, Đồng Tử thấy mát mẻ cả tâm hồn. Chàng ngồi xuống một phiến đá thấp gần đó để nghe ông Đạo thuyết pháp.

Chàng sung sướng lắng nghe những lời dạy bảo của ông Đạo. Chưa bao giờ chàng được nghe những điều mới lạ như thế. Tâm hồn chàng như đất khô được thấm nhuần nước mát. Cho đến khi người thủy thủ lên am gọi chàng về để thuyền kịp nhổ neo, chàng mới nhớ là mình đang trên đường đi buôn.

Chàng nói với thủy thủ :

— Xin bác hãy thưa lại với thuyền trưởng cứ cho thuyền nhổ neo. Tôi còn ở lại đây để nghe thuyết pháp và học đạo. Chừng nào thuyền về xin ghé đón tôi cùng về.

Người thủy thủ về nhắc lại lời chàng. Ông khách buôn liền lên am gặp chàng và khuyên chàng nên tiếp tục chuyển đi. Nhưng chàng nhất định chối từ. Chàng nói :

— Đây là cơ hội ngàn năm một thuở đối với tôi. Xin ngài cứ cầm lấy thoi vàng của tôi và đi mua hàng hộ tôi. Chừng nào về xin ghé lại đón tôi cùng về. Tôi không thể bỏ lỡ cơ hội này được, xin ngài hiểu cho.

Người khách buôn biết chàng đã quyết tâm nên không ép nữa. Ông ta từ giã và hẹn chuyển về sẽ ghé. Chủ thuyền lại tỏ ý muốn đem dâng

ít thực phẩm, nhưng ông Đạo kia mỉm cười từ chối :

— Trên núi này, trái cây cũng đủ cho chúng tôi sống tạm.

Đồng Tử ở lại học đạo gần bốn tháng. Chàng đã nếm được niềm hân hoan của những giờ phút tĩnh tọa thiền định. Chàng thấy mình rũ bỏ được phiền não, thân tâm nhẹ nhàng, khoan khoái. Chàng thấy chàng không còn cần chạy theo bất cứ một thứ danh lợi gì trên đời này nữa.

Một hôm, thuyền ghé bến. Người khách buôn ngoại quốc đi lên am mời chàng, ngạc nhiên thấy Đồng Tử khoác áo một tấm, ngồi tĩnh tọa an nhiên trong nhà đá. Ông ta giục chàng thu xếp trở về. Chàng chưa có ý muốn trở về ngay, nhưng Buddhabrabha khuyên chàng :

— Nhân duyên với nước Văn Lang còn nhiều, người nên thu xếp về.

Nói xong ông Đạo đem cho chàng một chiếc gậy, một cái nón và một chiếc bình bát. Ông nói :

— Người nên giữ gìn ba vật này. Người tu chỉ cần giữ lại từng đó cho mình. Linh không là tại những vật ấy đấy.

Đồng Tử bái nhận chiếc gậy, chiếc nón và chiếc bình bát, rồi lay tạ ông Đạo mà ra đi theo thuyền.

Hai tháng sau, chàng về tới Hà Lỗa. Tiên

Dung hơi ngạc nhiên thấy chàng có dáng dấp phong thái của một người thoát tục. Chàng bắt đầu kể cho vợ nghe tất cả những kinh nghiệm đã thu thập được trên núi Quỳnh Viên. Lại thay, My Nương Tiên Dung cũng rất sung sướng khi nghe chồng thuật lại cuộc du hành học đạo. Nàng xin Đồng Tử dạy lại cho nàng đạo pháp mà chàng mới học được. Chàng đọc cho My Nương nghe những đoạn kinh mà chàng đã được nghe, chỉ cho My Nương phương pháp tĩnh tọa, điều hòa hơi thở và thiền quán. Chàng dạy cho My Nương nhiều phương pháp định chỉ loạn tưởng và đạt được định lực.

Sau khi My Nương đã được ném sự thanh thoát an lạc của thiền định, nàng dễ nghi với chàng nên đem tất cả của cải tặng cho những người nghèo. Hai người liền bán hết nhà cửa, kho lẫm và mọi thứ đồ vật quý giá đã mua được trong bao nhiêu năm làm ăn cần mẫn. Nhiều gia đình nghèo khổ nhờ thế có vốn làm ăn, có ruộng để cấy bừa.

Hai người trở thành không nhà không cửa. Họ chỉ còn giữ một chiếc gậy, một chiếc nón và một chiếc bình bát để dùng chung. Đi tới đâu, họ cũng được mời vào nhà. Chủ nhà nào cũng muốn đãi cơm họ và sửa soạn giường chiếu cho họ ngủ lại. Nhưng họ từ chối. Họ chỉ xin cơm và thức ăn đầy một bình bát và cáo từ. Họ ngừng chân, ăn cơm dưới bóng

mát của một gốc cây, và đêm đến, họ cũng ngủ dưới một gốc cây. Chiếc nón lá là để che nắng mưa, chiếc gậy là để dẹp lau lách, gai gổc, và chiếc bình bát là để xin ăn. Mỗi khi vào một nhà nào để hóa trai, họ thường đọc một vài đoạn kinh và dạy đạo cho gia chủ. Họ sống thanh thoi, thường kiếm nơi mát mẽ và thanh vắng để tĩnh tọa thiền định. Họ cảm thấy nhẹ nhàng, thanh thoát, không còn sợ hãi một điều gì. Ngày xưa khi còn vàng bạc kho lẫm họ còn sợ trộm cướp ; ngày nay họ không có gì để sợ mất mát nữa cả.

Ở Phong Châu vua Hùng không biết gì hết về chuyện đã xảy ra nơi chốn cửa sông đầu biển này. Người ta báo cáo rằng Hà Lỗ đã biến thành một nước tự trị, có mặt của nhiều người ngoại quốc. Người ta còn nói thêm là chính My Nương Tiên Dung và người chồng của nàng đã hùng cứ một phương, không tuân lệnh triều đình. Quân thần tâu vua nên gửi một đạo binh đến Hà Lỗ để diệt trừ âm mưu phản loạn.

Và quân sĩ của triều đình đang rầm rộ kéo tới : chẳng mấy chốc mà Hà Lỗ sẽ biến thành tro bụi. Trong khi Tiên Dung bàn kế với những bậc lão thành của thị trấn, thì Đồng Tử vẫn ngồi yên lặng tĩnh tọa dưới gốc cây bàng.

Đồng Tử bỗng mở mắt, mỉm cười. Tiên Dung biết là chàng đã tìm ra được giải pháp cứu dân.

Đồng Tử vươn vai đứng dậy. Chàng thông thả nói với các bô lão :

— Tôi đã tìm ra được cách giữ cho bình tướng triều đình tôi trẻ ba ngày ba đêm. Trong lúc đó, tôi xin quý vị tổ chức cho dân chúng di tản ra các miền xa. Chúng ta có dư thì giờ để cho dân chúng di tản ; xin khuyên mọi người đừng hấp tấp mà dẫm đạp lên nhau, gây thành tai nạn.

Các bô lão tin ngay lời Đồng Tử. Họ sắp sửa quay vào làng thì chàng dặn với theo :

— Xin quý bác nhớ khuyên mọi người giúp đỡ lẫn nhau. Ở hiền gặp lành, thương người như thể thương thân, Bụt dạy như vậy.

Nói xong, chàng cầm lấy nón, gậy và bình bát, cùng với Tiên Dung tìm đường ra bờ sông. Họ mượn một chiếc thuyền thúng, và bơi sang bên kia sông.

Tiên Dung đưa mắt nhìn Đồng Tử như muốn hỏi chàng về kế hoạch làm trì trẻ sự tiến công của bình tướng triều đình. Chàng nói :

— Trong kinh Hoa Sen, có câu chuyện một thành trì được hóa hiện trong bãi sa mạc. Chúng ta hiện giờ đi đâu cũng chẳng cần nhà cửa lâu đài. Một gốc cây cũng đủ cho ta như một thành quách lâu đài. Một chiếc nón và một

cái gậy hay một gốc cây, cũng thay thế được cho một thành quách lâu đài.

Tiên Dung chưa hiểu hẳn, nhưng nàng vẫn gậy đầu. Khi thuyền đến bờ thì trời chạng vạng tối. Hai người cột thuyền lại bến và lên bờ.

Rời khỏi bờ sông, họ đi vào một con đường ruộng. Rồi họ băng lên một khu đồi cao ráo. Đồng Tử bảo Tiên Dung dừng lại. Chàng cầm gậy thẳng xuống đất, úp chiếc nón trên đầu gậy. Chàng đặt chiếc bình bát dưới đất, và ngồi lại trong tư thế tĩnh tọa. Tiên Dung cũng ngồi lại như thế gần bên chàng. Bỗng phép lạ hiển hiện. Một tòa lâu đài hiện ra ngay giữa khu đồi. Rồi nhà cửa san sát mọc lên chung quanh thành một thị trấn lớn, thành quách kiên cố, có hào sâu bao bọc xung quanh. Đèn đuốc sáng trưng, người đi qua đi lại tấp nập.

Từ xa, binh tướng triều đình đã trông thấy ánh sáng chiếu ra từ thành quách vừa xuất hiện. Họ đi đường mệt, chưa dám tiến thẳng đến. Họ dừng lại, dựng trại, cho quân sĩ nghỉ sức. Hàng ngàn binh sĩ thăm lặng hạ trại trong đêm.

Đúng nửa đêm, lệnh tấn công được ban ra. Trong chưa đầy một khắc, thành trì của Tiên Dung và Đồng Tử đã bị binh đội triều đình bao vây kín mít.

Nhưng bốn cửa thành đã đóng chặt. Binh tướng triều đình khiêu chiến thế nào cửa thành

cũng không mở. Thành quách vững chãi quá, không thể công phá dễ dàng được. Binh tướng triều đình định áp dụng chiến thuật vây hãm thành cho tiêu hao dần lương thực và tiềm lực chống giữ của quân lính và dân chúng bên trong.

Cuộc vây hãm kéo dài tới ba ngày và ba đêm. Trong thành không có một ai thoát được ra ngoài và từ bên ngoài thành, chưa một ai đột nhập được vào thành. Tuy nhiên tiếng náo nhiệt của dân chúng sinh hoạt trong thành vẫn vọng ra tới bên ngoài hàng dặm.

Nửa đêm. Không có trăng nhưng có rất nhiều sao. Một người lính canh của phía triều đình đang chăm chú nhìn lên ngôi sao Bắc Đẩu sáng ngời thì bỗng nghe tiếng của ai thoang thoảng bên tai :

— Đúng ba ngày ba đêm. Dân chúng đã di tản hết rồi.

Ngạc nhiên, người lính trở mắt nhìn vào cửa thành. Cửa thành vẫn đóng chặt, im lìm. Bốn phía, quân tướng triều đình vẫn trùng điệp vây chặt. Nhưng khi người lính nhìn lên trời tìm lại ngôi sao Bắc Đẩu thì không còn thấy một ngôi sao nào nữa hết. Mây đã kéo đen ngịt. Gió bắt đầu thổi mạnh. Rồi giông bão kéo tới mãnh liệt. Cây ngã, lều đổ. Một tiếng sét dữ dội nổ. Tất cả thành quách lâu đài của Tiên Dung và Đồng Tử bị cuốn lên trời theo

một cơn lốc vĩ đại. Lều trại của quan quân triều đình nhiều chiếc cũng bị cuốn theo. Mọi người từ binh cho đến tướng đều kinh hoàng ; trong bóng đêm, sự hỗn độn cùng cực đã xảy ra ; ai cũng ngỡ là binh đội Phong Châu vừa bị đánh bại.

Nhưng gió bão đã dịu dần, và cuối cùng ngưng hẳn. Bình minh trở lại. Mọi người thất sắc nhận ra rằng tất cả thành quách lâu đài mà họ đã vây hãm trong suốt ba ngày ba đêm đều đã bị cuốn sạch theo cơn lốc ; không còn lại một dấu tích nào, dù là cây cột hay một viên ngói. Ở chỗ thành quách, bây giờ là một chiếc đầm lớn, nước ngập mênh mông.

Ngày hôm ấy có thám tử sang sông về báo rằng trong thị trấn Hà Trạch bên kia sông, vườn trống, nhà không, không có một bóng người. Tất cả dân chúng, trâu bò, gà vịt, hàng hóa đều đã được di tản rải rác đi các nơi khác. Quan Lạc Tướng chỉ huy quân binh triều đình kinh ngạc. Cho người đi hỏi thăm Tiên Dung và Đồng Tử, thì không ai biết hai người ở đâu. Ông đặt tên chiếc đầm lớn mênh mông trước mặt là đầm « một đêm ». Chỉ trong một đêm mà cả một thành trì nguy nga đã biến thành hồ nước mênh mông, không lưu lại một chút gì vết tích.

X

THIÊN TƯỚNG NGỰA SẮT

Đã mấy hôm nay, Hùng Vương trông đợi tin tức của các đoàn sứ giả.

Giặc Ân đã tới gần biên thùy miền Bắc. Quân lính của Văn Lang trong ba năm nay đã tập luyện tinh nhuệ, nhưng vua chưa cho xuất quân, vì còn chờ một tướng tài xuất hiện. Long Vương đã báo trước với Vua sự xuất hiện của vị tướng đó.

Trước đây ba năm, vua nước Ân đã từng đe dọa đem quân sang đánh Văn Lang. Khi nhận được tin kia, vua Hùng triệu tập quần thần để bàn tính việc kháng chiến. Có người Lạc Tướng tâu lên :

— Giặc đến thì phải đánh, đó là lẽ tự nhiên. Nhưng hiện giờ chúng chỉ mới mở lời đe dọa mà thôi. Chúng ta chưa nên điều động binh mã, chỉ nên lo chuyện tập luyện binh tướng cho thật tinh nhuệ mà thôi.

Một vị Lạc Hầu dâng kế :

— Nghe nói vua nước Ân là một người giỏi nghề binh, bề không ra quân thì thôi chứ bề ra quân thì tự mình thống lĩnh binh đội. Nước

Văn Lang chúng ta mấy trăm năm nay sống trong hòa bình, nhân dân và binh sĩ không biết chiến tranh và trận mạc là gì ; trong khi đó giặc Ân có thể có nhiều khí giới mới lạ. Vậy xin tâu Vua một mặt luyện tập sĩ tốt, một mặt phải cầu tổ tiên chúng ta là Long Quân cho ý kiến.

Nghे theo lời tâu của Lạc Hầu, vua Hùng sai dựng đàn cao mười tám trượng, đốt hương trầm suốt đêm ngày. Vua tự thân ăn chay năm dất ba đêm ba ngày, rồi đích thân ra trước đàn để cầu thỉnh Long Vương.

Đột nhiên trời nổi gió và mây đen kéo dầy. Có tiếng sấm động. Quân hầu vào báo tin là ở trước Ngọ môn có một ông già mình cao hơn sáu thước, mặt vuông, râu tóc và lông mày bạc phơ đang cười nói và ca múa. Vua liền thân hành ra cửa, thỉnh ông già vào ngồi trước đàn. Từ khi thấy Vua, ông ta bỗng im bặt, không nói năng một lời. Đem cơm nước ra dãi dăng, ông cũng không động tới, chỉ ngồi yên lặng.

Vua Hùng kính cẩn hỏi :

— Nay nhà Ân sắp đem binh mã sang đánh, không biết hơn thua ra sao, xin quý nhân chỉ dạy cho.

Ông già đưa tay ra, nhìn kỹ những ngón tay, rồi nói :

— Ba năm nữa giặc Ân mới qua đánh.

Hỏi về kế hoạch kháng chiến thì ông già đáp :

— Chuyện luyện tập sĩ tốt cho tinh nhuệ, vua và các lạc hầu lạc tướng chắc biết rõ rồi. Nhưng khi giặc tới, phải cử sứ giả đi tìm trong thiên hạ một người tướng giỏi biết phương lược chiến thắng mau lẹ. Ta không thể tiết lộ trước được, nhưng hễ sứ giả gặp được bất cứ người nào tinh nguyện hiến lược thì vua cũng phải vờ vào trọng dụng, đừng phân biệt sang hèn, lớn nhỏ. Ta sẽ nhờ Sứ Giả của Sông Xanh về ủng hộ.

Nói xong, ông già bay lên hư không, lẫn vào mây mà đi. Bây giờ vua và các lạc hầu lạc tướng đều biết đó là Long Vương.

Giờ đây, nước Ân đã cử binh. Vua đã gọi ra biên giới một đoàn quân tinh nhuệ và nhiều tướng giỏi. Nhưng vua vẫn nghe lời Long Vương cho nhiều đoàn sứ giả đi rao khắp thiên hạ lời chiêu tìm người giúp nước.

Đã ba hôm rồi, vua chưa được tin tức gì của các phái đoàn. Ngài dặn thị vệ hễ có tin báo là cho ngài hay tức khắc.

Bỗng thị vệ vào báo có một đoàn sứ giả vừa trở về và muốn gặp mặt Rồng. Vua cho vờ vào. Cùng mấy lạc tướng, lạc hầu, ngài ngồi nghe báo cáo của phái đoàn này.

— « Tâu đức Vua, người trưởng đoàn kính cần nói — khắp nơi ai cũng nghĩ rằng nhân

tài Văn Lang đã quy tụ nơi chốn triều đình. Người nào cũng nói rằng vua nên tin cậy những người cờ tài trong giới các lạc tướng lạc hầu trong việc phá giặc. Tuy vậy chúng tôi vẫn nhân nài đi tìm.

« Khi đến quận Vũ Ninh, làng Phù Đồng, chúng tôi vừa mới rao truyền lệnh vua thì bỗng có một thiếu phụ ra mời chúng tôi vào nhà. Bà ta không nói năng gì hết. Khi chúng tôi vào đến nhà thì chẳng thấy ai, chỉ thấy một đứa bé ngồi chơi trên giường. Đứa bé hỏi chúng tôi :

— Quý vị đi rao lệnh gì của vua thế ?

« Chúng tôi thấy không nên mất thì giờ với một đứa trẻ, nên không thèm trả lời, đi ngay ra cửa. Nhưng thiếu phụ khẩn khoản mời chúng tôi ngồi lại. Bà ta nói :

— Tôi sinh thằng bé này đã hơn ba năm. Nó nằm hoài chưa bao giờ ngồi dậy được. Suốt ba năm nó không nói được một tiếng, dù là tiếng « bố » hay tiếng « mẹ ». Ấy thế mà khi nghe nói có sứ giả nhà vua, nó tự ngồi ngay được dậy và nói với tôi : « Xin mẹ ra mời sứ giả nhà vua vào đây, con hỏi xem thử có chuyện gì. » Tôi hoảng kinh, cho đây là một phép lạ, nên mới dám chạy ra mời quý vị. Xin quý vị thử kiên nhẫn nói chuyện với nó xem sao.

« Chúng tôi trở lại với đứa trẻ thì nó nói :

« Xin quý vị sứ giả lập tức về tâu vua đúc cho cháu một con ngựa sắt cao mười tám thước, một cây gươm sắt dài bảy thước, và một chiếc nón sắt. Cháu sẽ dùng những thứ ấy để đi đánh giặc, và giặc sẽ phải tan tành. Xin nhớ đem lại cho cháu ba thứ ấy càng sớm càng tốt, và nhớ đúc bằng *sắt* chứ không phải bằng *đồng*. »

« Chúng tôi thấy một đứa bé ba tuổi mà ăn nói chững chạc như thế nên ngờ rằng đây là thần đồng xuất thế để cứu dân. Vội vã về phi báo để đức vua được rõ. »

Vị trưởng đoàn nói xong thì viên Lạc Tướng ngồi bên phi cười :

— Thật là chuyện trẻ con. Vậy mà cũng làm bận lòng và mất thì giờ của đức Vua.

Nhưng vua Hùng không cười. Ngài lặng thinh suy nghĩ. Bỗng ngài hỏi các vị lạc hầu và lạc tướng :

— Quý vị có biết *sắt* là chất gì không ? Đứa bé dặn phải đúc một thanh gươm bằng *sắt* chứ không phải bằng *đồng*. Một viên lạc hầu lập tức tâu :

— Tâu đức vua, tôi có biết. Đó là một chất kim thuộc rất cứng, cứng có thể chặt đứt được mọi thứ. Đồng tuy cứng, nhưng không thể cứng bằng sắt được. Tôi có một lưỡi dao nhỏ chừng hai gang tay làm bằng cái chất kim khí cứng rắn đó, do một nhà buôn Tây Vực gửi

tặng năm ngoái. Tôi xin về lấy dâng đức vua ngự lăm.

Một lát sau, vị lạc hầu trở lại đem theo một lưỡi đao. Khi rút đao ra khỏi vỏ, mọi người thấy lạnh cả người. Lưỡi đao nhỏ mà sáng loáng, ánh như nước. Vua cầm lấy thử chặt mạnh vào lưng chiếc ống nhỏ bằng đồng sáng loáng gần bèn. Một tiếng giao chạm kêu như chuông dội lên. Chiếc ống nhỏ đã móp lại, co rúm. Khi nhìn lại lưỡi đao, vua thấy không có gì suy suyễn.

Đức vua nói :

— Đây là một lưỡi đao quý được rèn bằng một loại kim khí quý. Có được loại kim khí này thì ta có thể rèn đức những khí giới mà không ai có thể địch lại nổi. Nhưng làm sao kiếm ra được kim loại này, làm sao kiếm ra được sắt ?

Vừa lúc ấy, quân hầu vào báo có người tự xưng là Sứ giả của dòng sông Xanh muốn vào ra mắt.

Sứ giả dòng sông Xanh cũng là một ông già râu tóc bạc phơ. Vừa được mời lên ngồi, ông đã nói ngay, chưa kịp đề ai hỏi han :

— Chắt kim khí mà vua và các hầu các tướng muốn tìm đó, lão có thể giúp quý vị tìm ra được. Đây là một chiếc côn bằng đá lão thường dùng làm gậy. Hãy dùng gậy này mà thám thính trên đất : nơi nào mà gậy dính cứng không chịu

nhấc bổng lên, thì đất nơi ấy có chứa chất kim khí kia. Phải cho đào thật sâu đến khi tìm được. Nhưng chất này còn trộn lẫn với những chất tạp khác. Phải bỏ vào lò đun mới có thể lọc những chất tạp kia ra. Sau đó, mới có thể dùng để rèn những vật dụng và binh khí.

Nói xong, ông già dâng chiếc côn trao tặng vua Hùng. Vua kính cẩn đỡ lấy, cảm ơn, và tỏ ý lưu ông già lại cung để thết đãi. Nhưng ông ta cáo từ bảo phải đi có việc gấp. Vua cử người tiễn ông ra ngoài thành. Đến bờ sông ông già hóa thành một con rùa vàng lớn, lội xuống nước đi mất. Vua Hùng nghe tàu lại, biết rằng sứ giả dòng sông Xanh là thần rùa Vàng, phụ tá của Long Vương, đã hiện đến để giúp ngài.

Nhờ chiếc gậy đá màu nhiệm, người Văn Lang đã tìm ra được mỏ sắt. Suốt ngày đêm, binh lính hi hục đào xới, đắp lò luyện sắt. Trong vòng hai tháng, một con ngựa sắt, một chiếc gương sắt và một cái nón sắt đã được đúc thành. Vua Hùng rất mừng, bèn sai sứ giả mang tới cho đưa bé ở làng Phù Đổng. Sứ giả phải chọn đường thủy mới chở được ngựa sắt, nón sắt và gương sắt. Đó là một chiếc thuyền rất lớn.

Khi đoàn sứ giả đã đi khỏi, vua Hùng ra lệnh cho binh lính tiếp tục công việc luyện và rèn sắt. Ngài bảo rèn thêm ba vạn chiếc gương sắt,

không lớn như chiếc gươm vĩ đại vừa mới lên thuyền đi Phù Đồng, mà là những chiếc gươm sắt vừa tầm một binh sĩ. Ngài cũng cho rèn những mũi thương bằng sắt để thay cho những mũi thương bằng đồng và những cái chiêng sắt mỏng để thay cho những chiếc mộc.

Trong lúc đó thì cậu bé làng Phù Đồng tự nhiên gọi mẹ :

— Sứ giả sắp tới rồi. Mẹ đem cơm nhiều cho con ăn để con đi đánh giặc.

Bà mẹ nấu một nồi cơm lớn, nhưng cậu bé ăn hết trong khoảnh khắc. Cậu đòi thêm nữa. Bà liền nấu thêm một nồi lớn khác, trong bụng lấy làm kinh ngạc.

Ngày nào đứa trẻ cũng ăn nhiều bằng trăm người thường. Hàng xóm đồ đến, người đem rau, người đem bánh ; thế nhưng không bao giờ cậu bé no bụng. Cậu ăn làm cả làng kinh ngạc ; nhưng biết đây là thần đồng sẽ phù vua giúp nước, cả làng không ai tiếc gì cơm gạo. Cả những làng bên cũng mang thực phẩm và vải bó tới cung phụng. Áo may cho cậu bé mặc chỉ được một hay hai ngày. Sau đó phải may áo khác, lớn hơn, rộng hơn.

Ngày mà thuyền của đoàn sứ giả đến bến sông làng Phù Đồng là ngày dân làng được tin binh tướng Văn Lang ở biên thù đã bị giặc Ân đánh bại. Và quân giặc đang tràn vào đất Văn Lang như nước lũ. Dân chúng

đau xót quần quai.

Sau khi sứ giả khiêng được ngựa sắt, gươm sắt và nón sắt đến trước sân nhà của thần đồng, thì trời đã tối. Sẵn có cơm gạo thực phẩm có sẵn của dân chúng đem đến tặng đầy nhà, bà mẹ làm cơm đãi đoàn sứ giả. Cậu bé bảo mẹ đem tất cả gạo ra nấu cơm, và dọn tất cả bánh trái xôi chè ra sân. Sau khi đoàn sứ giả ai nấy đều đã cứng bụng không thể ăn thêm được nữa, cậu bé cứ vẫn tiếp tục ăn, ăn mãi đến khuya, rồi đến sáng, trước con mắt khiếp đảm của mọi người. Đến lúc gà gáy, trời tờ mờ sáng, cậu mới bỏ đũa đứng dậy.

Vươn vai một cái, cậu đứng lên, mình đột nhiên cao hơn mười trượng. Rồi cậu liền tiếp nhảy mũi hơn mười tiếng, cầm lấy thanh gươm sắt, đội chiếc mũ sắt lên đầu và nhảy lên ngồi trên ngựa sắt, lẫm liệt uy nghi như một thiên tướng.

— Ta là Thiên Tướng do đức Bà Âu Cơ sai xuống để đuổi giặc cứu dân đây.

Tiếng nói của Thiên Tướng vang như sấm động. Mọi người hoảng kinh khi thấy ngựa sắt cũng khịt mũi hơn mười tiếng ; từ hai lỗ mũi ngựa tóe ra lửa và khói, bốn chân ngựa chuyển động. Ngựa sắt hí lên một tiếng rung chuyển cả trời đất và băng mình ra ngô, đưa thiên tướng làng Phù Đổng lên đường ra đón đầu giặc Ân.

Ngựa phi đến chân núi Trâu Sơn thì quân binh cứu viện của vua Hùng cũng đã ra tới, dàn trận, đối đầu với quân giặc. Gươm giáo của binh tướng Văn Lang sáng lòa làm cho quân Ân thấy lạnh. Thiên Tướng thúc hai chân vào hông ngựa sắt xông vào giữa hàng ngũ của giặc. Vua Ân chết ngay tại trận. Ngựa sắt của Thiên Tướng Phù Đổng hét ra lửa, thanh gươm của Thiên Tướng Phù Đổng hoa lên như vùng vẫy giữa chốn không người. Quân Ân tan vỡ, bỏ chạy. Một số bị vây, xếp giáo đầu hàng.

Ngựa sắt của Thiên Tướng đuổi theo tàn binh của giặc. Đuổi đến chân núi Việt Sóc, biết tàn quân sẽ không còn dám trở lại, Thiên Tướng phi ngựa lên đỉnh núi, biến mất. Ngựa sắt lưu lại những dấu chân trên đá từ dưới chân núi lên đến đỉnh núi.

Vua Hùng nghe báo tin thắng trận rất mừng. Nhưng khi vua nghe tin Thiên Tướng làng Phù Đổng đã biến mất trên núi Việt Sóc, ngài tỏ ý ân hận vì đã không được gặp vị anh hùng trẻ tuổi đó. Ngài nói với các lạc hầu và lạc tướng:

— Quý vị hãy cho lập đền thờ ngay tại chân núi Việt Sóc để toàn dân cùng nhớ ơn vị Thiên Tướng trẻ tuổi này. Chúng ta hãy gọi người là Thiên Vương Phù Đổng.

Vua tự nhủ : một vị thiên tướng mình cao hơn mười trượng, cưỡi ngựa sắt hét ra lửa thì làm sao ở chung lâu ngày với người thường ?

Thiên Tướng tuy đã về cõi tiên, nhưng quân ngũ Văn Lang đã được trang bị bằng những vũ khí bằng sắt, có thể đánh bại bất cứ một cuộc xâm lăng nào. Như thế cũng như Thiên Tướng vẫn còn có mặt với đất nước vậy.

Nghĩ thế, mặt Rồng tươi lên, Hùng Vương không còn buồn nữa.

XI

XUNG ĐỘT

S UỐT mười ngày đêm, mưa bão không ngớt. Máy trời nặng trĩu, núi Tản Viên đã không ngớt vươn cao, đỉnh núi khuất hẳn trong mây.

Nước dâng lên không ngừng. Nước ngập hết ruộng đồng nhà cửa và các lũy tre trong khi bão tố gầm thét vang trời. Nước ngập hết một vùng bao la. Đây đó chỉ còn thấy những đợt cau và những tàu cau, trong mưa gió, vung vẩy như những cánh tay muốn soài lên, vươn cao khỏi mặt nước. Thuyền bè chìm lút nhiều chiếc bị lật ; tiếng người kêu ới ới lẫn trong tiếng mưa tiếng gió. Người ta nói nước đã dâng đầy khắp nơi, ở Phong Châu cũng thế.

Ấy vậy mà mưa gió vẫn tiếp tục gào thét, nước vẫn tiếp tục dâng cao. Các loài thủy quái từ đâu xuất hiện không biết cơ man và mớ nào mà kẻ quanh chân núi Tản Viên. Dân chúng sống dưới chân núi đã leo lên chân núi chạy lút có đến hàng sáu bảy ngàn người. Nước càng dâng thì họ càng trèo lên cao thêm, mang theo nào nôi nào niêu nào chén nào bát... Thủy Vương dâng nước lên đánh Sơn

Vương đề cướp cho được nàng My Nương con của vua Hùng. Thủy Vương mang theo biết bao nhiêu loài thủy tộc, cá sấu, cá mập, rắn nước, cùng nhiều loài kinh ngư khác, cùng dâng nước lên quyết đuổi cho kịp Sơn Vương và My Nương.



Hai thần Sơn Vương và Thủy Vương vốn là hai anh em. Khi Thủy Vương cùng bốn mươi chín người khác theo Long Vương về miền sông biển, thì Sơn Vương ở lại miền núi. Có một độ, chàng lưu lại rất lâu tại động Gia Ninh ở Châu Phong. Thủy Vương có lần đã từ miền biển lên thăm chàng và ở lại đây mấy tháng. Khi trở về thủy cung, Thủy Vương nghĩ ý mời Sơn Vương về biển xem chơi cho biết. Sơn Vương nhận lời và theo Thủy Vương về biển. Chàng ở lại thủy cung một thời gian khá lâu.

Sơn Vương tính tình điềm đạm hay thương người, thường được mọi loài thủy tộc thương mến. Thủy Vương là người vút chạc, nóng nảy và lại có tính hay ghen ghét. Nhưng Thủy lại là người hoạt động, thống lĩnh trong tay nhiều loài kinh ngư. Thủy lại được Long Vương giao cho trách vụ làm mưa từ tháng bảy đến tháng chạp. Công chúa Sita, con gái yêu của Long Vương thì được giao trách nhiệm làm mưa từ

tháng giêng cho đến hết tháng sáu. Long Vương bận nhiều công việc ở Thủy Phủ, nên đã giao công việc làm mưa cho hai người.

Sau một thời gian ở biển, Sơn Vương nhận thấy mình không ưa cảnh vật quá giao động ở đây. Chàng từ hải quốc do cửa biển Thần Phù mà về, có ý tìm một nơi cao ráo đẹp để ở. Chàng lấy thuyền, chèo thông thả, vừa đi vừa ngắm cảnh vật, trong lòng cảm thấy an tĩnh, dễ chịu. Theo sông Cái, chàng chèo đến làng Long Đậu ở thành Long Biên ; thấy cảnh đẹp người vui chàng đã muốn ở lại. Nhưng sau đó nhận thấy cảnh chợ hơi náo nhiệt, chàng lại xuống thuyền, từ Long Đậu rẽ sang sông Linh Giang, rồi từ sông Linh Giang rẽ sang sông Phúc Lộc, chèo đến làng Phiên Tân. Nhìn lên, chàng bỗng thấy một cảnh tượng hùng tráng : núi Tam Đảo tú lự, ba đỉnh sắp hàng đứng hùng vĩ trước mặt. Cao nhất và đẹp nhất là đỉnh Tản Viên, cao tột đến mây xanh, hình tròn như chiếc lọng. Chàng liền mở một con đường thẳng đi đến chân núi.

Quanh miền, không nơi nào là không đẹp. Dân chúng tổ phác, thuần hậu. Chàng lên núi tìm một nơi có cái nhìn rộng và đẹp, làm chỗ cư trú. Từ đó, tiêu dao tự tại một mình nơi triền cao núi Tản.

Chàng thường xuống núi, nói chuyện với dân chúng. Có khi chàng leo lên đỉnh Thạch

Bàn hay đỉnh Vân Mộng chơi và ở lại hàng tháng. Có khi chàng đến Uyên Động, rồi sang Nham Tuyền, vọc suối, trèo cây. Có khi chàng ra sông Chiết Giang ngồi xem cá lội, nhớ lại thời cư trú dưới thủy phủ.

Chàng yêu mến dân chúng quanh vùng. Thấy dân còn chất phác đại khờ, chàng dạy cho họ đưa nước vào ruộng, dùng dụng cụ bằng gỗ bọc đồng để cày bừa, gieo hạt lúa và trồng cây bông. Chàng lại dạy cho dân biết lấy bông kéo sợi, dệt thành những cuộn vải trắng và lấy vải may áo mà mặc. Dân chúng miền ấy cứ dệt vải trắng như vậy mà may mặc, không cần nhuộm màu đà hay màu lá chuối, cho nên từ xưa gọi họ là « dân áo trắng miền thượng ».

Dân chúng thường chỉ chặt cây, gác lại thành hai mái và bứt cỏ tranh lợp phía trên để ở. Sơn Vương liền chỉ cách cho họ dựng những chiếc nhà sàn cao ráo, chẻ tre đan liếp làm tường và đánh tranh thành từng cuộn dài để lợp nhà. Dần dần dân chúng dưới chân núi và quanh đó thấy đời sống mình dễ chịu hơn lên, rất cảm mến và biết ơn chàng. Họ tôn chàng là « vua núi Tản Viên ».

Có lần chàng phải về Thủy Phủ cầu cứu với Long Vương đi diệt một con hồ tinh hay ăn thịt người. Đây là một con chồn chín đuôi, sống hơn một nghìn năm, đã biến thành yêu quái. Hồ Tinh ở trong một cái hang đá dưới

chân núi Tiều Thạch. Có lúc nó hóa thành khí, có lúc thành người, đi trà trộn vào trong thôn xóm. Khi biến thành người, nó cũng mặc áo vải trắng sạch sẽ và dễ thương như những người con trai và con gái Văn Lang, cũng biết hòa lẫn vào những cuộc tụ họp của trai gái để ca hát và nhảy múa. Thỉnh thoảng nó dụ dỗ được những người con trai và con gái về hang động và tìm cách giam hãm lại để ăn thịt. Hồ Tinh biến hiện mỗi lần một hình thức khác, cho nên không ai tìm ra được chân tướng nó.

Sơn Vương tuy tìm ra được chân tướng của Hồ Tinh, nhưng không trừ khử được, bởi nó biến hóa mau lẹ một cách khôn lường ; hang động của nó rất nhiều ; đuổi hang này thì nó luồn vào hang khác : có những hang mà lối vào nhỏ quá chỉ có những con chồn mới vào lọt được.

Khi Sơn Vương xuống thủy phủ cầu cứu, Long Vương cùng bộ hạ đã cùng dâng nước lên đánh Hồ Tinh. Thủy Vương được theo làm phụ tá. Long Vương dâng nước lên làm ngập hết tất cả mọi huyết động ở dưới chân núi Tiều Thạch. Hồ Tinh không có lối nào thoát được phải hiện hình chạy lên núi và bị Sơn Vương trừ diệt. Nước dâng lên cao và mạnh quá, đã đào thành một cái đầm lớn, ở giữa có vực rất sâu. Dân chúng sau đó gọi đầm này là hồ Tày.

Hồ Tinh bị trừ diệt, dân chúng lại được an

Ồn, Sơn Vương lại đi ngao du cảnh núi nước. Một hôm đang ngồi xem cá lội ở sông Chiết, chàng bỗng chú ý đến một con cá hồng bé tý đang quẫy đuôi làm hiệu dưới nước. Chàng đưa tay bùm nước đưa cá lên, thì cá bỗng hóa thành một người con gái diễm tuyệt, ngồi bên cạnh chàng. Sơn Vương la lên :

— Sita !

Đúng là công chúa Sita con của Long Vương: nàng lại hóa hình cá đi chơi. Sita ngồi bên cạnh chàng và hỏi thăm cuộc sống của chàng từ khi chàng rời thủy phủ. Sơn Vương nói cho nàng nghe những thú vui sông núi, những cảnh trí thanh nhã quanh vùng. Chàng cũng nói cho công chúa thủy cung nghe về đời sống dân giả quanh những chân núi. Công chúa Sita tỏ ý muốn lên thăm núi Tản Viên nơi chàng cư ngụ. Chiều ý, Sơn Vương dẫn nàng đi. Qua những xóm nhà sàn, gặp những người trai gái mặc áo trắng, Sita trở mắt nhìn, rất lấy làm vui thích.

Nàng mặc một chiếc áo màu hồng nên ai cũng nhìn. Ở đây ai cũng mặc áo trắng, kể cả Sơn Vương. Dân chúng nhìn hai người một cách kinh mến. Họ không biết cô gái xinh đẹp mặc áo hồng kia là ai. Nhưng thấy chàng ai cũng nắm hai tay trước ngực cúi đầu chào. Sita rất thích kiểu chào đó của dân chúng trên đất. Thấy Sơn Vương nắm hai tay trước ngực để

chào lại mọi người, nàng cũng bắt chước làm như thế.

Khi hai người leo tới lưng chừng ngọn núi Tản thì trời vừa đứng giữa trưa. Nhìn xuống, Sita thấy cảnh vật dưới núi cực kỳ tú lệ. Những khóm nhà ẩn dưới những bụi tre xanh, những con sông uốn mình qua các đồng bông, vườn cây và ruộng lúa. Nhìn lên, nàng thấy những đám mây. Những đám mây trắng bay ngang gần sát đầu hai người. Đỉnh núi Tản khuất trong mây. Một đàn dê núi tới gần. Sơn Vương hái những lộc non cho dê ăn. Một đàn chim bay sà tới, riu rít. Sita cũng lấy lúa cho chim ăn và sung sướng nhìn những con chim bay tới đậu trên cánh tay nàng. Một lúc sau, nàng nói :

— Sơn huynh ở đây thích thật. Cảnh vật rất là thanh tú. Nhưng em thấy vẫn còn thiếu một cái gì.

— Cô muốn nói thiếu gì ?

— Để em xem... Còn thiếu bóng hình một cô con gái.

Sơn Vương phì cười :

— Thì có cô đang ngồi đây. Cô cứ thỉnh thoảng bơi về sông Chiết, tôi lại sẽ xuống đón cô lên chơi.

Sita cười :

— Không phải bất cứ cô gái nào. Em biết trên đời chỉ có một cô gái là xứng đáng được

lên ở đây với Sơn huynh mà thôi. Nhưng em không nói đầu.

Sơn Vương cười :

— Cô không nói thì thôi.

Ngồi chơi đến chiều. Sita đứng lên. Cô nói :

— Thôi em về.

Chàng đứng lên, tiễn cô công chúa Long Cung xuống núi. Khi hai người đi tới một khe suối nước chảy róc rách, Sita ngừng lại. Nàng nói :

— Sơn huynh thả em xuống dòng suối này cũng được. Em sẽ bơi về sông và sau đó sẽ tìm về biển.

Và nàng nhìn chàng :

— Người đẹp hời này em nói đó hiện đang ở Phong Châu. Đó là người đẹp nhất trên mặt đất, theo em biết. Em đã đi chơi khắp nơi, và đã thấy nhiều mỹ nhân nhưng chưa có ai bằng được người đó. Em khuyên Sơn Huynh nên đến xin nàng. Nàng là một mỹ nương, con gái Hùng Vương. Em không biết tên. Vì nàng là con gái một của vua nên người ta chỉ gọi là Mỹ Nương. Sáng mai Sơn huynh nên về Phong Châu ngay đi.

Nàng cười, và rón rén bước chân xuống suối, tay vịn vào một nhánh thông cho khỏi ngã. Khi cả hai chân nàng đã chấm nước, nàng nghiêng mình biến mất. Sơn Vương nhìn xuống mặt nước có một con cá hồng nhỏ bé

quẩy đuôi chào chàng, rồi theo dòng bơi đi.

Chàng mỉm cười, theo lối mòn leo trở lên trên núi. Bầy sơn dương còn đó, và bọn chim rừng lại tới đậu trên vai chàng. Một lát sau, chàng vào động lấy ra một vỏ rượu và một cái chén nhỏ. Chàng ngồi uống rượu và nhìn trời nhìn đất một mình. Bỗng chàng chú ý đến bàn cờ chàng đã khắc trên một phiến đá bằng phẳng. Chàng cảm thấy lời của cô gái thủy cung là đúng và cảm thấy khung cảnh hơi trống trải. Chàng định sáng mai đi Phong Châu, để xem mặt nàng My Nương mà Sita gọi là «người đẹp nhất trên mặt đất». Chàng mỉm cười khi nhớ đến vẻ mặt tinh nghịch của công chúa thủy cung.

Sáng hôm sau, khi Sơn Vương có mặt tại triều đình, chàng nhận thấy Thủy Vương cũng có mặt tại đó. Chàng lấy làm lạ, nhưng chàng chỉ chào mà không hỏi vì có gì Thủy Vương cũng có mặt nơi cung điện vua Hùng. Nhưng Thủy Vương đã nói :

— Chiều hôm qua, tôi gặp Sita ở trên đất về. Tôi hỏi nó ở đâu về, nó nói ở trên núi Tản Viên. Tôi hỏi nó đi gặp Vương huynh có việc gì, nó nhất định không nói. Tôi dọa nó, nó cũng không chịu nói. Mãi đến lúc tôi định bóp cổ nó nó mới chịu nói thực. À thì ra Vương huynh định đến đề hỏi cưới My Nương. Nhưng tôi đã có ý này từ lâu, hôm nay tôi cũng đến

đây đề hỏi cưới My Nương. Ha ha ! Đề xem ai có duyên hơn ai.

Sơn Vương lắc đầu mỉm cười, hơi khó chịu. Nhưng chàng lặng thinh không nói năng gì. Vừa lúc ấy quân hầu ra báo với hai chàng là vua Hùng cho vời cả hai thần nhân cùng vào một lúc.

Vào đến cung điện, hai chàng được vua Hùng mời ngồi trên cầm đôn gần bên ngai. Vua vuốt bộ râu dài bạc phơ, nói :

— Hân hạnh được hai thần cùng một lần đến viếng. Xin cho quả nhân biết chủ đích.

Thủy Vương nói :

— Tệ thần hôm nay đến đây cốt ý là đề xin đức Vua quý My Nương diễm lệ. Tệ thần xin tuân theo những điều kiện mà đức vua đặt ra.

Vua Hùng gật đầu và quay lại hỏi Sơn Vương:

— Còn quý nhân chắc cũng có mỹ ý gì cho nên đến thăm ta hôm nay. Xin cho quả nhân được biết.

Sơn Vương từ tốn nói :

— Tệ thần sở dĩ hôm nay đến đây cũng là đề xin My Nương.

Vua Hùng vuốt râu cười hả hả :

— Tiếc là trăm chỉ có được một gái. Nếu ta có hai my nương thì tiện biết bao nhiêu. Bây giờ biết làm thế nào ?

Một vị lạc hầu ngồi bên kính cần tâu :

— Hiện nay đất nước ta đang bị họ Thục đe dọa lập tâm phản loạn. Tuy họ mới chiếm cứ được một giải đất nhỏ, nhưng họ có mưu kế nhiều. Vậy xin đức vua chọn trong hai thần, vị nào có tài năng cứu nước thì gả My nương cho. Như vậy vừa giải quyết được chuyện cưới gả vừa giải quyết được chuyện giữ nước giữ dân.

Vua Hùng xoay sang vị Lạc Hầu vừa mới phát biểu ý kiến :

— Ý của khanh hay lắm, nhưng làm sao để biết người nào có tài hơn người nào ?

— Tâu đức vua kính mến, sẵn đây xin thử pháp thuật của hai thần. Người nào pháp thuật cao hơn, người đó sẽ được My Nương.

Vua Hùng vừa mới gạt đầu chưa kịp xoay ra lập lại lời Lạc Hầu, thì Thủy Vương đã đưa tay làm ấn quyết, miệng đọc thần chú. Sấm sét nổi dậy ầm ầm ; trời đang sáng bỗng tối sầm lại. Mọi người nhìn ra thì mây đen đã phủ kín... Tiếng gào thét của nước sông và của các loài thủy quái không biết từ đâu vọng lại vang dậy. Thủy Vương lại bắt ấn : phút chốc, sấm sét lặng tiếng, trời đất sáng sủa như trước. Ai nấy đều gạt đầu tán thưởng pháp thuật cao cường của Thủy Vương. Và mọi người hướng nhìn về phía Sơn Vương.

Sơn Vương ngồi yên trên cầm đôn. Chàng nghiêng mình đưa bàn tay chàng ra quét sát

nền cung điện. Bàn tay trở thành một cánh đời, trên đó có vua Hùng và mọi người đang ngồi. Bàn tay Sơn Vương đưa mọi người ra khỏi lòa cung điện và lên cao, lên cao mãi... Mọi người thấy mình đứng trên một trái núi cao ngất trời xanh, nhìn xuống thấy thành Phong Châu và cung điện chỉ còn lớn bằng một bàn tay.

Một lát sau, trái núi hạ xuống thấp dần trở thành cánh đời và đưa trở lại cung điện. Sơn Vương rút bàn tay lại : mọi người thấy mình còn ngồi yên trên cầm đôn như cũ. Về mặt của Sơn Vương lặng yên, không có gì thay đổi. Nhưng mọi người đều nhận thấy nét mặt của Thủy Vương tái xanh.

Nhưng vua Hùng đã lên tiếng :

— Trẫm thấy quyền phép của hai vị ngang nhau, khó có thể phân hơn kém. Thôi thì để Trẫm hỏi My Nương xem nó có ý kiến gì về việc chọn lựa không. Dù sao việc này cũng là việc liên hệ trực tiếp đến nó. My Nương ở đâu ?

Vua vừa dứt lời thì một người con gái bước ra. Nàng đẹp như ánh sáng mùa xuân, tóc như liễu, trán như bình minh, môi như hoa sen, vóc như dòng sông, dáng đi như sóng lúa. Sơn Vương nhìn nàng kinh ngạc. Chưa bao giờ chàng thấy một người con gái đẹp đến thế, và chàng thầm phục công chúa Sita.

Thủy Vương cũng nhìn My Nương sững sốt. Chẳng dẫu lòng nhất quyết không để My Nương lọt vào tay thần núi Tản Viên.

My Nương tàu, giọng nàng trong và êm dịu như nước mưa trên hồ sen biếc :

— Xin vua cha truyền cho hai chàng hễ sáng mai người nào đem sinh lễ tới trước là người đó được vua cha chọn.

Vua Hùng gật đầu, ngài bảo với hai thần :

— Ta chuẩn lời của My Nương. Vậy trong ngày mai, thần nào đem sinh lễ đến trước thì thần ấy sẽ được My Nương. Nên nhớ là sinh lễ phải tươm tất xứng với một đám cưới quốc gia.

Hai thần đều lay tạ và rút lui.

Sáng ngày mai, lúc trời còn mù sương, Sơn Vương đã có mặt lại cung điện. Dân chúng quanh vùng Tam Đảo suốt đêm đã giúp chàng tìm ra bao nhiêu là vật quý như ngà voi, sừng tê, trầm đàn, ngọc lan, vỏ quế. Các loài hươu nai chim chóc cũng đã thức suốt đêm để giúp chàng. Một chiếc xe lớn do một đoàn sơn dương tới hai mươi con kéo, chất đầy sản phẩm quý giá của rừng núi đã được bàn tay chàng chở về gần cung điện. Tới gần cung điện vua Hùng rồi, chàng mới rút bàn tay ra, và đoàn sơn dương chạy lóc cóc kéo những chiếc xe chất đầy sinh lễ vào cung.

Vua Hùng đã thức. My Nương cũng đã thức.

Vua bảo con gái trang điểm gấp để theo chồng. My Nương tâu vua là nàng đã làm xong công việc ấy. Nàng nắm lấy cánh tay vua, khóc sụt nước. Những giọt nước mắt nóng thấm vào vai hoàng đế. Vua Hùng đứng dậy, dắt nàng ra. Khi đến sân rồng nơi Sơn Vương đang phủ phục, Ngài nàng chàng dậy và nói :

— Ta rất mừng thấy người đến trước. Chắc con ta cũng vậy. Hãy nhận lấy hạt ngọc quý nhất của ta và của thành Phong Châu. Và hãy đem hết tài năng để giữ gìn đất nước.

Sơn Vương muốn lấy ta, nhưng Hùng Vương hối chàng ra đi ngay cho kịp.

Chiếc xe sơn dương đã đưa hai người ra khỏi cổng thành, mà vua Hùng còn lưu luyến nhìn theo. Hai giọt nước mắt trào ra, ngài vội lấy tay áo bào chùi đi và lui vào tấm điện.

Trên xe My Nương nói với Sơn Vương :

— Hôm qua, em biết chắc thế nào chàng cũng đến trước, cho nên mới đề nghị chuyện thi đua sinh lễ.

Sơn Vương không nói gì. Chàng cúi xuống hôn lên tóc My Nương, và giật nhẹ cương cho đoàn sơn dương chạy mau hơn chút nữa.

Đến gần trưa, Thủy Vương mới đến. Từng đoàn người khiêng những mâm lớn trên có ngọc trai, san hô và trăm ngàn thứ bảo vật khác tìm được dưới thủy phủ. Đoàn người tuần tự đi vào cung, đặt những mâm châu bảo

ấy xuống các sập ngự.

Thủy vương nóng ruột lắm nhưng chàng cũng làm ra vẻ có lễ phép và phong độ. Mấy lần rồi chàng nhờ người vào thông báo, mấy lần rồi Hùng Vương vẫn lặng tiếng.

Bỗng chàng túm lấy cánh tay người lính hầu, hỏi :

— Từ sáng đến giờ có thần núi đến đây hay không ?

Người lính hầu bị Thủy Vương nắm tay, đau quá, kêu lên một tiếng « á ». Ông ta xin Thủy Vương buông tay ông ta ra, rồi vừa xuýt xoa vừa nói :

— Sơn Vương tới đây từ hồi tờ mờ sáng với sinh lễ đầy đủ. Đức vua y hẹn đã gả My Nương. Sơn Vương đã đưa My Nương lên núi Tân Viên rồi.

Nghe tới đây, Thủy Vương quát lên một tiếng giận dữ. Tiếng quát làm rung chuyển cả đền đài. Vua Hùng nghe tiếng quát, định ra an ủi chàng rể hột. Nhưng Thủy Vương đã gạt bỏ những mâm châu ngọc và phi thân nhảy ra khỏi cung điện.

Chàng niệm chú, mây kéo đen ngịt. Sấm nổi ầm ầm, nước dâng từ biển lên cuồn cuộn. Rồi mưa đổ xuống như thác. Trong suốt mười ngày mười đêm nước mưa từ rừng đổ về, tràn ngập các con sông, tràn ngập nhà cửa ruộng đồng. Bão tố nổi lên dữ dội trên mặt biển.

Nước biển dâng lên, phủ vào với nước nguồn, bao quanh chân núi Tản Viên. Các loài thủy quái dưới quyền điều khiển của Thủy Vương tấn công bốn phía như bão táp. Thủy Vương quyết đuổi theo Sơn Vương và dành lại cho được nàng My Nương kiều diễm.

Sơn Vương và My Nương ở trên núi cao vì nước không dâng lên tới nên không bị thiệt hại gì. Nhưng thấy hàng ngàn dân chúng sống ở quanh núi bị Thủy Vương dâng nước làm hại, hai người không nỡ ở mãi trên cao. Họ đi xuống lẫn vào trong dân chúng, giúp đỡ chỉ dẫn cho họ cách thức chống lại cuộc tấn công của Thủy Vương. Chàng sai các loài hươu nai và sơn dương-khiêng kéo giúp những dụng cụ của dân ty nạn lên núi. Chàng lấy lưới sắt giăng dưới chân núi, ngăn loài thủy quái. Chàng dạy cho dân cách điều phục những con cá sấu và thuồng luồng. Mỗi khi có một con cá sấu bò lên, hai người dân cầm một chiếc gậy dài đề lên cổ cá sấu. Hai người khác tới trói chân và miệng cá sấu lại. My Nương chỉ dẫn cho các bà mẹ mang con lên đặt ở những chỗ yên ổn nhất. Nàng sai bảo các loài chim đi tìm trái cây đem về cho các em bé. Trong khi đó, Sơn Vương ra lệnh xô những tảng đá trên sườn núi xuống để tấn công lại những loài thủy tộc.

Thủy Vương nhận ra rằng khó mà thắng

được Sơn Vương. Mỗi lần chàng dâng nước thêm cao, Sơn Vương lại dời chỗ ở lên cao hơn. Ngọn núi Tản Viên cứ lên cao mãi, có lẽ đã vượt quá mây xanh. Loài thủy tộc bị bắt rất nhiều và bị thương do những tảng đá trên sườn núi lăn xuống cũng lắm. Xác các loài thủy tộc nổi lênh bênh trên mặt nước. Chàng hóa thành một thủy quái Makara, dài mấy ngàn trượng, vùng vẫy tạo thành sóng gió. Trong khi phần nộ miệng thủy quái tiết ra một loại chất độc đen ngòm. Chàng tạo nên bão tố, đưa những đợt sóng lớn cao bằng nóc nhà tấp vào bốn bên sườn núi. Những đợt sóng mang theo chất độc kia bắn tung tóe vào đàn bà, trẻ em và những người chưa kịp leo lên cao. khiến thân hình họ bị cháy nám rất kinh khiếp. Những loài thủy tộc đang chiến đấu gần các bờ nước cũng bị chất độc kia làm hại. Chúng cũng cảm thấy thịt da cháy nám, kêu khóc và gầm thét vang trời. Sơn Vương thấy thế rất lấy làm đau xót. Chàng hét bảo My Nương và mọi người leo cao thêm lên núi khỏi tầm sóng vỗ, và nâng những tảng đá lớn bằng mái nhà liệng xuống đầu thủy quái Makara.

Trong khi cuộc chiến xảy ra khốc liệt như thế thì công chúa Sita xuất hiện. Nàng đã trông thấy tất cả, nàng đã chứng kiến tất cả những khổ đau mà dân chúng hai bên đang chịu đựng. Lặn trong đám thủy quái, nàng là một con cá

thia sáu màu. Những giọt nước mắt trong như pha lê của nàng rơi xuống biển biến thành những hạt ngọc. Đột nhiên nàng rung mình biến thành một con giao long lớn, dài hàng ngàn trượng. Nàng vươn tới, nuốt hết những chất đen đen ngòm do thủy quái Makara tiết ra. Gan ruột nàng cháy bỏng. Nhưng nàng can đảm tiếp tục nuốt hết những chất đen đang pha lẫn trong nước, những chất đen đang làm dãn chúng cả hai phía vùng vẫy khốn khổ. Rồi giao long chuồi mình trên đất liền. Động tác ấy tạo thành một con kinh lớn và dài. Bèn bờ kinh dất nhô cao lên, khiến nước nguồn đang tràn về có lối trực tiếp chảy ra biển cả. Bờ kinh ngăn chặn không cho nước tiếp tục chảy tràn vào miền trung nguyên và hạ nguyên, đồng thời ngăn chặn lại mọi loài thủy quái. Thủy Vương thấy vậy rất lấy làm căm giận. Nhưng sức chàng đã kiệt. Các loài thủy quái dưới sự điều khiển của chàng cũng đã kiệt sức. Vương liền ra lệnh lui quân. Gió bão yên dần, và mặt nước từ từ hạ thấp. Chàng tự hẹn sẽ mở những cuộc tấn công khác, để đoạt cho kỳ được nàng công chúa diễm lệ.

* * *

Sáng hôm sau, khi Sơn Vương và My Nương xuống núi, một cảnh hoang tàn trải ra trước

mất hai người. Nhiều căn nhà bị nước cuốn đi chỉ còn trơ lại nền nhà trống trải. Xác trâu bò gà vịt ngổn ngang. Các đồng lúa hư hại tan nát. Rơm rác vương đầy trên các ngọn tre và các đọt cau. Xác người và xác thú vương mắc trong các bụi rậm. Dân chúng đau đã trở về đó, đang ra sức dọn dẹp và dựng lại cơ nghiệp. Hai người tìm đủ mọi cách để an ủi và giúp đỡ dân chúng. Không ai mở lời oán trách Sơn Vương và My Nương ; họ chỉ lắc đầu than thở về cảnh cốt nhục tương tàn. Chưa bao giờ con cháu cùng một nòi giống lại đi tàn hại nhau dữ dội đến thế. Biết bao nhiêu người bị vương chất độc của thủy quái Makara đang nằm rên siết quằn quại.

Chiều hôm ấy trên đường về núi, hai người nghe tiếng rên trong một huyệt động dưới chân núi. Khi tìm tới vào huyệt động, Sơn Vương và My Nương thấy một người con gái nằm nghiêng trên một vũng nước, quằn quại đau đớn. Sơn Vương biết đó là công chúa Sita.

Cổ họng và gan ruột nàng đang bị chất độc của thủy quái Makara hành hạ. Sơn Vương muốn đỡ nàng ngồi dậy, nhưng Sita lắc đầu. Nàng bảo nằm nghiêng như thế bớt đau hơn. Hai người ngồi yên bên nàng. Sơn Vương nói cho My Nương nghe vì sao Sita đang phải gánh chịu cực hình này. Nếu không phải là long nữ con gái của Long Vương thì số lượng

chất độc nàng nuốt phải đã làm cho nàng chết ngay trong khoảnh khắc. Nếu nàng có thể chịu đựng được trong ba tháng thì chất độc sẽ ra khỏi thân thể nàng. Trường hợp chất độc dính vào ngoài da, như trường hợp dân chúng trên đất và dưới nước, thì nhẹ hơn. Nếu có thuốc thoa, họ có thể lành bệnh trong vòng bảy hôm. Nhưng thuốc ấy phải được chế tạo bằng sự phối hợp những dược thảo trên núi pha lẫn với nước bọt của loài rồng. Sita hối thúc Sơn Vương đi ngay để tìm cách chế thuốc cứu dân.

Sơn Vương dặn My Nương ở lại huyết động săn sóc công chúa thủy phủ. Chàng lên núi, triệu tập các loài chim, sai chúng đi tìm về cho chàng những cây lá dùng làm thuốc. Rồi chàng cấp tốc về thủy phủ, xin nước bọt của loài rồng. Thuộc đường về thủy phủ, không mấy chốc chàng đã tới được long cung. Các bạn rồng nghe chàng nói chuyện đã xảy ra, đều vui lòng hiến tặng nước bọt. Chàng dùng một chiếc bình để đựng, gọi là bình Long Diên Hương.

Khi trở lên, chàng sắc các thứ dược thảo đặc lại và pha trộn với Long Diên Hương. Thứ thuốc bào chế ra là một thứ cao, có mùi thơm ngào ngạt. Chàng đem xuống núi chữa trị cho những trẻ em và người lớn bị phỏng vì chất độc. Thuốc thoa tới đâu là dịu mát tới đó. Chàng lại đem thuốc xuống biển, giao cho

một người bạn cũ nhờ đem đi chữa trị cho các loài thủy tộc đã bị chất độc làm cháy da cháy thịt.

Ba tháng đã trôi qua. Công chúa Sita bình phục. Nàng nói với Sơn Vương và My Nương :

— Thuộc của Sơn Huynh chỉ có thể trị bệnh ngoài da ; còn bệnh của em không có cách gì chữa trị được, vì em đã nuốt quá nhiều chất độc. Cuối tháng chạp em đã có trách nhiệm làm mưa Xuân. Cũng may mà cơn đau của em chỉ kéo dài trong ba tháng, nếu không, em sẽ không thể làm mưa vào mùa Xuân và dân chúng trên đất sẽ rất khổ sở. My Nương nhớ lại những cơn mưa Xuân nhẹ nhẹ, những hạt mưa Xuân phơi phơi bay và những lớp bụi mưa phủ trên cây cỏ. Hôm nay biết được rằng Sita là người đã làm ra những trận mưa đó, nàng nhìn công chúa Thủy Cung với đôi mắt cảm mến và kính phục. Nàng định nói một lời khen ngợi, nhưng Sita đã buồn bã tiếp :

— Sơn huynh hãy cẩn thận. Thủy Vương có thể sẽ tiếp diễn cảnh nổi da xáo thịt nhiều lần nữa, mà mỗi lần như thế dân chúng hai bên sẽ chịu đựng không biết bao nhiêu là cực khổ. Thủy Vương đã được giao quyền làm mưa trong mùa thu và mùa đông. Thủy Vương có thể lợi dụng việc đó để làm mưa làm bão, dâng nước lên để đánh Sơn Huynh, làm cho sinh linh hai bên đồ thân. Trong cơn giận dữ,

dưới hình thái thủy quái Makara, Thủy Vương lại có thể tiết ra bao nhiêu chất độc, và nếu chuyện đó xảy ra, em lại phải hóa hình giao long, nuốt hết chất độc vào bụng để cứu dân.

My Nương la lên :

— Khô quá ! Thế thì không còn cách gì khác hơn hay sao ?

Sita nhìn nàng, bình tĩnh :

— Không có cách gì khác. Chỉ có cách ấy. Em phải hóa thành một con giao long thật lớn và nuốt hết chất độc vào ruột trước khi chất độc tan ra trong nước. Sự giận dữ bao giờ cũng tiết ra chất độc như vậy. Mỗi lần nuốt vào bụng chất độc kia, em sẽ phải nằm nghiêng chịu đựng đau đớn trong ba tháng, không có cách gì làm khác hơn. Nhưng em cầu xin một điều là nếu các cuộc giao tranh tiếp diễn, xin Sơn Huynh và chị tìm mọi cách để tránh thiệt hại cho dân.

Sơn Vương hỏi :

— Phải làm sao ?

— Sơn Huynh phải cho dân chúng trên đất đảo những con kinh liên lạc từ sông này ra sông khác để cho nước nguồn có lối chảy thẳng ra biển mà không tràn vào bình nguyên. Lại nên đắp đê cao để chặn nước và ngăn các loài thủy quái. Đừng lán đá trên núi xuống để giết hại các loài thủy tộc : chỉ nên dùng đê cao và giăng lưới sắt là đủ. Nếu Sơn Huynh và dân

chúng chỉ tìm cách tự vệ mà cố gắng tránh cho đối phương sự giết hại thì dần dần các loài thủy tộc sẽ nhận ra thiện chí của Sơn Huynh. Em sẽ chuyển tai trong mọi loài dưới biển để tạo thêm sự hiểu biết và yêu thương, mong rằng thù hận sẽ tiêu tan và những cuộc tương sát giữa các loài anh em một ngày kia sẽ không còn tiếp diễn nữa.

Nàng cười, và quay lại My Nương :

— Còn chị, chị còn là người phạm, phải gắng công tu luyện để thành bất tử. Ngoài công việc giúp dân, chị cũng cần học đạo.

Nàng đứng dậy và từ giã hai người :

— Thôi em xin cáo từ. Cảm ơn anh chị đã săn sóc em trong suốt ba tháng trời.

Hai người tiên Sita xuống núi. Đến dòng suối, trước khi bước chân xuống nước, nàng nhìn hai người, dặn dò :

— Xin Sơn Huynh và chị nhớ chuẩn bị cho xong xuôi trước tháng bảy, để có đủ thì giờ bảo vệ đời sống của dân, nếu lụt lội lại xảy ra. Và nhớ đem lòng yêu thương để đối lại với mọi loài.

Nàng bước xuống suối, nghiêng mình biến thành con cá nhỏ màu hồng. Con cá nhỏ quẫy đuôi chào hai người, rồi bơi theo giòng nước suối trong vắt.

My Nương choàng tay lên cổ Sơn Vương, hai mắt nàng ướt đầm.

XII

DU THUYẾT

ĐOÀN sứ giả nước Văn Lang đã tới kinh đô nước Chu. Mọi người tìm nơi nghỉ ngơi để sáng mai vào yết kiến vua Thành Vương. Không muốn lưu lại trong ngôi nhà mà triều đình dành cho các sứ giả từ phương xa tới, đoàn sứ giả xuống phố tìm một quán trọ riêng. Mọi người tắm rửa, ăn uống và nghỉ ngơi một cách thoải mái.

Vị trưởng phái đoàn của Văn Lang là một lạc hầu trẻ tuổi, tên là Việt. Chàng có dáng vóc cao lớn và thanh tú, mặt mũi rất khôi ngô. Chàng lại thông hiểu nhiều thứ tiếng ngoại quốc, đã từng nói chuyện với những thương gia từ phương Tây đến hoặc từ phương Bắc xuống. Tuy chàng đã có hỏi thăm và biết nhiều về đất đai và phong tục xứ Chu, chàng vẫn chưa từng tưởng tượng được đất đai nước Chu bao la đến thế và dân số nước Chu đông đảo đến thế. Trong chuyến đi trên ba tháng vừa qua, chàng và những người đồng hành đã thấy nghe và học hỏi được bao nhiêu điều mới lạ.

Trong khi mọi người đang ngủ một giấc ngủ an lành để lấy lại sức lực, vị lạc hầu trẻ tuổi nằm vắt tay lên trán, nghĩ đến phương thức đối thoại với vị hoàng đế nhà Chu mà nhiều người chàng gặp trên đường đã cho là một bậc thánh nhân. Chàng đã lắng nghe dân chúng và tìm hiểu vua Thành Vương qua những nhận xét của họ. Chàng nhận ra rằng cuộc nói chuyện ngày mai không phải là một cuộc nói chuyện dễ dàng. Dân chúng cả nước Văn Lang đang trông cậy ở tài ngôn luận của chàng để tránh cho được một cuộc chiến tranh đẫm máu giữa hai nước. Âm mưu thôn tính Văn Lang đang thành hình ; nước Chu đang sắp sửa soạn binh ngũ. Chuyển đi của Việt nhằm mục đích khuyến vua Thành Vương bãi bỏ ý định thôn tính Văn Lang.

Hồi còn bé, Việt thường hay đi câu cá ở các bờ sông với lũ trẻ trong làng. Một hôm đi chơi một mình, chàng câu lên được một con rắn nhỏ. Không sợ hãi, chàng liệng con rắn xuống sông trở lại. Nhưng lần kế, chàng cũng câu được con rắn nhỏ đó. Chàng lại liệng nó xuống sông. Lần thứ ba, cũng con rắn nhỏ đó cắn câu. Lần này, chàng không liệng con rắn đó xuống nước nữa, mà lại bỏ nó vào trong một cái hũ bèn cạnh, lấy một tảng đá đập lại.

Buổi chiều đó, chàng chẳng câu được gì hết. Trời đã gần tối, chàng đứng lên thu xếp mọi

thứ để ra về. Đến khi mở nắp hũ ra tìm con rắn để quăng trở lại dưới sông, chàng không thấy con rắn trong hũ. Chàng lấy làm lạ. Tảng đá vẫn còn đậy trên miệng hũ, không biết làm sao mà con rắn lại bò ra được. Chàng vừa úp cái hũ xuống đất thì bỗng nghe có tiếng cười khúc khích bên cạnh. Ngảnh lại, chàng thấy một người con trai cũng tuổi chàng, tóc dài, đang đứng cười.

— Anh là ai ? Tại sao lại đến đây mà cười ? Chàng hỏi.

Người con trai hết cười, trả lời :

— Tôi là con trai của Long Vương. Tôi đang đi chơi ngang đây thấy anh, muốn kết bạn với anh để chuyện trò cho vui, nên đã trêu anh bằng cách cắn vào câu anh ba lần.

— Vậy anh là con rắn nhỏ hồi nãy hả ?

Người con trai lại cười :

— Vâng, anh có thể nói : con rắn nhỏ hồi nãy là tôi. Bởi vì là hoàng tử dưới Long Cung tôi có thể biến thành rồng, rắn, cá hay bất cứ một loài thủy tộc nào. Trời tối, nhưng trên trời có sao nhiều, đẹp quá ! Gió mát nữa ! Thôi anh hãy khoan về ; chúng ta ngồi lại trên bờ sông hóng mát và nói chuyện chơi.

Hai người trẻ tuổi ngồi xuống bờ cỏ. Họ nói chuyện dưới nước và trên đất. Việt nói cho hoàng tử thủy cung nghe về những cảnh sinh hoạt trên đất của dân quê. Chàng trai thủy

cung say mê ngồi nghe Việt kể.

— Anh biết không, ở cánh đồng phía bên kia sông, vào mùa lúa chín, thật là không có gì vui bằng. Lúa chín vàng rục cả cánh đồng. Buổi sáng dân trong làng mang hái và đòn gánh ra. Họ gặt lúa. Năng lên. Họ cười đùa, chuyện trò, ca hát. Họ hát những câu hát đối đáp nhau và thỉnh thoảng lại ngừng tay đứng dậy cười ha hả. Buổi trưa, họ quy tụ dưới những bóng cây mát mẻ để ăn trưa. Họ nghỉ ngơi một chút rồi lại tiếp tục công việc. Đến chiều, họ gánh những gánh lúa thật nặng về xóm.

Hai người nói chuyện cho đến khuya. Sao về khuya càng lúc càng sáng. Họ ngồi yên bên nhau không nói năng gì, lắng tai nghe những âm thanh của trời đất. Bỗng Việt nói :

— Những con đẽ dưới cỏ không biết kêu gì mà kêu hoài kêu mãi không biết chán như thế nhỉ ?

Hoàng tử Thủy Cung ngạc nhiên :

— Thế anh không hiểu tiếng đẽ à ?

Việt lắc đầu. Hoàng tử thủy cung suy nghĩ và gật đầu :

— Đúng rồi, anh không hiểu là phải.

Rồi chàng há miệng nhả ra bàn tay một viên ngọc nhỏ sáng ngời :

— Đây anh thử ngậm viên ngọc này vào miệng và lắng nghe thử xem bọn đẽ đang nói gì.

Việt cầm lấy viên ngọc, bỏ vào miệng ngậm lại, và lắng nghe. Thoạt tiên, chàng thấy tiếng dễ cũng giống như tiếng dễ chàng nghe thường ngày. Nhưng sau đó, đột nhiên chàng hiểu. Thì ra, bây giờ đang cùng hát những bài hát giọng điệu trầm trầm. Thỉnh thoảng trong giọng hát kéo dài như vô tận ấy có tiếng cười trong trẻo giống hệt như tiếng cười trẻ em. Lại có tiếng dễ nói chuyện xôn xao. Thấy Việt mỉm cười, hoàng tử thủy cung biết chàng đã hiểu được tiếng dễ. Chàng nói, mắt nhìn lên trời cao :

— Anh thử lắng nghe xem những ngôi sao kia đang nói gì ?

Việt ngược mắt nhìn lên trời. Những ngôi sao mà cũng nói chuyện được hay sao ? Chàng lắng tai nghe : trước tiên, chàng có cảm tưởng là mình nghe bằng hai mắt. Những ngôi sao lung linh nhấp nháy, vẫy tay, chào hỏi và cười với chàng. Rồi đột nhiên Việt nghe tiếng gọi. Đúng là những ngôi sao gọi chàng, gọi đúng tên Việt của chàng. Rồi những ngôi sao xôn xao chuyện trò. Có những ngôi sao nói chuyện về mặt đất. Lại có những ngôi sao đang nói chuyện về chàng và về người bạn mới của chàng...

Chàng then quá, cúi đầu xuống và nuốt nước bọt. Nhưng không may cho Việt : viên ngọc quý của hoàng tử thủy cung theo nước bọt

trôi xuống cổ họng chàng. Chàng khạc nhỏ, nhưng viên ngọc đã xuống tới bụng, không chịu đi ra nữa. Chàng quay sang nhìn bạn, mở miệng định xin lỗi vì đã vô ý nuốt mất viên ngọc, nhưng hoàng tử thủy cung đã vỗ vai chàng :

— Anh không cần phải xin lỗi. Tôi biết anh vô ý mà nuốt viên ngọc, chứ không phải là cố tình. Có lẽ anh có số may. Từ đây anh sẽ nghe và hiểu được mọi thứ tiếng, và chắc là điều này sẽ giúp cho anh nhiều trong cuộc đời. Còn tôi thì chỉ trong vòng một năm là tôi luyện được viên ngọc khác... Thôi anh cứ vui lên. Tôi chỉ xin anh một điều là đừng tiết lộ sự gặp gỡ giữa hai chúng ta. Thế thôi. Bây giờ tôi xin về thủy cung, kéo trời khuya lắm rồi. Anh cũng về xóm ngụ đi thôi. Hẹn ngày khác gặp lại.

Cuộc gặp gỡ giữa Việt và hoàng tử Thủy Cung chỉ ngắn ngủi như thế thôi. Sau đó, chàng trai thủy cung trở về nước, và Việt về xóm.

Từ đó, chàng học hành rất mau tiến bộ. Kinh sách chỉ nghe đọc qua một lần là thuộc. Những ngoại ngữ chàng học rất mau chóng. Chàng thường hay lên Phong Châu chơi, nơi đó chàng gặp nhiều người ngoại quốc. Chàng nói chuyện hàng giờ với những người phương Tây và những người phương Bắc, khiến cho mọi người phải khâm phục.

Lớn lên chàng được mọi người trong quận tiến cử lên vua Hùng. Thấy chàng thông minh và đức hạnh vua Hùng đã dùng chàng tới chức Lạc Hầu và sau đó ủy cho chàng quản trị những quận huyện trong bộ chàng ở và lấy tên chàng đặt cho miền ấy. Từ đó có bộ Việt Thường. Nước Văn Lang của chàng có tới mười lăm bộ : ngoài bộ Việt Thường, còn có các bộ Giao Chỉ, Chu Diên, Ninh Sơn, Phúc Lộc, Ninh Hải, Dương Tuyền, Quế Dương, Vũ Ninh, Hoài Hoan, Cửu Chân, Nhật Nam, Quế Lâm, Tượng Quận và Gia Ninh. Kinh đô Phong Châu của nước Văn Lang nằm ở bộ Gia Ninh.

Chàng lạc hầu trẻ tuổi đã ra sức làm cho dân chúng trong các quận huyện của mình an cư lạc nghiệp. Chàng có nhiều người cộng tác giỏi mà chàng tuyển chọn được trong bộ của chàng. Không những ngành canh nông và tằm tang của bộ Việt Thường phát triển mạnh mà ngành thương mại cũng đã trở thành chính yếu. Thương gia các nước đến buôn bán rất đông. Chính một nhà buôn từ miền Bắc đi xuống đã báo cho chàng cái tin nhà Chu có ý sửa soạn binh mã để chinh phục Văn Lang. Nhà buôn nói :

— Kế hoạch đánh Văn Lang là do một người phụ tá vua Thành Vương chủ trì. Người đó nói đất Văn Lang không có pháp tắc, kỷ cương, cần phải được khai hóa. Nhưng tôi thấy người

Văn Lang có một nền văn minh khác hẳn với văn minh chúng tôi ; tuy không cùng một pháp chế nhưng dân chúng Văn Lang cũng đang sống trong hòa bình và thịnh vượng. Tôi xin báo với quan lạc hầu để ngài tìm cách ngăn ngừa cuộc chiến tranh đem tang tóc đau khổ cho dân của cả hai xứ.

Viết cảm ơn người thương gia có lòng. Thay vì lên Phong Châu để đàm đạo với vua Hùng, chàng ra ngoài bờ sông ngồi nhìn dòng nước chảy.

Chàng nghĩ phương pháp hay nhất là tìm cách nói thẳng với vua nhà Chu rằng một cuộc chiến tranh xâm lăng sẽ làm khổ đau dân chúng của cả hai xứ. Rằng nước Văn Lang có pháp độ và kỷ cương riêng của mình. Rằng Văn Lang là một nước có văn minh không cần ai khai hóa. Nhưng làm sao để gặp được vua Thành Vương ? Có phải là chàng sẽ đích thân sang nước Chu ?

Chàng nhìn đồng lúa chín vàng bên kia sông mà tưởng rằng đồng lúa ấy sẽ biến thành một bãi chiến đầm máu.

Bỗng một đàn chim trắng bay ngang. Màu trắng của cánh chim in lên màu trời xanh ngắt. Đàn chim bay với một dáng điệu uyển chuyển, chàng ít khi trông thấy những con chim đẹp như thế.

Bỗng chàng chú ý đến tiếng kêu của con

chim đầu đàn : nó gọi những con chim khác cùng bay tới chỗ chàng ngồi. Phút chốc cả đàn chim đáp xuống. Có con đậu cả lên vai chàng.

Việt hỏi :

— Chim có ý gì giúp ta không ?

Con chim đầu đàn đáp :

— Sao lại không ? Chúng em do bà chúa Âu Cơ sai đến dâng kế cho Lạc Hầu. Đức Bà dạy là Lạc Hầu nên sửa soạn du thuyết bên nước Chu.

— Nhưng nước Chu ở xa, đi bao giờ cho đến ?

Đàn chim cười khanh khách. Con chim đầu đàn nói :

— Hễ đi là tới.

Việt thấy vui lên. Nói chuyện với một đàn chim thật là dễ chịu. Dễ chịu như là nói chuyện với một đám trẻ con. Những con chim xinh đẹp này nói năng dễ thương, không cần theo phép tắc nào hết.

— Chúng em đã từng bay qua biển cả, thấy những thuyền buôn căng buồm theo gió đi dọc theo biển. Bây giờ đã đến mùa gió thuận để thuyền đi về Bắc. Thánh Mẫu dạy là nên chuẩn bị và đi ngay. Đức Bà biết Lạc Hầu đang do dự nên sai chúng em tới đây. Lạc Hầu biết nhiều thứ tiếng, cả tiếng người nước Chu nữa. Vậy Lạc Hầu có thể nói chuyện trực

tiếp với vua Thành Vương.

— Nhưng ta chưa chuẩn bị gì hết. Cả đến những tặng phẩm đem theo để biếu vua Thành Vương cũng chưa có. Ta đâu có sẵn những thứ quý giá như vàng, bạc, đồi mồi, sừng tê, ngà voi... Phải về Phong Châu xin vua Hùng mới được chứ.

Con chim đầu đàn bay lên đậu trên vai chàng, nói nhỏ :

— Tặng phẩm không cần thiết lắm. Lạc Hầu sẽ tiên đường ghé Phong Châu để báo tin cho vua Hùng biết mục đích của chuyến đi. Rồi ra ngay cửa biển, có nhiều thuyền buôn sẽ nhỏ neo trong những ngày sắp tới. Chỉ cần đem theo ít thôi vàng làm lệ phí. Chúng em sẽ đi hộ tống. Lạc Hầu cứ bắt lấy hai con chim trong số chúng em để làm quà tặng vua Thành Vương.

— Quà tặng của một nước mà chỉ là hai con chim thôi thì trông sao được ?

— Quà tặng quý ở chỗ hiếm có chứ không phải ở số lượng. Vàng bạc, trân châu hay sừng tê hoặc ngà voi, họ đã có nhiều. Thành Vương là người có văn học, biết sáng chế ra lễ nhạc và pháp độ, chắc chỉ chú trọng đến phong thái và ngôn ngữ của người mình hơn là để ý đến phẩm vật hiến tặng. Giống chim bạch trĩ chúng em chỉ có ở đất này thôi và chưa từng có mặt ở đất Bắc. Vua Thành Vương

chắc là sẽ vui lòng.

Việt cảm ơn đàn chim và quay về trị sở. Hai con bạch trĩ trắng như tuyết đậu trên vai chàng và theo chàng về.

Sáng hôm sau, chàng tuyển sáu người có sức mạnh, có văn học và có phong thái cao đẹp cùng đi với chàng. Họ ghé lên Phong Châu yết kiến vua Hùng. Vua Hùng mừng rỡ, căn dặn đủ mọi điều, và cấp chứng điệp cho phái đoàn. Ngoài áo quần, phái đoàn chỉ mang theo nước uống, thực phẩm và một số vàng bạc để làm lộ phí. Họ theo một thuyền buồm để đi về hướng Bắc. Gió thuận, buồm căng, thuyền đi rất nhanh. Việt trông thấy đàn chim trắng đi theo một cách nhịp nhàng trên cao để hộ tống đoàn sứ giả. Hai con bạch trĩ vẫn đậu trên vai chàng. Thuyền đi như thể có gần hai tháng trời. Thỉnh thoảng thuyền có ghé lại bờ để lấy nước ngọt và mua thực phẩm. Trong những lúc này đàn chim trên cao biến mất. Nhưng khi thuyền căng buồm tiếp tục cuộc hành trình, đàn chim hộ tống lại hiện ra. Có khi đàn chim bay khuất trong mây.

Cuối cùng thuyền đến bến. Đoàn sứ giả lên bộ. Họ bỏ tiền ra mua bảy con ngựa, và lấy đường bộ về kinh đô nhà Chu. Đoàn sứ giả ngày đi đêm nghỉ trong gần một tháng trời mới tới. Giữa đường họ ngủ lại ở những túp lều. Ở đây, Việt Thường hay nói chuyện với

những khách hàng và những người chủ quán để tìm hiểu phong tục và tập quán nước Chu. Chẳng được nghe kể rằng vua Thành Vương đã sáng chế ra lễ nhạc, các tập tục và nghi thức về cưới hỏi, tang lễ, vân vân... Lễ nhạc và tập tục nhà Chu nghe ra có nhiều đặc điểm đặc sắc và khác với lễ nhạc tập tục Văn Lang. Người nước Chu chưa biết dùng cau trầu trong các buổi gặp gỡ cũng như trong lễ cưới hỏi. Họ không tổ chức những cuộc vui giữa trời với âm nhạc và cạ vũ trong đó mọi người được tham dự bình đẳng. Ranh giới giữa vua tôi, thầy trò, cha con được vạch ra quá rõ rệt. Kỷ luật của họ quá nghiêm minh, cho nên sự thân mật giữa vua tôi, thầy trò và cha con bị hạn chế quá nhiều. Ở Văn Lang một vị Lạc Hầu cũng có thể múa hát chung với dân chúng trong đám hội. Cha và con cũng có thể múa hát chung. Cả đến vua cũng múa hát chung với dân trong các đám hội. Dân gặp vua khỏi phải phủ phục và tung hô. Họ thường gọi vua là « đức vua kính mến » và chỉ cúi đầu chào mỗi khi thấy vua đi ngang mà thôi.

Việt cũng nghe nói rằng vua Thành Vương nước Chu là một nhà trí thức, một nhà triết học. Vua đang soạn một bộ sách tên là Dịch Học. Sách này nghe đâu đã được khởi soạn bởi vua Văn Vương nhưng chưa hoàn thành.

Mãi suy nghĩ về vua Thành Vương, Việt thiếp

ngủ đi bao giờ không hay. Khi chàng thức giấc, ánh nắng đã chiếu qua cửa sổ. Chàng bảo mọi người sửa soạn để vào triều. Hai con chim trắng bay lại đậu trên vai chàng.

Nghị vệ ở đây nghiêm mật hơn ở cung điện vua Hùng nhiều. Tuy vậy đoàn sứ giả Văn Lang đi đứng rất tự nhiên, không có dáng dấp gì sợ hãi. Vị trưởng phái đoàn của họ, mỗi khi gặp một người nào dù là quan văn, quan võ hay lính gác đều nghiêng đầu chào nhã nhặn như nhau. Cuối cùng, đoàn sứ giả được đưa đến trước điện vua Chu. Mọi người đứng thành một hàng. Việt Thường cúi đầu chào kính cẩn, hai tay nắm lại để trên ngực, nhưng không phủ phục như vị quan viên tiến dẫn. Chàng nói :

— Kính xin đức vua cho chúng tôi làm lễ chào hỏi theo nghi thức Văn Lang.

Chàng nói câu trên bằng tiếng mẹ đẻ của chàng, tiếng Văn Lang, mà không phải bằng tiếng Chu. Chàng nghĩ phải giữ thể thống cho văn hóa nước nhà. Giọng chàng trong như chuông và vọng khắp cung điện.

Vua Thành Vương không hiểu tiếng Văn Lang, quay lại hỏi những văn quan đứng hầu phía trái của vua. Những vị văn quan này cũng nhìn nhau, không ai nói được tiếng Văn Lang.

Cuối cùng một vị quan lâu :

— Xin bệ hạ đề cho hạ thần ra gọi một

người có thể thông dịch tiếng của các nước di dịch miền Nam.

Vị văn quan đi ra. Sau đó không lâu, ông ta trở vào với một người khác, tầm vóc khá cao lớn và nước da sạm. Người này, sau khi phủ phục trước vua Thành Vương, đưa hai tay trước ngực cúi đầu chào đoàn sứ giả theo kiểu người Văn Lang. Mọi người trong đoàn biết ngay rằng người này đã từng cư trú ở đất nước họ, và đã am tường phong tục thể chế Văn Lang.

Việt cùng đoàn sứ giả lại chấp tay cúi đầu làm lễ vua Thành Vương một lần nữa. Chàng lập lại :

— Kính xin đức vua cho chúng tôi làm lễ chào hỏi theo nghi thức Văn Lang.

Người thông dịch lập tức nói lại câu nói bằng tiếng Chu.

Vua Thành Vương gật đầu mỉm cười, ban cầm đôn cho mọi người ngồi, rồi hỏi :

— Sứ giả từ đâu tới, và đem theo hai con chim trắng làm gì vậy ?

Việt kính cẩn thưa :

— Chúng tôi từ bộ Việt Thường của nước Văn Lang tới. Hai con chim bạch trĩ này là sản phẩm đặc biệt của đất nước Văn Lang. Nghe nói quý quốc không có giống chim này nên chúng tôi mang đến để làm quà dâng lên vua của quý quốc. Quà tuy nhỏ mọn, nhưng

thiện chí thì lớn lao, kính xin đức vua chấp nhận cho.

Thấy Việt Thường ăn nói lưu loát, vua Thành Vương gật đầu. Vua hỏi :

— Nghe quý quốc tên là Giao Chỉ, nay lại có tên là Văn Lang, vậy tên nào là đúng ?

— Tâu đức vua, Giao chỉ là tên một bộ trong mười lăm bộ của nước Văn Lang. Nước chúng tôi tuy nhỏ nhưng vua hiền và dân giỏi, có pháp độ, có văn minh. Hai tiếng Văn Lang tiêu biểu cho nền pháp độ đó. Văn là sáng đẹp, Lang là hiền lành.

— Trẫm thường nghe nói đến dân quý quốc người nào cũng có hai ngón chân cái giao nhau, vì vậy mà người của quý quốc được gọi là giống người *giao chỉ*, có phải thế không ?

— Tâu đức vua, Giao Chỉ chỉ là tên một bộ trong mười lăm bộ của nước Văn Lang. Dân chúng tôi quả có người có hai ngón chân cái giao nhau, nhưng lại có nhiều người không có. Chúng tôi lại biết rằng có nhiều giống dân khác cũng có người có hai ngón chân cái giao nhau. Cả đến ở quý quốc, thỉnh thoảng chúng tôi cũng có gặp một vài người như vậy. Tuy rằng có hai ngón chân giao nhau thì trèo cây rất mau, nhưng không phải vì vậy mà hai ngón chân trở nên cái tên của một nước.

— Có người lại cho rằng người quý quốc có vẽ hình giao long trên thân thể cho nên tên

của quý quốc là Giao Chỉ, tức là xứ của giống dân Giao Long.

— Tàu đức vua, điều ấy cũng không được đúng. Người nước Văn Lang có vẽ mình thật, nhưng vẽ mình cũng chỉ là một hình thái văn minh mà thôi. Chúng tôi là con rồng cháu tiên; chim Lạc và vua Rồng là biểu hiệu của giống nòi.

Những người làm nghề chài lưới tin rằng nếu vẽ hình rồng trên người thì các loài thủy tộc sẽ nhận rằng họ có liên hệ thân tộc với loài rồng và do đó sẽ không làm hại. Người trong khắp mười lăm bộ đều có tục vẽ mình, không phải chỉ có người ở bộ Giao Chỉ.

— Vậy khanh nói tại sao lại có danh từ Giao Chỉ ?

— Tàu đức vua, bởi Giao Chỉ là đất giao tiếp giữa văn hóa hai miền Đông Tây. Đó là nơi gặp gỡ giữa những người từ xứ. Có những người từ quý quốc xuống lưu lại đó trước khi đi sang Tây Vực. Có những người xứ Tây Vực tới, ở lại đó trước khi sang quý quốc. Tại Giao Chỉ, có thể tìm được người thông dịch rất dễ dàng. Đó là một nơi thuận tiện để học tiếng nước ngoài. Nhiều người Văn Lang biết nói ngoại ngữ. Chữ *giao* trong Giao Chỉ có nghĩa là giao tiếp. Giao tiếp giữa hai miền văn hóa.

Vua Thành Vương gật đầu :

— Trẫm hiểu ra rồi. Vậy khanh tên họ là gì ?

— Tàu đức vua, tôi được họ là Việt, tên Thường.

— Ở quý quốc, có bao nhiêu giòng họ như thế ?

— Có tất cả một trăm dòng họ như thế. Việt chỉ là một dòng họ. Ngày xưa khi tiên nữ Âu Cơ và Long Vương phối hợp, có một trăm người con ra đời. Dòng họ Việt cũng từ đây mà ra. Sau này vua Hùng kính mến của chúng tôi đã dùng tên Việt Thường mà đặt cho châu bộ nơi chúng tôi cư trú, cho nên đất chúng tôi gọi là đất Việt Thường.

— Một trăm dòng họ... Tới một trăm dòng họ như dòng họ Việt thì dân quý quốc quả cũng khá đông đảo. Hèn gì ta có lần nghe nói đến danh từ Bách Việt.

Một vị võ quan bỗng đứng dậy tâu :

— Tàu bệ hạ, nhưng đó chỉ là một khoảnh đất di dịch, man rợ, không có văn minh, không có pháp độ. Cứ xem cách họ cắt tóc ngắn, để đầu trần, ăn cau trầu toét thì đủ biết họ còn dã man lắm, cần phải được khai hóa.

Nhìn lại viên võ quan, Việt thấy lão có một bộ râu ngắn và một vẻ mặt nham hiểm. Có lẽ người này là tác giả của cuộc âm mưu chinh phục Văn Lang. Chàng nói :

— Tàu đức vua, văn minh có nhiều hình thái, Nam Bắc không giống nhau. Trong một xứ nóng bức mà để tóc dài và đội mũ thì không

chịu được. Đó là cực hình mà không còn là văn minh nữa. Vậy cho nên người Văn Lang cắt tóc ngắn và để đầu trần. Cắt tóc ngắn vừa mát mẻ vừa tiện lợi cho sự cày ruộng, đốt lửa, gieo lúa, treo cây và lặn lội dưới nước. Đã đành thân thể này là của cha mẹ để lại không nên hủy hoại, nhưng cắt tóc và cắt móng tay không phải là hủy hoại mà chỉ là để sẵn sóc trau chuốt. Còn vẽ hình rồng là cả một nghệ thuật. Không phải là muốn vẽ thế nào cũng được đâu. Sống giữa những dân tộc đông đảo, đó cũng là một phương thức giữ gìn nòi giống không để cho bị đồng hóa.

— Nhưng tại sao các khanh lại ăn trầu ?

— Ăn trầu là một tập tục rất đẹp. Miếng trầu làm cho những cuộc gặp gỡ thêm đậm đà ý vị. Miếng trầu làm cho hết lạt miệng, lại làm cho vui câu chuyện và tăng thêm duyên dáng cho người ăn. So với hút thuốc thì ăn trầu là một tập tục đẹp dễ hơn nhiều. Đức vua và các vị đại quan chưa nghe kể về lai lịch miếng trầu cho nên mới không thấy được ý nghĩa đẹp đẽ của miếng trầu.

Vua Thành Vương hỏi :

— Lai lịch miếng trầu như thế nào ?

Việt bèn kể cho vua nghe về cuộc tình duyên giữa Tản, Lang và Thảo, và quyết định của vua Hùng đệ nhị về việc dùng cau trầu để thay thế cho muối trong các lễ cưới hỏi. Chàng kể

chuyện trực tiếp bằng tiếng Chu một cách cảm động khiến cả triều đình chăm chú đứng nghe không bỏ sót một lời. Vua Thành Vương có vẻ rất cảm động. Kề xong, chàng tiếp :

— Ăn cau trầu thì miệng rất sạch, không bao giờ hôi. Chắt trầu cay và chắt vôi nồng làm cho mọi chất độc trong miệng tan hết, hơi thở ấm và thơm, răng sẫm màu và chắc. Người ăn cau trầu ít có đau răng. Ở nước chúng tôi, bất cứ ở một cuộc gặp mặt nào cũng có cau trầu. Cau trầu làm tăng thêm tình thân mật. Nếu một mai kia đức vua ngự giá sang tề quốc thăm, vua Hùng chúng tôi chắc chắn cũng sẽ đem cau trầu ra để thết đãi,

Vua Thành Vương cười :

— Đợi đến lúc ấy trẫm sẽ ném thử để xem vị cau trầu đậm đà đến mức nào. Bây giờ khanh cho ta hỏi : đoàn sứ giả quý quốc sang thăm trẫm có ý định gì ?

— Ba năm nay nghe nói đất Bắc trời không hạn hán, cũng không mưa dầm, bốn biển yên lặng, dân chúng an hòa, chúng tôi chắc là có thánh nhân xuất hiện ở phương Bắc nên đã vượt ngàn trùng sông núi tìm tới chiêm ngưỡng Quả đúng như chúng tôi dự đoán : đức vua là một vị minh quân, sáng tạo lễ nhạc, ngự chế pháp độ, làm cho trên dưới kỷ cương, bốn biển hòa thuận. Một vị minh quân như đức vua nhất định là không để cho khói lửa nổi

dậy, sinh linh ta thán. Nước Văn Lang chúng tôi binh ngũ tuy không lớn bằng binh ngũ đại quốc, nhưng lòng dân với lòng vua như một đã từng đánh bại cuộc xâm chiếm của giặc Ân. Nước chúng tôi chỉ mong quý quốc lấy ân đức mà làm thắm nhuần bốn phương để hòa bình được duy trì lâu bền trên mặt đất.

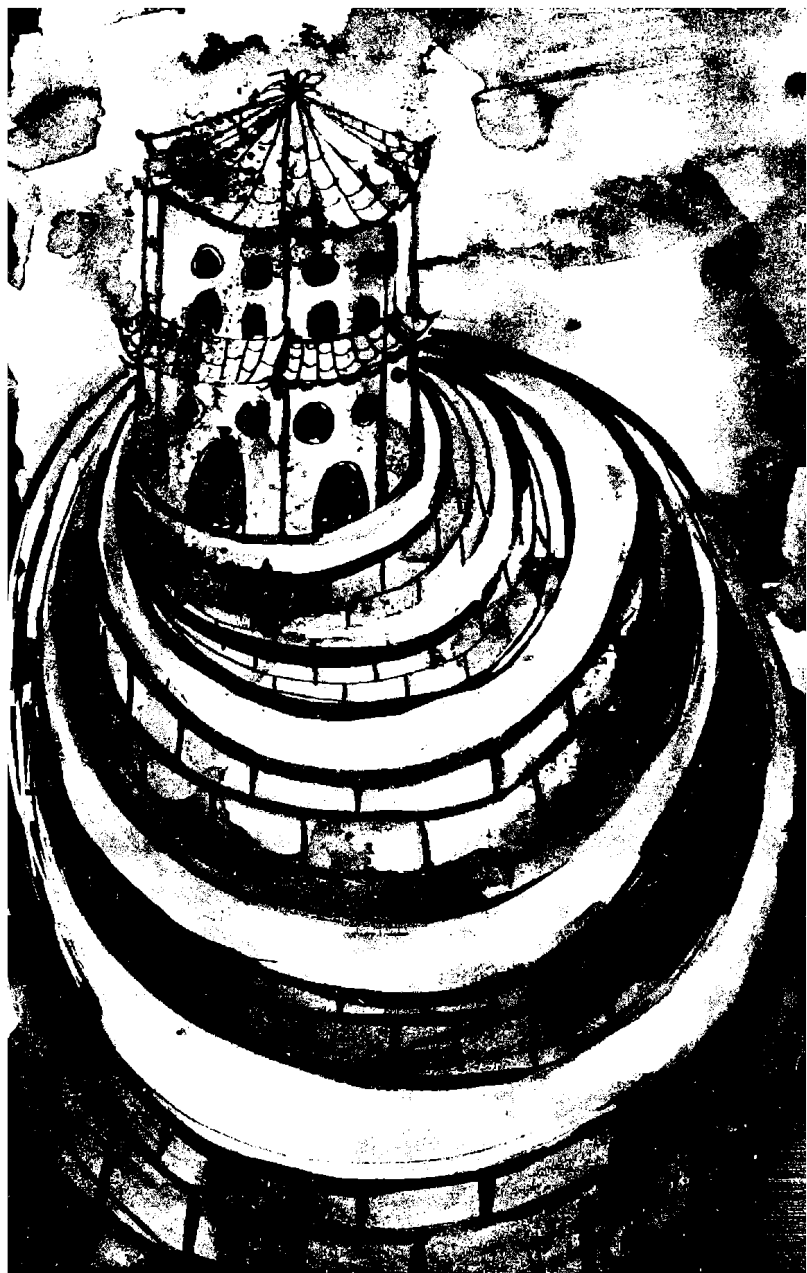
Vua Thành Vương nói :

— Trẫm cảm ơn vua Hùng và quý quốc đã phái sứ bộ qua thăm và tặng hai con chim đẹp hiếm có. Trẫm xin nhận quà tặng, nhưng cũng muốn căn dặn rằng từ nay trở đi, nếu có sứ giả sang thăm xin đừng mang theo lễ vật. Nước Chu đã làm được gì cho quý quốc đau mà bắt quý quốc phải thần phục. Đức trạch của trẫm có đủ để thắm nhuần tới quý quốc đau mà trẫm dám hưởng lễ cống của quý quốc. Nói điều ấy xong với Việt, nhà vua quay lại ra lệnh cho vị võ tướng mặt đỏ râu ngắn

— Không nên xâm phạm đến đất Văn Lang. Phải giải trừ tất cả mọi dự định can thiệp vào nội bộ nước ấy. Họ cũng là một nước văn minh.

Quay ra với Việt, nhà vua nói :

— Khanh hãy yên tâm. Ta đã biết ý của khanh. Ngày xưa khi lập quốc, đức Hoàng Đế có dặn rằng đất Giao Chỉ ở ngoài phương xa, cấm các thế hệ sau không được phạm đến.



Trẫm nghe lời tiên vương, sẽ không nghe lời những kẻ thuộc hạ để dấy động can qua.

Vua truyền ban cho đoàn sứ giả một cỗ xe hai ngựa, và một chiếc địa bàn để tìm đường về Nam. Tuy Việt Thường và phái đoàn biết rất rõ đường về — tới được đây mà không tìm được đường về thì thật là quá tệ — và tuy họ không cần xe và ngựa, họ cũng vui vẻ bái nhận và tạ ơn vua Chu. Sứ mạng của họ đã hoàn thành. Họ không cần đề mất thì giờ bàn cãi về những chi tiết không quan trọng.

Có một vị trưởng đoàn giỏi như thế, và có một đàn chim họ tổng thông minh như thế, họ lo gì không tìm được đường về cố hương mà phải trông cậy vào chiếc địa bàn chỉ nam của vua nhà Chu?

IIIX

THÀNH ỒC

VUA Thục thức suốt đêm không ngủ. Vua mong cho mau sáng để gặp một người tên là « sứ giả của giòng Sông Xanh » mà bàn về việc xây thành Ốc.

Đã từ sáu tháng nay, thành trì của vua xây lên cứ đồ sụp hoải. Vua đã cho tuyển những kiến trúc sư giỏi nhất nước Âu Lạc lời đề phụ vào việc xây dựng ngôi thành vĩ đại mà vua mơ ước.

Nhưng nhiều người sau khi nghiên cứu đồ án đã lắc đầu. Một kiềm thành như thế chỉ có tiên trên trời xuống mới xây nổi. Thành rộng hơn nghìn trượng đã đành, nhưng cao, cao quá. Dù xây trên một khu đồi, nhưng làm sao đưa nổi những tảng đá lớn lên cao hàng chục trượng. Làm sao dựng được một cung điện chót vót trên đỉnh thành, với bao lơn nhìn ra bốn phía khi mà con đường dẫn lên cung điện đó là một con đường tròn ốc đi giữa hai dãy thành lũy kiên cố, ngoằn ngoèo bò quanh lên đồi như một con rồng vĩ đại, đi ngang những tòa nhà ngang dọc nhìn ra bốn phía, mái xòe

ra như hai cánh của những con chim garuda to lớn ?

Đã có hàng trăm người thiệt mạng vì tai nạn lao động trong khi xây thành. Dân chúng trong nước đã bắt đầu oán thán.

Nhưng vua Thục quyết tâm xây cho được thành Ốc. Có người bảo là oan hồn của những người chết trong cuộc chiến tranh vừa qua đã đến báo oán và đã gây ra những tai nạn làm mất mạng hơn mấy trăm người. Có người nói rằng ban đêm họ thường nghe có tiếng oan hồn hò reo vang dậy dưới chân thành. Có người nói trong đêm khuya, thỉnh thoảng người ta nghe tiếng đàn ai oán từ bên sông vọng lại. Tiếng đàn như khóc, như than, như kể lể, như nguyên rủa, như đòi mạng. Người ta lại đồn rằng ở dưới chân núi Thất Diệu, có một cái quán rượu, và người con gái của chủ quán bị oan hồn thâm nhập đã vừa hóa điên. Đưa con gái này thường hay nói những câu nói xúc phạm triều đình, khóc cười rất bất thường và hay kêu tên vua mà đòi mạng. Chủ quán sợ quá, bèn nhốt con gái vào một gian phòng. Ban đêm đi ngang người ta thường nghe tiếng cô gái khóc la thảm thiết.

Vua Thục đã nghe hết những lời thăm thỉ. Vua không tin, cho nên đã có đêm vua thức giấc để lắng nghe. Tiếng hò reo của âm hồn thỉ vua chưa nghe. Nhưng tiếng đàn ai oán

kia, có một lần vua đã nghe được. Tiếng đàn làm cho vua lo âu, ngại ngùng. Đó là tiếng của một loại đàn dây vua đã từng được nghe trình diễn, nhưng chưa bao giờ tiếng đàn lại sâu thẳm và ai oán đến như thế.

Vua biết cuộc chiến tranh lật đổ vua Hùng là một cuộc chiến tranh đẫm máu. Nhưng vua không tin là lại có sự oan hồn báo oán như người ta nói. Tuy nhiên chịu theo lời của các lạc hầu và lạc tướng, vua cũng đã thiết đàn cầu nguyện Long Vương. Đàn mới thiết lập xong thì có một ông già râu tóc bạc phơ tìm tới. Ông già nhìn vào thành Ốc đang xây lở đổ rồi than :

— Xây như thế này bao giờ cho xong được !

Vị Lạc Hầu phụ trách thiết đàn thấy làm lạ liền cung kính mời ông lão vào yết kiến vua Thục. Vua thấy ông già có dáng điệu đáng kính, liền mời lên điện và hỏi :

— Xin quý nhân dạy cho biết tại sao quả nhân phí bao nhiêu sức lực mà xây thành này không xong.

— Thành này vua xây một mình thì không bao giờ xong. Đợi ngày mai khi có sứ giả của dòng Sông Xanh tới, vua nên nhờ người ấy giúp sức thì xây mới xong được.

Ông già nói xong liền cáo từ đi lập tức, vua mời thế nào cũng không ở thêm.

Chính vì vậy mà vua đã thao thức suốt đêm

nay chờ cho mau sáng để gặp người muốn gặp.

Bỗng vua giật mình. Tiếng đàn ai oán lại vừa vọng lên. Bây giờ đã quá canh ba. Vua nhồm dậy, đi ra phòng ngoài. Ngọn đèn dầu bốn bậc để trên án thư như chao động. Vua bước nhẹ tới gần bên cửa, vén màn nhìn ra ngoài. Trời rất trong, sao rất sáng. Tiếng đàn như từ dưới bờ sông vắng lại. Tiếng đàn kéo dài, lênh đênh, rồi bỗng cao vút lên, chơi vơi như những cánh tay đang vươn ra níu lấy không gian một cách tuyệt vọng. Rồi tiếng đàn lại xuống thấp, thăm thẳm chơi loài dế trong cây cỏ náo nức với tiếng gió đang thổi dài. Rồi bỗng tiếng đàn ngưng bật. Sau đó, vua nghe tiếng xoang xoảng như gươm giáo chạm nhau, những tiếng ầm ầm như gạch đá đổ vỡ. Vua lấy hai tay ôm đầu. Một lúc sau vua buông lỏng hai tay ngồi xuống, lắc đầu, như để xua đuổi những bóng hình hư ảo. Gục đầu trên án thư, vua nghĩ đến những ngày thơ ấu là những ngày thanh thản chỉ biết rong chơi. Phụ thân của vua là người quen biết với vua Hùng thứ mười tám, quen nhưng không thân, bởi tính tình họ khác nhau gần như một trời một vực. Hùng Vương thì không lúc nào không đùa cợt còn phụ thân của vua thì lại tự ái quá nhiều và hay tự quan trọng hóa mình. Khi nghe nói Hùng Vương có nàng My

Nương đẹp tuyệt thế, ông đã cho người đến hỏi nàng My Nương cho vua. Hồi đó vua đang là một người con trai chưa có chức phận gì. Hùng Vương nghe đâu đã cười ha hả mà trả lời : « Nếu Thục huynh muốn cưới con gái yêu của ta thì phải đến đây nói chuyện với ta chứ ! Ta đâu có thể nói chuyện này với một người mai mối ! » Nghe đâu chỉ vì câu nói đó mà họ Thục đã nổi giận ùng ùng, cho rằng vua Hùng ý thế làm vua mà miệt thị bè bạn. Ông chứa chất căm hờn trong lòng cho nên đã chiêu tập binh mã, hùng cứ một bộ. Nghe tin vua Hùng gả con gái cho Sơn Vương, ông giận lắm, liền quyết chí đem quân về Phong Châu. Nhưng rồi vì lâm bệnh, họ Thục không tiến binh. Đến khi gần mất, ông gọi vua lại mà dặn :

— Nay Phán, sau khi bố mất, con phải đem binh về Phong Châu đánh báo thù.

Vua theo lời di chúc của ông, cử binh đánh Phong Châu. Vua Hùng vì tin cậy quá nơi tài năng của chàng rể và sự yểm trợ của Long Vương nên đã thất bại. Binh tướng của Thục Phán đi tới đâu là quân binh của vua Hùng tan đến đó. Thục Phán tiến quân nhằm vào tháng bảy, trong khi Sơn Vương và Thủy Vương đang bận kịch chiến với nhau. Đây là lần kịch chiến thứ mười giữa Sơn Vương và Thủy Vương, xảy ra trong mười năm liên tiếp.

Những cuộc chiến tranh anh em này đã làm hao tổn rất mau tiềm lực của nước Văn Lang... Sơn Vương bị bao vây trên núi, không đem quân tiếp viện cho Phong Châu được. Đến khi Thủy Vương rút lui thì Phong Châu đã mất. Vua Hùng vì thất vọng quá đã nhảy xuống giếng sâu mà chết.

Nắm được Phong Châu, Thục Phán lên ngôi vua, chấm dứt nhà Hùng, thành lập nhà Thục. Vua phải đi đánh trong tám tháng mới dẹp được phong trào kháng chiến của những người ủng hộ vua Hùng. Có những người đã tung tin rằng họ Thục là người nước ngoài, từ đất Ba Thục tận trên miền cực Bắc đem quân đội xuống xâm chiếm Văn Lang. Để chứng tỏ điều đó là sai, Thục Vương đặt tên nước là Âu Lạc để chứng tỏ mình cũng là giòng giống tiên rồng, và duy trì pháp độ cũ. Vua cũng kén chọn người tài giỏi làm lạc hầu, lạc tướng, cũng gọi các chức sắc địa phương là bố chính, cũng gọi các con trai mình là quan lang và con gái là mỹ nương như ở chế độ cũ, cuộc đánh dẹp tuy gian nan, nhưng nhờ tài hành quân khéo léo, vua đã thành công. Tuy vậy, máu xương do cuộc chiến tranh gây ra đã làm u uất khung trời sáng sủa của nước Văn Lang mà bây giờ được gọi là Âu Lạc. Những người chống đối vua, trong khi viết chữ Âu Lạc, thường không chịu viết chữ

Lạc theo nghĩa chim Lạc mà lại viết chữ lạc theo nghĩa con thú hình thù quái lạ. Ban đầu vua muốn xây thành trì ở Việt Thường. Nhưng sau đó, nghe lời các lạc hầu vua liền dời đô lên Phong Khê, không xa với thủ phủ xưa của vua Hùng là mấy. Chính trên một ngọn đồi cao ở Phong Khê mà vua muốn xây thành Ốc. Vua rất không muốn đóng thủ phủ tại Phong Châu, bởi vì bất cứ một ngọn cỏ hay lá cây nào tại Phong Châu cũng gọi nên niềm hoài tưởng mười tám vị vua Hùng.

Tiếng một con gà gáy làm vua Thục ngừng đầu dậy. Trời đã tang tảng sáng. Vua đi rửa mặt, mặc áo, đi hài và ra ngồi ở đại sảnh.

Bỗng có người vào báo sứ giả giòng Sông Xanh đã tới và đang ngồi chờ tiếp kiến.

Vua hỏi sứ giả đến bằng cách nào. Vị lạc hầu đáp :

— Lúc trời tờ mờ sáng thì người ta thấy có một con rùa Vàng nổi trên mặt sông, từ phía Đông bơi lại. Rùa nói được tiếng người, tự xưng là sứ giả dòng Sông Xanh. Rồi rùa biến thành một ông già râu tóc bạc phơ. Quân hầu đã mời ông ta vào điện.

Vua truyền đón ông già vào, và kính cẩn mời ông ta ngồi trên sập ngự. Ông già nói :

— Tôi là Kim Quy, người tay chân của Long Vương được lệnh lên đây giúp vua. Người ta gọi tôi là sứ giả dòng Sông Xanh. Xin nhà vua

yên tâm. Thế nào thành Ốc cũng xây xong. Bây giờ ta hãy đi xem qua cho biết.

Vua và Kim Quy sánh vai nhau ra khỏi cung điện. Họ tiến về phía thành Ốc đang xây lở dở. Tuy còn lở dở, nhưng thành ốc đã bắt đầu biểu lộ hình dáng vĩ đại của nó. Hai người đi lên đồi. Tới đầu, Kim Quy quan sát tới đó, và gật đầu lăm bằm một mình những gì không rõ. Cuối cùng, Kim Quy ngừng lại, nhìn vua, nói :

— Thành này là một công trình lớn. Tôi chắc chính nhà vua đã nghĩ ra hình thái kiến trúc vĩ đại này. Điều tôi lo ngại là vua đã bắt dân chúng phục dịch và đóng góp nhiều quá. Điều đó rất không nên.

— Nhưng nếu xây thành này không xong thì uy tín của triều đình cũng sụp đổ.

— Tôi cũng nghĩ như vậy, nên sẽ tìm cách giúp vua tiết kiệm sức dân mà vẫn xây thành xong được như ý muốn. Sáng hôm nay, xin nhà vua cho tôi gặp những kiến trúc sư có nhiệm vụ điều khiển việc xây thành. Cuộc họp mặt giữa thần Kim Quy và các kiến trúc sư được tổ chức ngay dưới chân thành Ốc. Kim Quy dùng một chiếc đĩa vẽ những hình ngang dọc trên mặt đất để nói chuyện với những nhà kiến trúc. Rồi ông ta đưa những người này lên đồi. Họ dừng lại, đàm luận rất lâu ở những nơi mà hễ xây lên xong thì thành

lại sắp xuống. Kim Quy đi từ trái sang phải, từ phải sang trái, dùng một cây gậy dài để đo và chỉ trở. Rồi ông ta chỉ cách làm một đòn bảy kiểu mới. Họ đàm luận cho đến chiều tối mới xong.

Khi Kim Quy về tới điện, thì vua Thục đang ngồi đợi cơm. Kim Quy nói :

— Bắt đầu từ ngày mai, xin nhà vua chỉ cho giữ lại một nửa số dân phu để làm việc xây thành, còn một nửa số xin vua cho về quê quán làm ăn. Xin nhớ ban tặng thực phẩm, thuốc men và áo quần cho họ. Tôi xin cam đoan chỉ một nửa số dân phu còn lại cũng đủ để xây thành.

Ngày hôm sau, nghe lời Kim Quy, vua tổ chức một đàn chôn tế vĩ đại ở dưới chân thành. Những tăng sĩ và bô lão trong nước được mời tới dự lễ cầu nguyện. Trên đàn có đủ các thứ xôi, cháo, khoai lang, hạt cốm... để cúng những oan hồn uổng tử chết trong cuộc chiến tranh và mấy trăm người phu chết vì tai nạn trong khi xây thành. Lệnh vua truyền ra là sau khi kết thúc lễ chôn tế cầu nguyện cho người chết, thì bắt đầu cuộc chôn tế cho người nghèo. Thực phẩm, thuốc men và vải bô được chất thành từng kho để dành tặng cho những gia đình nghèo khó nhất ở Phong Khê.

Một đêm, trong khi các vị tăng sĩ và bô lão

đang tụng kinh cầu siêu cho vong linh những người tử nạn thì vua và thần Kim Quy hóa trang thành thường dân, hướng về núi Thất Diệu. Khi đến quán rượu, họ gõ cửa và tỏ ý xin ngủ trọ lại một đêm. Chủ quán tên là Ngô Không từ chối :

— Trong quán này ma quỷ thường xâm nhập hò hét suốt đêm, quý khách không thể nào ngủ yên được đâu. Tôi xin dọn cơm rượu cho quý khách dùng, sau đó xin quý khách tìm nơi khác để an nghỉ.

Hai người nhất định ở lại, nói rằng họ không sợ ma quỷ. Chủ quán bất đắc dĩ phải dọn cho hai người một phòng sát phòng cô con gái điên của mình.

Lúc nửa đêm, vua nghe có tiếng gõ cửa gấp rút bên ngoài : hình như có rất nhiều yêu tinh quỷ mị đến quấy phá. Vua nghĩ không lẽ một cô gái điên mà có thể làm ra những âm thanh ghê rợn như vậy được, bèn nhìn Kim Quy đề dò hỏi :

Kim Quy nhìn ra cửa nạt lớn :

— Không được quấy phá người ta như thế.

Nhưng tiếng đập cửa và tiếng hò hét vẫn tiếp tục không dứt. Hai cánh cửa bị sức đẩy mạnh từ bên ngoài đang kêu răng rắc sắp gãy. Kim Quy liền làm phép phóng ra những tia lửa sáng rực. Các oan hồn không xâm nhập được. Ngồi trong phòng, vua vẫn bình yên.

Hai cánh cửa vẫn còn kiên cố.

Cuộc quấy phá kéo dài suốt đêm. Đến khi hai người nghe tiếng gà gáy sáng, thì tất cả mọi âm thanh bỗng nhiên im bặt. Kim Quy tung cửa chạy ra khỏi quán tìm đuôi. Vua cũng chạy theo. Hai người thấy trong màn sương khuya một tia lửa xanh bay xẹt về phía hông núi Thất Diệu và biến mất.

Ngày hôm đó, vua ra lệnh đào trên hông núi Thất Diệu. Thoạt tiên người ta tìm thấy một bộ xương người, và một nhạc khí đời cổ. Tiếp tục đào người ta phát giác hàng ngàn bộ xương người. Chắc chắn đây là một hố chôn tập thể những nạn nhân cuộc chiến tranh vừa xảy ra mấy năm về trước.

Vua truyền đem tất cả những bộ xương ấy, và nhạc khí đào được, rửa sạch đặt vào những chiếc hòm khiêng về trước đàn chầu tế. Trong bảy đêm bảy ngày, thiên hạ đến cúng lễ, khóc kể và cầu nguyện. Những người chết này đều có thân nhân ở Phong Khê. Đến tối ngày thứ bảy các bộ xương và cây đàn cổ được đưa lên đàn để làm lễ hỏa thiêu. Tất cả dân chúng Phong Khê đều đến dự lễ. Ông chủ quán núi Thất Diệu cũng có mặt trong đám người đi dự lễ. Ông ta kể với những người khác là đứa con gái của ông trưa hôm nay đang la hét như điên bỗng nhiên gục ngã xuống. Ông hoảng hồn đến nâng con dậy. Cô gái chỉ lả đi nhưng đôi mắt

ngơ ngác như vừa tỉnh dậy sau một giấc ngủ thật dài. Từ đó, cô ta trở lại bình thường, không còn la hét mê sảng như trước nữa.

Hỏa đàn bốc cháy. Thiên hạ đua nhau lấy trầm hương ném vào lửa và chấp tay cầu nguyện. Bỗng thấy từ trên khói một con chim trắng bay lên, bay cao mãi và mất hút trong mây xanh.

Sáng ngày hôm sau, cuộc chần tế cho người nghèo bắt đầu. Dân chúng trong nước nghe tin vua Thục, được sự ủng hộ của Long Vương, đang phóng thích tội nhân và làm việc phúc thiện thì bắt đầu có cảm tình với vua mới. Kim Quy nói với vua :

— Đất nước là đất nước của toàn dân. Phải làm thế nào xóa bỏ hận thù giữa những người anh em thì mới có thể làm cho nước giàu dân mạnh. Xin vua ăn ở cho có nhân đức để toàn dân được nhờ. Điều gốc rễ nhất là phải tôn trọng sự sống của con người. Đừng để cho một ai chết oan. Hãy phá bỏ những sự bất công và áp bức. Như thế trong nước sẽ không có loạn lạc và nhà vua khỏi phải mất công đánh dẹp, sẽ không còn đổ máu. Cối âm thanh thần thì cối dương mới an hòa. Bồn phận của vua là lo cho cối Dương, để dân chúng được thuận hòa và an cư lạc nghiệp.

Vua Thục lắng nghe lời của Kim Quy. Vua tự hứa sẽ làm theo lời ông dặn. Vua đặt



vương hiệu là *An Dương* đề tự nhắc nhở mình về trách vụ. An Dương Vương tuần thú trong các bộ, đi đến đâu an ủi và vỗ về trăm họ đến đấy. Vua truyền phóng thích các tội phạm chia đất cho nông dân nghèo, ban dụng cụ nghề nghiệp cho dân đánh cá, dân dệt vải, và cho những người làm các ngành thợ khác. Vua lại khuyên dân chúng tự nhiên đến khai oan, và ra lệnh xét xử lại tất cả các vụ kiện tụng oan ức.

Tám tháng sau, khi trở về Phong Khê, vua ngạc nhiên thấy thành Ốc đã được xây dựng xong. Thật là một kỳ công của đất nước Âu Lạc. Từ xa, vua đã thấy thành cao sừng sững như hình ảnh cung điện mà một lần vua nằm mộng thấy. Mái cung điện trên đỉnh thành xòe ra như chín cái đầu của một con rồng lớn. Những tòa nhà ngang dọc được trang điểm bởi những hình chim garuda và hình thiên nữ múa hát. Những tường lũy kiên cố chạy vòng từ chân thành lên tới đỉnh, quanh co theo đường tròn ốc, ngắt quãng bởi những pháo đài hình quả trám có nhiều cửa sổ trông ra bốn phía.

Phút chốc, An Dương Vương đã đến dưới cổng thành. Kim Quy đã đứng đợi vua tại đây đề từ biệt :

— Thành đã xây xong; tôi xin từ giã.

Vua khẩn khoản mời Kim Quy ở lại, nhưng

ông già từ chối nói rằng có việc ở Thủy Phủ phải về gấp.

Buồn bã, vua nói với thần :

— Ông tri ngộ đối với quý nhân ta chưa hề được đền đáp trong muôn một. Việc nước là việc chung. Tuy thành đã xây xong, dân đã phủ dụ, nhưng còn bao nhiêu việc khác chưa thành. Ta nghe bốn phương có thể dấy động binh đao ; trong trường hợp bị xâm lăng, chưa biết có cách nào để giữ nước cho vẹn toàn. Xin quý nhân dạy bảo.

Kim Quy nói :

— Sự an nguy của đất nước tùy ở đức trạch của nhà vua. Nếu vua biết tu nhân tích đức, lo cho mạng sống của dân như lo cho mạng sống của mình thì không lo gì mà ngôi báu không vững bền. Còn việc chống xâm lăng thì thời nào cũng phải tiên liệu. Dân chúng một lòng thì chẳng có cuộc xâm lăng nào thành tựu được. Đó là điểm chính. Tuy nhiên để giúp vua, ta xin tặng một vật mọn này.

Nói xong, Kim Quy cúi xuống tháo một móng chân của mình đưa ra cho vua và nói :

— Đây là một cái móng chân của tôi, hình cong như hình cây cung. Chắc vua chưa biết thế nào là công dụng của một chiếc nỏ thần. Xin vua nhìn xem.

Kim Quy dương móng lên, nhắm vào một cây cao cảnh lá sum sê trước mặt mà bắn. Một

âm thanh trong như chuông đồng vọng lên, tiếp theo là tiếng rào rào như mưa đổ. Nhìn ra An Dương Vương thấy tất cả lá trên cây đều đã rụng xuống đất, làm hiện ra những cành cây xương xẩu trơ trụi.

Kim Quy nói :

— Đây là một chiếc nỏ thần. Hễ giặc vào xâm lăng, lấy nỏ thần bắn thì giặc tan. Trong số các lạc hầu và lạc tướng dưới quyền nhà vua, tôi thấy có nhiều người có tài năng, ví dụ như tướng Cao Lỗ, người còn trẻ mà có nhiều tài ba. Tôi xin vua cho tướng Cao Lỗ việc nghiên cứu và sử dụng nỏ thần này.

Nói xong, Kim Quy từ biệt. Vua tiễn ông ra bờ sông. Kim Quy biến thành rùa vàng bơi trên mặt nước. Trước khi lặn xuống, rùa vàng còn ngoái đầu chào.

An Dương Vương cầm nỏ thần về cung, lòng vui mừng vì có được phương tiện giữ gìn bờ cõi.

IIIX

THÀNH ỒC

THỦ đô Phong Khê của nước Âu Lạc treo đèn kết hoa và mở hội trong suốt bảy ngày bảy đêm mừng chiến thắng. Quân xâm lược Tần đã hoàn toàn thất bại trên đất Âu Lạc. Không những ở thủ đô Phong Khê mà ở khắp nơi trên đất nước dân chúng đều tung bừng mở hội. Tiếng trống đồng và tiếng kèn sáo vang lừng từ những ngã tư đô hội và ở các chợ búa. Người ta họp chợ vì mua bán thì ít mà vì những cuộc chơi thì nhiều.

Tuy vậy trong cuộc vui của toàn dân có xen lẫn một niềm tiếc thương, đó là cái tang của Lý Ông Trọng, một trong những kiện tướng đã cầm đầu cuộc kháng chiến chống Tần. Ở huyện Từ Liêm, quê quán của tướng Trọng, dân chúng tổ chức lễ truy điệu vị anh hùng của đất nước một cách long trọng : tượng của vị anh hùng được rước đi suốt ngày đêm trong thành phố, và dân chúng được kêu gọi đóng góp tiền bạc, vật liệu và nhân lực để xây đền kỷ niệm Ông Trọng.

Vị anh hùng kia đã chết không phải vì tay

quân Tần mà vì già yếu quá không chịu được cuộc sống gian khổ trong các chiến khu miền ngược. Ông chết năm tám mươi tám tuổi. Tướng Cao Lô, một vị tướng lãnh lão thành của Âu Lạc, đã từ kinh đô về dự lễ tưởng niệm người bạn đồng tâm của mình tổ chức ở huyện Từ Liêm. Tại nơi mà đền thờ của Lý Ông Trọng sẽ được dựng lên, người ta dựng một lễ đài cao trên đó được an trí một bức tượng của Lý Ông Trọng. Tượng làm bằng phen nửa và phết giấy, làm lớn bằng con người thật của Lý Ông Trọng. Tự cổ chí kim chưa ai có một thân hình cao lớn như vị tướng này. Hồi còn sống, ông cao tới hai trượng và ba thước.

Dưới chân tượng, đêm nay có cuộc hát kể cuộc đời của vị anh hùng họ Lý. Một đoàn nhạc công, có sáo, có trống, có đàn nhị, đàn bầu và kèn cùng với bốn mươi nghệ sĩ sẽ ca hát và trình diễn cuộc đời của Lý Ông Trọng. Lạc tướng Cao Lô ngồi ở hàng ghế danh dự, bên cạnh quan Bồ Chính địa phương. Cùng ngồi trên hàng ghế là thân thuộc của hai người. Quần chúng tập hợp đông đảo ở công trường. Đốc thắp sáng choang. Những cây đuốc rực cháy thơm mùi nhựa thông được cắm thành những hàng dài bốn phía công trường. Công chúng vào cửa tự do. Thiếu ghế, quần chúng ngồi xuống bãi cỏ. Tiếng gọi nhau ới ới. Có những cậu bé và cô bé ngồi trên cổ bố mẹ

để nhìn cho rõ. Cuộc trình diễn bắt đầu bằng một hồi trống dài. Mọi người yên lặng. Tiếng sáo, tiếng nhị, tiếng đàn, tiếng kèn cùng nổi lên rộn rịp. Một lát sau, tất cả mọi âm thanh tự nhiên im bật để cho một nghệ sĩ ngồi xếp bằng trên sàn gỗ, mở miệng dạo đầu :

— Nhớ tám mươi tám năm xưa, trong huyện Từ Liêm, nước Âu Lạc, có một bé thần dị ra đời...

Tiếng kèn tiếng đàn lại trỗi lên, phụ họa. Tướng Cao Lỗ mỉm cười nhớ tới hình dáng của bạn. Ngày xưa, dù mình là người cao lớn, nhưng mỗi khi đi bên bạn ông thường có cảm tưởng mình chỉ là một đứa bé. Lý Thân, phải rồi, hồi đó Lý Ông Trọng còn được gọi là Lý Thân, cao lớn quá đến nỗi ông có thể để cho một đứa bé ba tuổi đứng trên bàn tay của ông. Tuy là bạn của Ông Trọng, nhưng tướng Cao Lỗ nhỏ hơn ông tới mười mấy tuổi, và chỉ cao bằng một phần ba ông.

Hồi đó tướng Cao Lỗ mới hai mươi mốt tuổi, và đang làm đội trưởng trong quân ngũ. Lý Thân vì có sức học và dáng vóc hơn người, được cử làm quan Bồ Chính ở huyện Từ Liêm, dưới triều vua Hùng thứ mười tám. Cao Lỗ được đổi về Từ Liêm và rất được quan Bồ Chính Lý Thân yêu mến. Chẳng được Lý Thân yêu mến một phần là vì óc thông minh và trí giàu sáng tạo của chàng. Mấy trăm binh sĩ

dưới tay chàng, trong thời hòa bình đã giúp dân cày ruộng, gặt hái, cất lại những ngôi nhà lụp xụp cho các gia đình quả phụ. Giữa quân và dân quả thực có một mối tình cá nước. Trong huyện không xảy ra trộm cướp. Quan Bồ Chính thường hay vời chàng tới công đường để đàm đạo, uống rượu, làm thơ và tổ chức đi du ngoạn núi nước trong vùng.

Rủi thay một hôm kia, một vị Lạc Tướng của vua Hùng đi tuần thám qua huyện gặp lúc hai người vắng mặt tại công đường. Họ đang uống rượu ngâm thơ trên một chiếc thuyền, lênh đênh ngoài sông nước. Vị Lạc Tướng đợi tới chiều mới thấy hai người trở về nhiệm sở. Trước mặt nha môn và binh sĩ, quan Bồ Chính và viên đội trưởng bị quan Lạc Tướng đánh đòn.

Xấu hổ vì bị làm nhục trước mặt mọi người, Cao Lô tìm cách vận động để được trở về Phong Châu. Còn quan Bồ Chính từ đó ít nói năng. Thiếu bạn, quan không còn uống rượu, ngâm thơ và đi du ngoạn nữa. Quan cũng không hề phàn nàn về việc bị làm nhục trước quần chúng. Nhưng sau đó mấy tháng, Cao Lô nghe tin Lý Thân từ quan, và đi lánh cư tại một miền xa, không biết tận đâu.

Vì tài năng và đức chuyên cần của mình, Cao Lô được thăng chức rất mau trong quân ngũ. Tới khi An Dương Vương lên cầm chính

quyền thì chàng được tuyển vào hàng Lạc Tướng. Trong thời gian xây thành Ốc tại thủ phủ Phong Khê chàng được thần Kim Quy đề ý, và dạy cho nhiều bí thuật về võ học. Sau khi thành Ốc xây xong, và thần Kim Quy đã từ giã về thủy phủ, chàng được vua Thục triệu vào, đưa cho chiếc móng của Kim Quy và nói :

— Trước khi từ giã, ta có hỏi Kim Quy về phương thức giữ nước. Thần cho ta chiếc móng rùa này và bảo đây là chiếc nỏ thần có thể phá tan được quân xâm lăng. Thần lại cho ta thấy công hiệu của chiếc móng. Ta đưa cho Lạc Tướng nghiên cứu chiếc móng này và phỏng theo đó để chế tạo binh khí dùng vào việc quốc phòng. Nhớ trao móng thần lại cho ta khi công việc xong xuôi.

Vị Lạc Tướng trẻ tuổi bái nhận nỏ thần và đem về nghiên cứu. Chàng thấy đây là một vũ khí rất lợi hại. Chàng liền cho đồn thủ những thân cây dâu và mô phỏng theo nỏ thần, làm thành những chiếc cung dài, bắn một lần được mười mũi tên. Chàng cho tuyển mười ngàn binh sĩ chuyên về việc bắn cung. Mỗi viên binh sĩ này được tập luyện rất tinh nhuệ. Có lần chàng mời vua Thục đi xem một cuộc tập trận. Mười ngàn binh sĩ núp trong rừng cây, trong một khoảnh khắc bắn đứt và làm rơi được hàng chục ngàn lá phượng treo lơ lửng trên

thao trường tượng trưng cho hàng chục ngàn quân giặc. Vua Thục vỗ vai chàng tỏ vẻ vừa ý. Sau đó, chàng ra lệnh làm ra hàng trăm ngàn mũi tên đồng cất chứa vào kho khí giới.

Nước Âu Lạc được hưởng bốn mươi lăm năm hòa bình thịnh trị. Bỗng một hôm, người trong nước kinh hoàng nghe tin quân xâm lăng của nhà Tần đã tới biên giới Âu Lạc. Tướng Đồ Thư của nhà Tần theo lệnh Tần Thủy Hoàng đem nửa triệu binh chia làm năm đạo, một đạo đóng ở đèo Đàm Thành, một đạo đóng giữ ải Cửu Nghi, một đạo đóng ở Phiên Ngung, một đạo ở miền Nam Dã, còn một đạo thì đóng ở sông Dư Can. Thám tử Âu Lạc từ biên giới về báo là quân viễn chinh nhà Tần đã đào rộng các đường mương thành kinh để chở lương đi sâu vào đất Lĩnh Nam và đã chiếm đóng các miền Lục Lợng, Quế Lâm, Nam Hải và Tượng Quận ở vào phía Đông Bắc biên giới Âu Lạc. Quân Tần đã đưa Nhâm Ngao và Triệu Đà lên trấn nhậm các đất ấy. Ngao và Đà đều là những người gốc nước Chu.

Sau đó không lâu một đoàn thám tử khác lại về báo một tin dữ cho Lạc Tướng Cao Lỗ : đội trưởng Tây Âu là Dịch Hu Tổng vừa bị tử thương và quân Tần đang ồ ạt tiến vào đất Âu Lạc. Thế lực của quân Tần mạnh như vũ bão. Chúng dùng ngựa và xe tải lương tiến mau như tên bắn. Số lượng quân Tần lớn bằng ba

số lương quân Âu Lạc. Những nơi mặt trận Âu Lạc tan vỡ, dân chúng tự động bỏ xóm làng và thành phố, lên núi rừng sống chung với cầm thú và tổ chức kháng chiến. Bốn mươi lăm năm hòa bình, quân sĩ không tập luyện ; khi quân giặc đến nhiều người sinh ra hốt hoảng. Tướng Cao Lỗ một mặt lo rèn luyện binh sĩ dưới quyền mình, xử dụng cung tên bảo vệ thủ phủ, một mặt gửi những đạo binh tinh nhuệ ra chặn đường giặc. Nhưng giặc Tần được lệnh tấn công không lùi, đêm cũng như ngày, tay không rời khí giới, mình không rời áo giáp. Tuy quân Âu Lạc chặn được quân Tần không cho chúng xâm phạm tới thủ đô Phong Khê, nhưng cả miền Bắc nước Âu Lạc đều đã và đang rèn siết dưới gót giày quân viễn chinh nhà Tần. Dân chúng lên rừng gieo lúa, dệt vải, chế tạo cung tên và gươm giáo, tổ chức kháng chiến, nhất định không về làng và phố cộng tác với giặc.

Ba tháng sau khi quân Tần xâm nhập Âu Lạc, tướng Cao Lỗ được tin thám tử về báo là Lý Thân đã về nước theo quân giặc. Ông rất lấy làm ngạc nhiên không hiểu sao một con người như Lý Thân lại có thể theo giặc về nước để tàn hại dân lành. Nhưng tin tức của thám tử liên tiếp bay về kinh sư : tướng Cao Lỗ được thông báo rằng không phải là Lý Thân đã theo giặc về giết hại dân lành.

Trái lại, ông đã về nước đề cọng tác với dân chúng tổ chức kháng chiến chống cuộc xâm lược. Hiện ông đang chỉ huy cuộc kháng chiến chống Tần ở các bộ Vũ Định và Châu Diên. Hồi kỷ về chi tiết cuộc đời Lý Thành thì tướng Cao Lỗ được thám tử cho biết như sau :

« Sau khi từ chức Bồ Chính quận Từ Liêm, Lý Thành đi ra nước ngoài du học. Ông thường nói : « đời ta phải được tự do như chim loan chim phụng, một lần bay là xa ngoài vạn dặm, đâu có phải để cho thiên hạ làm nhục dễ dàng ? » Ông cố công học tập, và sau đó ra làm quan với nhà Chu. Đến khi Tần Thủy Hoàng lên ngôi, ông được đưa lên chức Tư Lệ Hiệu Úy. Lúc Tần Thủy Hoàng lo chuyện thôn tính thiên hạ, ông được đưa đi trấn thủ ở Lâm Thao. Tài dụng binh và vóc người to lớn của ông làm cho thanh danh ông càng ngày càng lớn, uy danh chấn động cả nước Hung Nô. Tần Thủy Hoàng mừng quá, ban cho ông hiệu Ông Trọng, tỏ vẻ tôn kính. Nhờ ông trấn thủ ở Lâm Thao nên quân Hung Nô nằm yên, không dám động binh ở chốn biên thủy miền Bắc nước Tần. Nhưng khi nghe tin tướng Đồ Thư lĩnh nửa triệu quân Tần xâm chiếm các nước miền Nam rồi lại chiếm cả lĩnh thổ Âu Lạc, ông nóng ruột từ chức xin về thăm nhà. Đến biên giới, ông cầm một cây gươm dài xông thẳng đến bọn lính Tần đang canh gác.

Thấy ông vĩ đại như thiên thần, tất cả bọn lính đều bỏ chạy. Ông một mình tìm về bộ Châu Diên. Sau khi nghe nói già trẻ trai gái đều bỏ thành phố và làng xóm chạy lên núi ở, ông cũng bèn tìm lên chiến khu. Ở đó, dân chúng tôn ông làm lãnh đạo và xin ông cầm đầu cuộc kháng chiến chống Tần.

Tướng Cao Lỗ nghe tin rất mừng, tìm cách liên lạc với Lý Thân mà bây giờ dân chúng, và cả thám tử nữa, đều gọi là Lý Ông Trọng. Theo đường núi vòng quanh các miền Tân Hưng, Vũ Định và Lục Hải, tướng Cao Lỗ đưa quân vào các chiến khu, tiếp tế lương thực và cung tên cho Ông Trọng. Tự mình không thể rời Phong Khê, ông cho các lương tá của ông đến liên lạc và trợ lực cuộc kháng chiến của dân chúng Miền Bắc. Ông Trọng nhắn tin về kinh đô, xin An Dương Vương giữ vững kinh đô và miền Nam Âu Lạc. Ông hứa là sẽ lãnh đạo cuộc kháng chiến miền Bắc cho tới thành công toàn diện.

Quân kháng chiến dưới quyền điều khiển của Ông Trọng đã xuất hiện nhiều lần từ rừng sâu, chặn đường tiếp tế của quân Tần. Trong khi đó tướng Đồ Thư gặp phải sức kháng cự của quân đội chính quy Âu Lạc không tiến thêm được một bước nào nữa về miền Nam. Hệ xuất quân là bị thất bại. Quân Âu Lạc bắn lên đồng rào rạt như mưa vào quân ngũ Tần.

Lực lượng viễn chinh của nước Tần tiêu hao dần dần. Trong sáu năm, không một ai được cởi áo giáp mà nằm nghỉ. Cả đến ban đêm. Đàn bà trẻ con Âu Lạc mà quân Tần bắt được đều bị chúng ép làm việc chuyên chở binh lương và khí giới suốt ngày đêm. Nhiều người chịu không nổi phải thắt cổ chết ở dọc đường.

Một hôm An Dương Vương được báo tin là có sứ giả tướng Đồ Thư vào ra mắt và dâng thư của Tần Thủy Hoàng. Vua cho mở cửa điện tiếp sứ. Trong thư, vua Tần xin vua Âu Lạc cho Lý Ông Trọng sang Tần trở lại. Nếu vua Âu Lạc bằng lòng điều kiện đó, thì vua Tần sẽ ra lệnh rút hết quân đội viễn chinh ra khỏi lãnh thổ Âu Lạc.

Một cuộc hội hợp cơ mật được tổ chức trong triều. Tướng Cao Lỗ xin vua cho hỏi ý kiến Ông Trọng. Ông Trọng nhận tin về, nói :

— Chẳng bao giờ tôi lại chịu trở sang Tần. Xin đức vua cùng các lạc hầu và lạc tướng đề phòng âm mưu của địch.

Triều đình Âu Lạc cho sứ giả nhà Tần ra về và không trả lời lá thư ngoại giao. Trong số các lạc hầu, có người cho là vua đã bỏ mất một dịp dễ vãn hồi hòa bình, cứu dân ra khỏi tình trạng máu lửa đã kéo dài gần mười năm trời. Nhưng vua Thục tin lời của Ông Trọng. Mất Ông Trọng chắc chắn sức chiến đấu của

Âu Lạc sẽ suy giảm và quân Tần có thể tiến bước.

Nhưng những cuộc điều tra sau đó của thám tử Âu Lạc đã đem lại nhiều tin tức rất phấn khởi.

Trước hết, miền Bắc nước Tần đang bị quân Hung Nô tấn công như vũ bão. Sở dĩ vua Tần cố đòi cho được Ông Trọng, đó không phải là một mưu kế nhằm làm sút giảm tiềm lực chiến đấu của Âu Lạc mà là một sự cần thiết cho sự chống giữ ở biên thùy miền Bắc. Quân Hung Nô biết là Ông Trọng không còn ở Lâm Thao nên đã không ngần ngại tấn công vào đất Tần.

Sau đó, là dân chúng các miền Quế Lâm, Nam Hải và Tượng Quận đã bắt chước dân chúng Âu Lạc bất hợp tác với quân Tần, bỏ lên rừng núi để tổ chức kháng chiến. Hiện lực lượng của quân Tần đã tiêu hao quá nửa. Số người bị bệnh kiết lỵ, rét rừng và thiếu ăn nhiều không thể đếm được. Hiện tướng Đồ Thư đang lo lắng ngày đêm không ngủ.

Điều cuối cùng mới là điều ngộ nghĩnh. Tướng Đồ Thư thay vì báo cáo với vua Tần là Âu Lạc không chịu gởi tiến cống Lý Ông Trọng, lại báo cáo rằng Lý Ông Trọng đã chết. Vua Tần nghĩ rằng Âu Lạc nói gạt, liền cho người sang điều tra xem hư thực. Đồ Thư lại báo cáo về một lần nữa là đã

cho điều tra kỹ biết rằng Lý Ông Trọng vì mắc bệnh đi tả đã chết và đã được chôn. Ông ta lại thêm rằng: chính ông ta cho đào mồ của Ông Trọng lên và kiểm soát lại và thấy đó quả thực là thi hài to lớn của Lý Ông Trọng. Vua Tần sau khi nghe báo cáo của Đồ Thư, liền cho lệnh đúc một pho tượng đồng của Ông Trọng đặt ở gần biên giới. Đó là một pho tượng rỗng ruột, ở trong tượng có thể ẩn nấp năm sáu người. Những người này dùng máy lay động tay chân của tượng, làm như vẻ đó là chính ông Trọng đã trở về trấn ngự ở biên giới Hung Tần. Vua Tần làm như thế để quân Hung Nô khiếp sợ mà không dám xâm phạm bờ cõi miền Tây Bắc nữa.

Khi vua Thục và quần thần nghe báo về điều sau này, ai cũng bật cười. Mọi người đều tự hào rằng nước Âu Lạc đã có một nhân vật phi thường như Lý Ông Trọng. Khi chính Ông Trọng nghe tin ấy, ông cũng cười. Tuy đã tám mươi bảy tuổi và không còn ra trận mạc nữa, nhưng ông vẫn không ngớt dùng trí óc và kinh nghiệm để điều động guồng máy kháng chiến. Ông báo tin mật về triều đình là sẽ mở cuộc phản công vào mùa mưa tới, và xin vua Thục cho đại quân tấn công từ miền Nam lên vào đúng ngày giờ đã định.

Quả đúng như lời Lý Ông Trọng dự đoán, đến đầu mùa mưa năm tới, quân Tần đột nhiên

lâm vào một tình trạng khốn đốn vì thiếu lương thảo. Quân và dân từ miền rừng núi đổ ra tấn công ào ạt. Từ thủ đô Phong Khê và các châu bộ miền Nam như Giao Chỉ, Cửu Chân, Hoài Hoan... binh đội tinh nhuệ của Âu Lạc cũng tiến lên miền Bắc như thác lũ. Quân Tần tan vỡ, tướng Đồ Thư bị quân Âu Lạc bắn tử thương, hàng ngàn quân Tần bị bắt sống. Nghe quân Âu Lạc thành công, và biết sức nhà Tần đã suy giảm, Nhâm Ngao và Triệu Đà cũng di dời với quân kháng chiến để đánh bật quân Tần ra khỏi Nam Hải, Tượng Quận và Quế Lâm. Họ bắt giết hết những quan chức do Đồ Thư lập lên để phục vụ cho nền đô hộ nhà Tần. Trong khi dân chúng và binh đội Âu Lạc ủa về đánh phá các căn cứ quân Tần ở các thành thị và làng mạc thì Lý Ông Trọng, vì thức suốt mấy đêm bên bản đồ chỉ huy các trận tuyến, đã lâm bệnh nặng. Người ta khiêng ông về trị sở đã giải phóng của bộ Vũ Định. Nhưng đến nửa đường thì ông tắt thở.

Dân Âu Lạc tưng bừng mở hội ăn mừng chiến thắng. Đây là ngày thứ ba.

Tiếng hò reo của dân chúng vang dậy khi đoàn nghệ sĩ trình diễn xong màn chót của cuộc đời Lý Ông Trọng. Tướng Cao Lỗ khóc; ông khóc vì không được gặp lại bạn để nói một vài lời tâm sự trước khi bạn chết. Ông khóc vì nhớ lại những kỷ niệm xưa, một huyện

Từ Liêm thái bình, đầy tiếng ca hát, hai người bạn trên một chiếc thuyền con với túi thơ bầu rượu, lênh đênh trên quãng trời nước bát ngát mênh mông...

XV

CHÌM CHÂU

TIN báo quân đội của Triệu Đà vừa vượt biên giới miền Đông Bắc làm chấn động cả nước. Nhưng My Nương Thanh Châu không tin. Nàng cho là thám tử đã thông báo lầm. Đây hẳn là quân đội xâm lăng của nhà Tần, bởi vì giữa hai nhà Triệu-Thục vốn là thông gia với nhau thì không thể nào có chiến tranh được.

Cách đây sáu tháng, trước khi về Triệu thăm nhà Trọng Thủy, chồng nàng, đã tỏ ý lo ngại là không biết nhà Tần sẽ đưa quân sang xâm lược để báo thù lúc nào. Chàng nói : « Trong trường hợp quân Tần qua xâm lược thì cố nhiên hai nước chúng ta phải đồng lòng chống lại. Nhưng nếu việc này xảy ra khi ta còn đang ở bên Triệu, thì không biết phải làm ra cách nào để tìm nàng trong cơn loạn lạc » ? Nàng đã ngâm nghĩ rất lâu trước khi trả lời : « Nếu quân Tần lại sang, chắc là chàng phải ở lại chiến đấu trong hàng ngũ Triệu. Nếu chàng qua Âu Lạc tìm em, thì chàng hãy theo dấu lông ngỗng... Em có một chiếc khăn

choàng làm bằng lông ngỗng, đi đến đầu em sẽ rút lông ngỗng rắc ố các ngã ba đường để làm dấu. Cứ theo dấu đó thì chàng sẽ biết em chạy về hướng nào. »

Phụ Vương nàng không nghĩ như nàng rằng đây là quân xâm lăng Tần. Vua nói : « nước Tần đã bại liệt, sắp vào tay người khác, làm sao có thể gửi binh vào Nam được. Ta không ngờ thằng Triệu Đà nham hiểm đến thế. Ký hòa ước rồi giả làm thông gia để có thì giờ chuẩn bị chiến tranh. Thằng Trọng Thủy, chồng của con, cũng chỉ là một đứa hèn nhát. Ta rất tiếc là đã gả con cho nó. »

Nghe phụ vương mắng nhiếc chồng như thế, My Nương Thanh Châu lấy làm đau lòng, bởi vì nàng cho rằng hai người bị nghi oan. Nhưng trong khi cả triều đình đang tin rằng đây là một cuộc xâm lăng của Triệu, thì nàng khó mà nói cho cha biết đây là một cuộc xâm lăng của Tần. Trọng Thủy chẳng nói trước như thế là gì ? Tướng Đồ Thư bị giết ; gần nửa triệu quân Tần bị đánh tan tành ; làm sao nước Tần không căm hận ? Còn Trọng Thủy, chồng nàng, thì không thể nào là một người phản bội được. Không ai hiểu chồng bằng vợ. Nàng tin rằng Trọng Thủy đã nhận nước Âu Lạc làm quê hương thứ hai của chàng. Không lý nào chàng lại có thể gây can qua giữa hai nước để làm tan vỡ cuộc tình duyên đẹp nhất

trên đời. Với lại chàng cũng dư biết nước Triệu không thể nào thắng nổi nước Âu Lạc. Cha chàng là Triệu Đà đã từng cử binh sang xâm chiếm Âu Lạc ; nhưng nhờ có chiếc nỏ thần, phụ vương nàng đã đánh tan quân đội của Triệu Đà và bẻ gãy cuộc xâm lược kia. Chiếc nỏ ấy là của thần Kim Quy cho, có năng lực vô song, mỗi lần dương ra là hàng vạn mũi tên tới tấp bay vào hàng ngũ địch. Chính vì chiếc nỏ thần ấy mà Triệu Đà đã nhận rằng không thể chiến thắng Âu Lạc và do đó đã ký hòa ước với phụ vương nàng. Ranh giới giữa hai bên là sông Tiều Giang, gần núi Trầu Sơn, nơi Thiên Vương làng Phù Đổng đại phá giặc Ân ngày xưa. Sau ngày ký hòa ước, vua Triệu muốn xây dựng hòa bình lâu dài nên đã cho người sang cầu thân với An Dương Vương, xin cưới nàng cho con trai là Trọng Thủy. Hồi mới nghe tin con vua Triệu muốn cưới nàng, Thanh Châu thấy trong lòng e ngại, sợ sệt. Nàng cảm thấy lo lắng. Nhưng làm thân con gái nàng phải nghe lời mẹ cha. An Dương Vương cũng muốn nền giao hảo giữa hai nước trở nên tốt đẹp nên đã nhận lời với điều kiện là Trọng Thủy phải theo phong tục Âu Lạc sang ở gửi rể trong vọng ba năm. Đám cưới được tổ chức trọng nên hòa bình vừa mới lập lại. Dân chúng thủ dò và khắp nước treo đèn kết hoa mừng cho cuộc tình duyên của nàng

My Nương nước mình và chàng hoàng tử nước bạn. Dân chúng ăn mừng thỏa thích trong ba đêm ba ngày liên tiếp.

Trọng Thủy là một chàng trai hào hoa phong nhã và cũng rất si tình. My Nương rất vừa ý. Hai người yêu nhau thắm thiết. Xe ngựa của hai người đi tới đâu là dân chúng hò reo niềm nở tới đó. Người ta còn lấy hoa tung vào xe của hai người. Hai vợ chồng được phép đi du ngoạn khắp nơi trong xứ. Có nhiều nơi, ra đón cặp vợ chồng vương giả, trai gái đứng chật cả đường làm xe ngựa kẹt lỏi không đi tới được nữa. Trọng Thủy lại rất thích vân du; chàng và My Nương đi khắp nước non, không bỏ sót khu danh thắng nào. Đến đâu chàng cũng có ghi chép. Thanh Châu không biết chàng ghi chép để làm gì. Tuy vậy nàng không hỏi. Có lẽ chàng muốn ghi lại những kỷ niệm đẹp giữa hai người.

Trọng Thủy mới ở gửi rề một năm thì vua Triệu nhớ con, gởi thư qua vua Thục xin cho Trọng Thủy về thăm. Trọng Thủy cũng nhận được thư vua cha nhắn về. Nhận được thư, chàng âu sầu mất mấy ngày làm Thanh Châu rất lấy làm thương. Chàng nghĩ ý là xin vua Thục cho nàng được về Triệu trong thời gian sáu tháng. Nghe chồng nói thế, nàng sung sướng quá. Nếu được như vậy thì quý hóa biết bao. Đã khỏi phải xa cách nhau trong sáu

tháng đăng đẳng, lại được dịp xem nước non nghe nói rất cảm thú của nhà chồng. Hai người cùng lên gặp An Dương Vương tỏ bày nguyện vọng của họ. Nhưng vua Thục lắc đầu bảo rằng như thế thì không đúng tục lệ Âu Lạc. Vua cười nói rằng theo tục lệ này, người con trai phải ở gửi rể, không những trước khi cưới mà còn sau khi cưới. Thời hạn vua đặt ra là ba năm ; bây giờ mới chỉ có một năm thôi thì không thể nào vua để Thanh Châu đi về nhà chồng được, dù là chỉ trong sáu tháng. Thanh Châu biết không phải phụ vương nàng cố chấp vào tập tục hay lời hứa. Vua Thục chỉ vì không muốn xa con mà không để nàng đi, vậy thôi. Hai người tâu đến lần thứ ba nhưng An Dương Vương vẫn lắc đầu không chấp thuận.

Thế rồi cuộc phân ly xảy ra. Tuy biết chồng chỉ về thăm nhà có sáu tháng, Thanh Châu vẫn òa khóc như mưa, làm như chồng sẽ phải ở lại nước Triệu năm mười năm vậy. Trọng Thủy cũng rất buồn. Chàng lưu luyến không nỡ khởi hành. Nhưng rồi cuối cùng chàng cũng phải lên ngựa với một đoàn tùy tùng. Đứng ở sân điện nàng My Nương trông theo, dáng nàng buồn như dáng liễu.

An Dương Vương nghe tin giặc đến trong khi đang ngồi đánh cờ vây với các lạc hầu :
« Bọn Triệu Đà không còn sợ chiếc nỏ thần

của ta nữa sao ? » Vua vừa nói vừa cười, nâng rượu lên nhấp. Nhưng tin tức chiến trường dồn dập bay tới. Quân giặc đang tiến vào các bộ như vũ bão. Vua họp các lạc hầu lạc tướng bàn cách đối phó. My Nương Thanh Châu đứng hầu bên vua Thục. Nàng vẫn không tin rằng đây là một cuộc xâm lăng của họ Triệu. Nàng vẫn đinh ninh đây là một cuộc chinh phạt của nhà Tần.

Một lạc tướng nói :

— Việc quốc phòng từ khi tướng Cao Lỗ từ nhiệm đã không được chăm sóc kỹ lưỡng. Xem tình thế ở miền biên giới thì biết. Giặc đi đến đâu quân ta tan vỡ đến đó. Sự xích mích giữa anh em trong nhà bao giờ cũng đi đến kết quả tai hại như vậy. Xin đức vua cho lệnh đi tìm tướng Cao Lỗ về giúp nước.

Một vị lạc hầu mặt trắng ngời đối diện :

— Tướng tài nước ta không phải chỉ có một mình Cao Lỗ. Chúng ta được sự phò hộ của Long Vương và thần Kim Quy. Chúng ta lại có nỗ thần của Kim Quy. Chắc chắn là chúng ta sẽ đánh tan được giặc.

Vị Lạc Hầu mặt trắng đó, My Nương Thanh Châu biết, là một người rất chống đối tướng Cao Lỗ. Ông ta vì ganh ghét cá nhân đã rêu rao rằng tướng Cao Lỗ muốn dựa quân đội để lấn áp quyền hành của vua. Thường thân cận ra vào nơi cung khuyết, vị lạc hầu mặt

trắng có hai cánh tay dài như vượn kia đã nhiều lần dèm pha khiến cho An Dương Vương càng ngày càng sanh ra lạnh lùng với vị tướng lĩnh có công với đất nước. Cao Lô là một trong những người chống đối việc thông gia giữa hai họ Triệu và Thục. Ông ta nói rằng một người như Triệu Đà thì ta khó có thể tin cậy được. Thanh Châu tuy không đồng ý với tướng Cao Lô nhưng nàng kính phục thái độ thẳng thắn dám ăn nói của ông. Nàng cũng nghĩ như ông rằng phải chú trọng việc tập luyện binh sĩ, lo cho dân no ấm, nhưng nàng lại nghĩ rằng việc thông gia giữa hai nước cũng là một phương pháp tốt để giữ gìn hòa bình. Có điều nàng không ưa là phụ vương nàng quá nghe lời vị lạc hầu mặt trắng mà đối xử tệ bạc với những người có công với đất nước. Tướng Cao Lô đã phải từ bỏ chức vụ mình và đi biệt tích. Giống như Lý Ông Trọng ngày xưa.

Thanh Châu còn đang nghĩ tới tướng Cao Lô thì có quân vào báo :

— Mặt trận phía Tây Bắc đã vỡ, hiện quân giặc đang ào ào tiến về phía thủ đô Phong Khê.

An Dương Vương vội vã ra lệnh cho các lạc tướng phân phối quân ngũ để trấn giữ thủ đô. Vua vào cung lấy ra chiếc nỏ thần năm xưa đã từng giúp vua đánh tan binh đội của Triệu

Đà. Nai nịt gọn ghẽ, vua cầm nỏ thần ra trận.

Quân giặc tiến vào Phong Khê như nước lũ, vượt qua những hàng rào phòng thủ Âu Lạc dễ như chẻ tre. Những đội quân tiên phong của giặc mang theo những tấm liếp bện bằng rơm cỏ. Hàng vạn mũi tên của quân Âu Lạc bắn ra đều bay đến cắm thẳng vào những tấm liếp rơm này. Mất tinh thần, quân tướng Âu Lạc phải dụng phương pháp đánh bộ. Nhưng khi quân Âu Lạc chuyển dụng phương pháp đánh bộ thì quân Triệu cho kỵ binh xông tới. Quân Âu Lạc không chận nổi kỵ binh. Mặt trận miền Bắc thủ độ liền tan vỡ. Tiếng hò reo của địch quân vang dậy.

Thục An Dương Vương ngồi trên mình ngựa thấy thế nguy, dương nỏ thần ra, bắn vào quân địch. Nhưng nỏ thần, không biết vì sao đã mất hết hiệu lực. Ngày xưa, mỗi khi dương nỏ thần ra bắn, An Dương Vương thấy sấm chớp lóe ra, hàng vạn tia sáng bay vào hàng ngũ địch làm cho quân địch tan vỡ hỗn loạn trong khoảnh khắc. Bây giờ nỏ thần chỉ là một cái móng rùa vô dụng, không còn chút gì quyền phép. Vua Thục chép miệng than lớn :

— Thời của ta đã hết !

Vua quay đầu ngựa trở lại, hai chân thúc mạnh vào hông ngựa. Ngựa của vua phi nước đại về cung. My Nương Thanh Châu đứng ở ngoài sân điện tay cầm chiếc áo choàng trắng

như tuyết ; hai mắt đang nhìn quanh ngơ ngác nằng bồng trông thấy ngựa vua trở về. Nàng vừa kịp chạy ra, thì ngựa An Dương Vương cũng vừa đi tới. Vua từ lưng ngựa nhảy xuống xốc My Nương đặt lên yên sau của ngựa, và nói :

— Giặc tới nơi rồi, ta phải chạy ngay. Con ngồi cho vững phía sau, ôm lấy ta kẻo ngã.

Vua nhảy lên ngựa, ra roi. Con tuấn mã chồm lên đưa hai người vượt qua những sân điện rộng mênh mông. Phút chốc đã đến cửa Nam. Vua lấy hương Nam mà chạy.

Ngựa phi nhanh như gió bão. Trời đã chạng vạng tối, nhưng vua Thục vẫn nắm sát lưng ngựa giắt cương. Ngựa phi nhanh qua những khu rừng thâm màu, nhiều lúc hai cha con không thấy rõ con đường trước mặt. Ngựa phi nhanh qua những khu đồi thoải thoải. Gió đập vào mặt My Nương. Tóc nàng bị gió đánh tung ra bay phấp phới. Mặt trăng đã hiện giữa trời. Trông ánh sáng mờ mờ, ngựa của Thục Dương Vương băng rừng, vượt núi, tìm về miền Nam.

Ngựa phi suốt đêm. Thanh Châu ôm chặt lấy lưng cha nàng, mong cho trời sáng. Đêm dài vô tận. Nhưng cuối cùng, chân trời phương Đông đã ửng hồng. Những ngôi sao trên trời dần dần mờ nhạt.

Bỗng nàng giắt mình. Nàng nghe có tiếng vó ngựa của một đoàn người ngựa đang đuổi

theo hai người. Vua Thục cũng đã nghe thấy những âm thanh dồn dập đó. Vua ngoài đầu trở lại nhìn. Nhưng vua chưa thấy gì. Chỉ thấy một vài chiếc lông chim bay phất phới. Vua thúc hai chân vào hông ngựa, giật cương tới tấp. Con ngựa chồm lên. Tới một ngã tư, vua cho ngựa rẽ về hướng có chân trời đỏ rực.

My Châu bồn chồn trong dạ. Ai đang đuổi theo cha con nàng ? Chỉ có thể là Trọng Thủy. Chỉ có thể là chàng. Chỉ có chàng mới nhận ra vết lông ngỗng. Từ chiều hôm qua đến nay ngồi trên lưng ngựa, thỉnh thoảng nàng rút tay trái ra rút từng chiếc lông ngỗng trên tấm chăn choàng màu trắng để rải lên mặt đường, nhất là những ngã tư, ngã ba. Nàng làm theo lời hẹn với Trọng Thủy để chàng biết nàng lạc về đâu mà tìm. Nhưng nếu đây là một cuộc xâm lược của quân Tần, thì sao Trọng Thủy có mặt trong cuộc tấn công này được ? Thôi chết rồi, đây quả là một cuộc phản bội của họ Triệu. Thôi rồi, Trọng Thủy đã đánh lừa nàng. Một tia sáng xẹt nhanh như chớp giật qua trí óc My Nương Thanh Châu. Nàng nhớ lại có lần Trọng Thủy hỏi nàng :

— Nếu quân Tần sang xâm lược hai nước chúng ta, thì chúng ta phải có phương thức chống lại. Bèn nước Triệu, đoàn kỵ binh được luyện tập rất kỹ lưỡng. Đó là một đoàn quân

linh nhuệ. Còn ở Âu Lạc, không biết đã có phương thức nào chống giặc hữu hiệu chưa ?

Nàng mỉm cười trả lời :

— Chàng chớ lo cho Âu Lạc. Phụ Vương em có một cái nõ của thần Kim Quy tặng năm mươi năm về trước. Hễ quân Tần đến, phụ vương em đem nõ thần ra bắn một phát, thế là quân giặc tan.

Trọng Thủy tỏ vẻ mừng rỡ :

— Vậy thì quý hóa quá ! Thôi thế thì chúng ta khỏi lo cho Âu Lạc. Nhưng nõ thần ấy nàng đã được thấy tận mắt chưa ? Nàng đã có dịp đưa tay cầm lấy bảo vật ấy chưa ?

Nàng cười :

— Không những em đã thấy mà em lại còn được cầm lên ngắm nghía và biết hiện giờ phụ vương em cất giữ nó ở đâu nữa. Nếu chàng muốn thấy em có thể sang lấy cho chàng xem.

Trọng Thủy nói :

— Hẳn nhiên là ta rất mong ước trông thấy cái bảo vật đó. Nhưng ta nghĩ em không nên động tới bảo vật của phụ vương.

My Châu cười :

— Bảo vật của phụ vương, nhưng cũng là bảo vật của em ! Chàng đợi em một chút.

Nói xong nàng chạy qua tầm điện vua Thục. Một lát sau nàng trở về với chiếc nõ thần. Trọng Thủy đã quan sát khá kỹ lưỡng, và đưa

nữ thần lại cho nàng ngay khi đó, bảo phải đem trả lại chỗ cũ ngay. Nhưng sau đó một tháng, chàng lại tổ ý muốn xem nữ thần lại một lần thứ hai. Cố nhiên là My Châu chiều chồng. Vì Thục Vương lần này đi vắng tới ba hôm, nàng đã để cho chàng giữ nữ thần trong tầm điện của chàng một đêm. Có lẽ người con trai kia đã làm hư nữ thần, hoặc đã làm một cái nữ khác tương tự để đánh tráo nữ thần. Điều đó rất có thể xảy ra mà nàng không biết. Chỉ biết chiếc nữ mà phụ vương nàng cầm trên tay bây giờ không còn một chút gì thần lực. Nàng đang ngao ngán thì bỗng An Dương Vương ghim cương ngựa lại. Phía trước là biển cả. Mặt trời đã nhô lên khỏi mặt nước : đại dương đỏ như một biển máu. Con đường mòn đến đây là hết.

Tiếng vó ngựa đuổi theo phía sau vọng lại rõ mồn một. An Dương Vương ngồi trên ngựa nhìn trời, nhìn biển, than lớn :

— Bỏ và Cái nữ bỏ ta sao ? Thần Kim Quy đâu, sao không đến cứu ta ?

Bỗng từ dưới nước, một con Thần Quy màu vàng rực nổi lên. Kim Quy nói :

— Mau lên, giặc ở ngay sau lưng rồi.

Vua Thục ngoảnh lại nhìn phía sau. Một đoàn kỵ binh xuất hiện phía cửa rừng, bụi tung mờ mịt. My Nương Thanh Châu tưởng vua quay lại nhìn mình. Nàng cho rằng tất cả

tai họa của đất nước đều do nàng đem lại. Nàng đã quá tin người. Nàng nói :

— Con là gái, nếu có lòng phản nghịch để tìm cách mưu hại phụ vương thì khi chết, xin cho thân xác này biến thành bụi đất. Còn nếu con là người trung tín, chỉ vì ngày thơ mà bị người ta lừa gạt thì xin sau khi chết hóa thành châu ngọc để chứng minh cho tấm lòng chung thủy của con với vua, với dân và với nước.

Nói xong, nàng rút chiếc gươm ở lưng vua Thục, đâm vào bụng nàng.

Còn ngờ ngác với lời nói của con, vua Thục không kịp ngăn cản. Thân hình của My Châu đã rơi xuống ngựa, trên bãi cát, mấp mé bờ nước.

— Mau lên đi, giặc ở ngay sau lưng rồi !

Tiếng nói oang oang của thần Kim Quy lại vọng lên. Vua Thục nhảy xuống ngựa quỳ xuống ôm xác con, mắt đầm đìa lệ. Nhưng thần Kim Quy đã kéo vua đứng dậy và trao cho vua một chiếc sừng văn tê bảy tấc. Kim Quy rẽ nước, đưa An Dương Vương vào sâu dưới đáy biển đi về Thủy Cung. Nước từ từ khép lại.

Đoàn kỵ mã phía sau đã tới. Trọng Thủy, trong nhung phục màu đen, nhảy xuống ngựa. Chàng nhìn quanh không thấy An Dương Vương, chỉ thấy một con ngựa hồng yên cương đầy đủ đang đi men theo bờ cát. Nhìn xuống

dưới chân, chàng thấy thân xác My Châu sóng soài trên cát. Máu nàng thấm loang ra làm đỏ cả một vùng cát trắng.

Kêu lên một tiếng « Thanh Châu », chàng quỳ xuống ôm lấy xác My Nương, nhìn vào mặt nàng. Thân xác My Châu đã lạnh. Nét mặt nàng trầm tĩnh và lặng lẽ đến lạnh lùng.

Trọng Thủy khóc như mưa. Chàng xốc My Nương, đỡ nàng lên ngựa, và ra lệnh cho cả đoàn kỵ mã lên đường về Phong Khê.

* * *

Triệu Đà lấy được nước Âu Lạc, gồm cả hai nước Triệu và Âu Lạc, lập thành nước Nam Việt. Trọng Thủy đem My Châu về chôn ở thành Ốc, ngay nơi chỗ hai người ngày xưa đã sống với nhau. Từ đó chàng từ chối không muốn gặp mặt ai hết, kể cả gặp cha là Triệu Đà. Ra vào nơi chốn mà khi xưa cùng My Nương cùng sống, nhìn lại những nơi My Nương hay ngồi ngắm trăng, rửa mặt, thay áo, điềm trang, tắm gội. Trọng Thủy nhớ lại tất cả những kỷ niệm ngày xưa. Chịu không nổi niềm đau khổ ray rứt trong lòng, một buổi trưa kia chàng nhảy xuống một chiếc giếng sâu ngoài sân điện mà chết. Sau đó, Triệu Đà dời đô về Phiên Ngung, lập kinh đô ở đây và tự xưng là Triệu Vũ Vương.

Ngư dân làng Cao Xá ở Châu Diên gần núi Mộ Đa trong khê lặn xuống biển sâu đã tìm được nhiều ngọc châu trong lòng của loài hàu hến. Những con ốc trai này đã ăn máu đào chảy ra từ thi thể My Châu. Chính ở bờ biển ngư thôn Cao Xá này mà My Châu đã tự tận.

Có những người ở Phong Khê nói rằng đem những ngọc châu mua được ở Châu Diên mà rửa bằng nước míc ở giếng ngày xưa Trọng Thủy trẫm mình thì sắc ngọc trở thành rực rỡ. Người trong xứ truyền tụng câu chuyện Trọng Thủy My Châu, và tỏ ý tiếc rằng người con trai kia đã không xứng đáng với tấm chung tình của nàng My Nương nước họ.

XVI

ĐỀ TẠM KẾT THÚC

ÂN và **Diệu** ngồi trên một chiếc ghe gần máy chạy xình xịch ngược sông **Thu Bồn**. Bốn chiếc ghe khác cùng đoàn cũng đang xình xịch theo sau, đi cách nhau chừng hai trăm thước. Đây là đoàn ghe cứu trợ nạn lụt của sinh viên tổ chức. Năm chiếc ghe chở đầy gạo, muối và các phẩm vật cứu trợ khác đang tiến gần đến miền thượng du sông **Thu Bồn**.

Nhìn nước sông mênh mông, **Ân** nói với **Diệu** :

— Lại một trận kịch chiến nữa giữa **Sơn Vương** và **Thủy Vương**. Nước đã rút hết, nhưng trong trận **Giáp Thìn** này nghe nói có trên tám trăm người tử nạn. Còn trâu bò và gia súc chết không biết bao nhiêu mà nói.

Diệu đưa mắt nhìn lên ruộng dâu bên bờ, nói :

— Về cuộc tranh chấp giữa **Sơn Vương** và **Thủy Vương**, thường thường người ta hay bênh vực **Sơn Vương** và đổ lỗi cho **Thủy Vương**. Cũng ở trong cuộc tranh chấp cả mà một người thì vừa có **My Nương** vừa được mô

tả là không phải thủ phạm trong cuộc tranh chấp ; một người thì vừa bị thua thiệt vừa bị kết án là cố tình gây nên cuộc tranh chấp.

— Nhưng chính Thủy Vương là người dâng nước lên đánh Sơn Vương. Sơn Vương chỉ làm công việc tự vệ mà thôi.

— Nhưng dù sao Sơn Vương cũng chịu chung trách nhiệm về cuộc tranh chấp bởi vì ông ta là một trong hai phe tranh chấp.

— Cô muốn Sơn Vương làm gì ? Đem My Nương xuống chia hai cho Thủy Vương một nửa hay sao ?

Diệu cười :

— Không đến nỗi phải làm thế. Nhưng anh em một nhà phải tìm ra giải pháp chứ, không lẽ cứ mỗi năm một lần đánh nhau, thiệt hại cho dân chúng biết là bao nhiêu.

Ấn đứng dậy đi về phía Diệu :

— Tôi cũng đồng ý với cô là hai người phải ngồi chung lại để tìm ra giải pháp. Nhưng giải pháp nào mới được chứ ? Không lý cô bắt người ta phải chấp nhận giải pháp hai ông một bà sống chung, như giải pháp ông Táo vậy ?

Diệu cười lên khanh khách :

— Sao lại không ? Tôi thấy giải pháp nào mà chấm dứt được sự thiệt hại của dân đều tốt hết. Hai ông một bà cũng được.

— Vậy cô không thương hại nàng My Nương sao ?

— Tôi sẽ thương hại nàng My Nương. Nhưng bây giờ đây tôi đang thương tám trăm người đồng bào tôi vừa mới chết vì cuộc tranh chấp giữa Sơn Vương và Thủy Vương. Tôi thương công chúa Sita vì muốn cứu dân mà phải nuốt qua cổ họng tất cả những chất độc đen ngòm của thủy quái tiết ra trên mặt biển. Tôi đòi hai người phải chấp nhận một giải pháp. Bất cứ giải pháp nào. Họ không thể nhân danh những nạn nhân của cuộc tranh chấp để mà tiếp tục cuộc tranh chấp.

Ấn nói :

— Cô hùng biện lắm. Tôi đồng ý với cô. Chúng ta cũng đồng ý với công chúa Sita. Nhưng có điều hình tượng công chúa Sita còn mới mẻ quá, không biết có được nhận vào ngôi đền thần thoại của nước Việt hay không ?

— Tại sao không ? Thần thoại nào cũng do con người sáng tạo ; người đời thượng cổ là người mà người đời nay cũng là người. Thần thoại là hình thái diễn tả nhận thức con người ngày xưa về vũ trụ, về con người và về cuộc đời, chứ không phải là những câu chuyện hoàn toàn do trí tưởng tượng của con người bịa đặt không có dính líu gì đến thực tại. Tại di tích của thành Ốc, tức thành Cổ Loa, người ta vừa

khai quật được hàng ngàn mũi tên đồng. Như vậy chuyện cây nổ thần không phải là không có liên hệ đến việc quốc phòng của Thục An Dương Vương. Công chúa Sita là một thực tại. Trong cuộc tranh chấp hiện giờ, anh thấy có biết bao nhiêu người đã và đang lảng lạng làm công việc hòa giải, hàn gắn, xây dựng tình huynh đệ. Họ làm những việc đó trong hiểm nguy, và cũng như công chúa Sita, họ từng chấp nhận khổ đau, từng chịu đựng đau đớn trong da thịt mà không than thở một lời. Trong cuộc tranh chấp giữa Sơn Vương và Thủy Vương, nhân vật công chúa Sita ngày xưa đã bị bỏ quên. Đem công chúa trở lại trong khung cảnh là tiếp tục công trình sáng tạo. Thiếu công chúa Sita thì thực tại không được biểu hiện đầy đủ trong thần thoại Sơn Tinh Thủy Tinh.

— Nhưng nếu làm công việc đó, ta có thể bị kết án là tô điểm những nét mới vào bức họa cổ.

— Tôi không lo điều đó, anh Ám ạ. Những thần thoại được truyền lại không phải do một người sáng tạo, trái lại đã được đi qua sự trau chuốt của nhiều thế hệ, cũng giống như những bài dân ca hoặc những câu ca dao. Nếu công việc trau chuốt kia có giá trị, tự khắc hình thái trau chuốt được đại chúng chấp nhận. Nếu đó

chỉ là những uốn nắn vụng về thì chẳng ai dùng để ca hát và truyền tụng. Đại chúng sẽ tức khắc loại những uốn nắn vụng về kia ra để tìm lại hình thái mà họ ưa thích.

— Có lẽ còn nói đúng. Có lần đọc chuyện cổ tích do một nhà văn cận đại kể, tôi thấy ông ta đưa vào một vài hình tượng khá chường tai. Ví dụ có lần ông kể : « Nghe nói đức Phật nhà ở gần đấy là một người giàu có nhất vùng, bác nông dân tìm tới vay mượn... » Đọc tới đó tôi buồn cười quá, bởi hình tượng về Bụt trong cổ tích Việt Nam chẳng bao giờ có thể là hình tượng một địa chủ nhà giàu... Nói Bụt là dân hành khất, ngày xin ăn tối ngủ gốc cây mà đúng hơn. Có điều tôi nghĩ là những nét sáng tạo mới không thể là những chấp nối có tính cách giả tạo và phi dân tộc. Cái tên *Sita* hay *Nāgajāra* chẳng hạn, chẳng có tính cách Việt Nam là mấy.

— Vậy những cái tên như *Loa Thành* hay *Kim Quy* hoặc những danh từ như *Linh Quang Kim Thảo Thần Nữ* và *Thanh Giang Sư Giả* vân vân... có tánh cách Việt Nam hơn không ? Ảnh hưởng văn hóa Trung Quốc mạnh cho đến nỗi có người ngỡ rằng danh từ ấy nghe có tính cách Việt Nam hơn những danh từ chữ Phạn. Ngày xưa khu vực đất nước chúng ta là khu vực giao tiếp giữa hai nguồn văn

minh. Về sau vì xử dụng văn tự Trung Hoa cho nên ta chịu ảnh hưởng Trung Quốc nhiều hơn Ấn Độ. Về nguồn gốc dân tộc Việt, thần thoại « Rồng Tiên Sanh Trăm Trứng » có thể gọi là thần thoại cơ bản rồi. Vậy mà sách Lĩnh Nam Chích Quái lại còn muốn thêm vào nhiều giấy mờ rề má nữa: Nào họ Thần Nông, nào Đế Minh, Đế Nghi, nào Lộc Tục... Ngô Sĩ Liên trong Đại Việt Sử Ký Toàn Thư lại còn nói : « Hoàng Đế dựng muôn nước, cho nước Giao Chỉ ở phía Tây Nam, ở xa ngoài đất Bách Việt. Vua Nghiêu sai Hi Thị đến Nam Giao để định đất Giao Chỉ ở phương Nam... » Làm như không có nguồn gốc Tàu và không được Tàu công nhận tức là không thể có mặt. Tôi tưởng mình có thể cắt bỏ phứt đi những giấy mờ rề má ấy, và giữ lại cuộc tình duyên đẹp đẽ giữa Tiên và Rồng. Rồi khôi phục trở lại một ít ảnh tượng có nguồn gốc Ấn để lập lại sự thống bành. Cho nên những hình ảnh như hình ảnh tiên nữ từ cõi trời Phạm Thiên (Brahma) đi xuống, hình ảnh chim thần garuda, công chúa thủy cung Sita, thủy quái maraka, đều có thể được chấp nhận.

Ấn cười :

— Chấp nhận hay không đó là quyền của đại chúng. Chúng ta thử đợi chờ chừng.. vài trăm năm nữa xem. Nhưng tôi nghĩ rằng công

việc mà cô gọi là « sáng tạo tiếp nối » đó, không thể chỉ là những công việc tô điểm về mặt hình thức có tính cách tiểu thuyết hóa. Phải dựa vào những dữ kiện đưa ra trong thần thoại và trong lịch sử để khám phá những sự thực lịch sử. Ví dụ chuyện đức Thánh Gióng. Thần thoại này có phải là một thần thoại đánh dấu sự bắt đầu sử dụng vũ khí bằng sắt hay không, điều đó còn cần phải xét nghiệm lại. Nhưng nếu chưa tìm được một lời giải đáp thì ta vẫn chưa nắm được bản chất của thần thoại. Cũng như câu chuyện đất Việt-Thường hiến chim trĩ trắng cho vua Thành Vương nhà Chu. Sách Lĩnh Nam Chích Quái của ta và các sách Hậu Hán Thư, Thượng Thư Đại Truyện và Trúc Thư Kỷ Niên của Trung Hoa đều có chép về chuyện này. Thời Thành Vương nhà Chu, vua Hùng sai sứ thần đem chim trĩ trắng qua tặng nhà Chu. Chu Công hỏi tại sao người Giao Chỉ cắt tóc ngắn và vẽ mình, để đầu trần và ngón chân cong ? Sau khi sứ giả đã giải thích tại sao, Chu Công lại hỏi đến sứ giả sang thăm có mục đích gì. Sách Lĩnh Nam Chích Quái nói rằng sứ giả đã trả lời như sau :

« Ba năm nay trời không gió lớn, không mưa dầm, bốn biển lặng sóng. Chúng tôi nghĩ là ở Trung Quốc có thánh nhân xuất hiện nên

mời sang thăm. »

Câu nói đó vừa chứng tỏ tài ngoại giao rất cao của sứ giả ta mà cũng chứng tỏ sự hiểu biết sâu xa của xứ giả ta về văn minh Trung Quốc. Một nhà vừa chính trị vừa văn hóa như vua Thành Vương không thể không nhìn lại bản thân sau khi nghe câu nói ấy. Lĩnh Nam Chích Quái viết tiếp :

« Chu Công kịp nhớ đến ngày xưa Hoàng Đế có thề rằng : Giao Chỉ ở ngoài phương xa, không được xâm phạm đến, liền ban thưởng vật quý cho đoàn sứ giả và tặng một cỗ xe hai ngựa cho đoàn sứ giả về nước. »

Như vậy nghĩa là thế nào ? Có phải nhờ tài du thuyết của sứ giả Văn Lang mà nhà Chu bỏ ý định xâm phạm bờ cõi Giao Chỉ ? Việc quan trọng là việc tặng chim trĩ trắng hay là việc du thuyết để tranh thủ hòa bình ?

* * *

Diệu chăm chỉ ngồi nghe Ân nhưng mắt nàng nhìn xuống dòng nước. Nàng có cảm tưởng đang cùng Ân đi xuống Thủy Cung cầu xin Long Vương lên mặt đất để giải quyết vấn đề đất nước. Nàng nghĩ tới binh tiên được của Âu Cơ, đến Ngự Tinh, đến công chúa Sita tinh nghịch, và bỗng nhiên mỉm cười.

— Cò cười gì ? Ân hỏi.

— Tôi cười anh đang hùng biện một cách nguy hiểm. Nhưng thôi, ghe chúng ta đã đến quận Đức Đức rồi. Bác lái ơi, chúng ta sẽ ghé vào bến nào đây hả bác ?

Người lái ghe cất cao giọng trả lời nàng :

— Bến nào cũng được, lên bến nào thì các anh các chị cũng gặp được đồng bào,

Ân và Diệu cùng đứng dậy, chuẩn bị lên bờ.

9.4.1974

MỤC LỤC

- I. *Dòng sông nước ngọt*
- II. *Trăm trứng*
- III. *Chuyến đi (I)*
- IV. *Chuyến đi (II)*
- V. *Văn lang*
- VI. *Nồng mặn*
- VII. *Bánh chưng*
- VIII. *Hạt gieo ngày trước*
- IX. *Nón gậy ảo hóa*
- X. *Thiên tướng ngựa sắt*
- XI. *Xung đột*
- XII. *Du thuyết*
- XIII. *Thành ốc*
- XIV. *Ông Trọng*
- XV. *Chìm châu*
- XVI. *Đề tạm kết thúc*

Định chính :

vì sơ xuất kỹ thuật, trang 215

đã in : IIIX. THÀNH ỒC

xin sửa lại :

VIX. ÔNG TRỌNG

Đã và Phụ bản :
Hồ Thành Đức

Sắp chữ tại 29 Võ Tánh Saigon
in tại cliché Mẫn đường Phạm Ngũ Lão Saigon
G. P. số 4381-74-BDVCH-PHBCNT-ALP-TP
ngày 06-8-1974. Số lượng 3.000. Phát hành : 15-01-75.

Giá : 850.đ

VĂN LANG DỊ SỬ

DỊ SỬ là lịch sử thần dị, lạ thường, là thực tại mang tính chất thi ca và thần thoại, phản ánh tâm hồn của những con người sống trong thiên nhiên và cuộc đời với một tấm lòng cởi mở, hòa hợp, những con người còn nghe hiểu được tiếng chim, tiếng suối, còn nói chuyện được với sóng biển và sao trời.

Văn Lang ngày xưa cũng là Việt Nam ngày nay. Tuy là Dị Sử mà không khác mấy với lịch sử hiện đại. Cũng khung trời ấy, cũng những con người ấy, cũng những bài học ấy. Nguyễn Lạng đưa chúng ta về thăm quê hương cũ sáng đẹp nét nguyên sơ, để ta chứng kiến được chính lòng ta, nhận định được chính hoàn cảnh ta, nhìn lại được chính bản thân ta. Tiếng sóng gào thét bên triền núi Tản Viên hôm nay vẫn còn là hiện thực...